VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

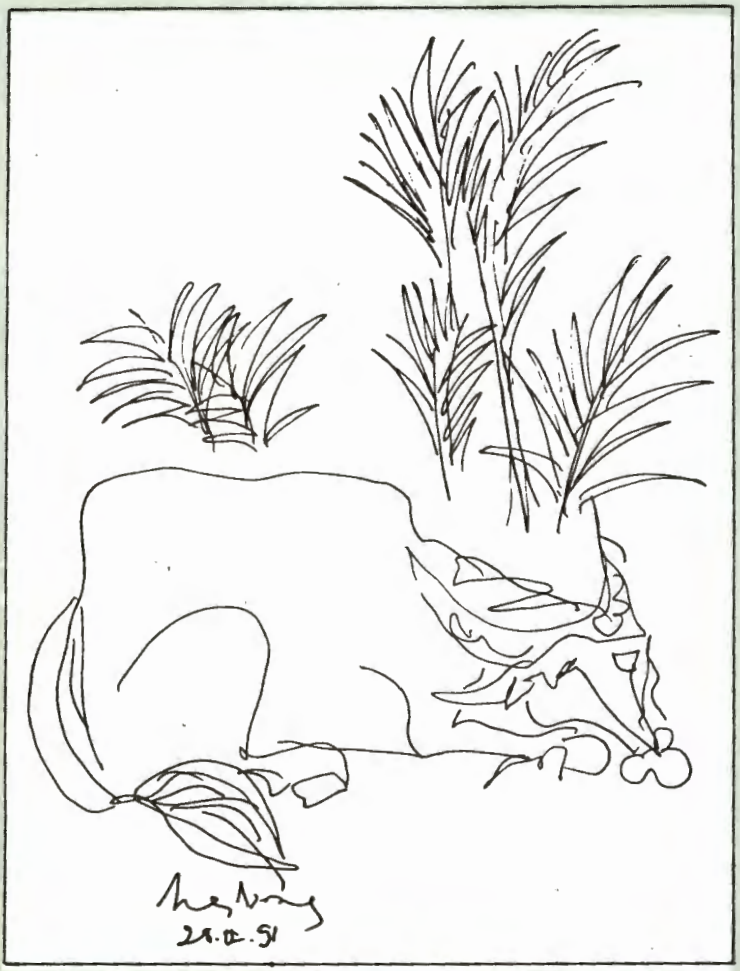

NGUYỄN ĐÔNG

SỐ 65 THÁNG 7 NĂM 1991

VĂN HỌC
TRONG SỐ NÀY:

Thư tòa soạn trang 1 ● **Đỗ Quý Toàn:** *thơ mọc lên như cỏ cây trên mặt đất* tiểu luận trang 2 ● **Nguyễn Mộng Giác:** *đọc lại thơ tuệ sỹ* tạp văn trang 13 ● **Hoàng Vũ Đức Vân:** thơ trang 20 ● **Hoàng Xuân Sơn:** thơ trang 21 ● **Võ Đình:** *nhân đọc "lộc trại của vương duy"* tạp văn trang 22 ● **Trần Mộng Tú:** thơ dịch trang 28 ● **Bùi Huệ Thu:** thơ trang 29 ● **Thụy Khuê:** *nhận diện thơ* biên khảo trang 330 ● nói chuyện với lê văn vũ bắc tiến: trang 38 ● **Phạm Chi Lan:** thơ trang 48 ● **Thập Lang:** *dòng sông bị nguyền rủa* truyện ngắn trang 49 ● **Hoàng Việt Thi:** thơ trang 59 ● **Vũ Tiến Thủy:** *mả thuồng luồng bên bờ sông tô lịch* truyện ngắn trang 60 ● **Mai Kim Ngọc:** thơ trang 70 ● **Tôn Thất Ngự:** thơ trang 72 ● **Trần Sa:** *câu chuyện hạnh phúc* truyện ngắn trang 73 ● **Ngữ An:** thơ trang 79 ● **Nguyễn thị Hoàng Bắc:** *xin đón xem hồi sau sẽ rõ* truyện ngắn trang 80 ●**La Toàn Vinh:** thơ trang 92 ● **Khánh Trường:** *đêm ngày một cõi* truyện ngắn trang 94 ● **Phạm Việt Cường:** thơ trang 108 ● **Vạn Giả:** thơ trang 110 ● **Trần văn Tích:** *thương xác cùng ông tường vũ anh thy* **trang 111** ● **Hoàng Sử Mai:** *góp ý với ông tường vũ anh thy* **trang 115** ● **Tranh bìa Nguyễn Đồng**

BAN CHỦ BIÊN:

Nguyễn Mộng Giác ☼ Nguyễn Xuân Hoàng ☼ Cao Xuân Huy ☼ Hoàng Khởi Phong ☼ Trịnh Y Thư ☼ Khánh Trường ☼ Trương Vũ

Chủ bút: Trịnh Y Thư

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Mỹ thuật: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow N.S.W. 2211 Australia. Tel: (02)771.1770
Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

thư tòa soạn

Chủ đề thi ca từ số báo trước chưa ngưng hẳn mà còn "lấn đất" qua số báo này. Như nhận xét của ngòi bút biên khảo Thụy Khuê trong bài *Nhận diện thơ*, "... *Tính chất khói sương, phiếm định trong thơ, tuy vậy, gắn liền với cuộc đời hơn tản văn...*", *Văn Học* hy vọng những bài viết về thơ của các tác giả uy tín sẽ giúp độc giả, nhất là độc giả trẻ ở hải ngoại, có cái nhìn sâu sắc, cảm thông hơn về thơ.

Văn Học cũng sẽ cố gắng thực hiện mỗi kỳ một bài phỏng vấn hay nói chuyện với các văn nghệ sĩ thuộc đủ mọi bộ môn nghệ thuật. Bắt đầu từ số này là bài phỏng vấn kịch sĩ lão thành Lê Văn Vũ Bắc Tiến; buổi nói chuyện xoay quanh các vấn đề liên quan tới kịch nghệ Việt-nam từ trước đến nay. Việc thực hiện trên đòi hỏi nhiều công phu do khó khăn địa lý gây ra, vì thế chúng tôi tha thiết mong mỏi có được sự trợ giúp quí báu của quí văn thi hữu xa gần, đóng góp thường xuyên vào tiết mục này của tờ báo.

Vấn đề trị sự vẫn là một khó khăn hàng đầu của các anh em trong ban chủ biên. Chúng tôi xin chân thành cáo lỗi cùng quí độc giả dài hạn về những sơ suất trong việc gửi báo đến quí vị.

Văn Học

ĐỖ QUÝ TOÀN

thơ mọc lên như cỏ cây trên mặt đất

*

Chữ và nghĩa luôn luôn là một điều bí nhiệm. Chúng ta nói một lời, gọi tên một vật, đinh ninh rằng lời ta nói ra là một phần cố kết với vật được nói tới. Sự việc, vật thể, tính chất v.v... có tên để gọi. Nói ăn biết là việc ăn thế nào; gọi cái bàn biết nó là cái gì; nhanh, chậm, lớn, nhỏ mỗi tiếng có một nghĩa, như thể trên thượng giới các ông Nam Tào, Bắc Đẩu đã thảo luận nghiêm túc và quyết định nhất trí chữ nào có nghĩa gì, hạ giới cứ mở kho từ điển ra lấy mà dùng, khỏi thắc mắc.

Có người Nga kể câu chuyện một cụ già nhà quê. Cụ gặp mấy nhà bác học, có kính thiên văn để ngắm sao, nghe họ bàn về các vì sao. Ngôi sao nào đang ở đâu, sao tên gì có đặc điểm nào. Ông cụ thắc mắc: Dã đành là các ông có viễn kính thì các ông nhìn thấy được các ngôi sao ở tít xa kia, tôi chịu. Nhưng các ông ở đây thì làm sao mà các ông biết được cả tên của các vì sao xa tít kia? (Theo Lev Semenovich Vygotsky, *Tư Tưởng và Ngôn Ngữ* xuất bản lần đầu năm 1934).

Rắc rối thật. Nếu chúng ta có ống nhòm tốt, nhìn vô cửa sổ một căn nhà ở xa, thấy vợ chồng người ta ở sau khung cửa, ta có thể quan sát, mô tả, giống như các nhà thiên văn tả các vì sao. Nhưng làm sao biết tên của họ được? Bịa ra chăng? Có quyền gì mà bịa đặt, khi ta không phải là nhà văn giành quyền đặt tên các nhân vật tưởng tượng? Bịa tên đại đi, thì ai công nhận cái tên nào đi đôi với cái vật nào? Henry Miller đặt tên hai cuốn tiểu thuyết của ông bằng tên hai vĩ

tuyến trên trái đất, đường đông chí và đường hạ chí. Các độc giả của ông gọi tên hai cuốn sách nổi tiếng đó như tên ông đặt. Chẳng ai biết điều bí mật là hai tên đó ông vẫn dùng để âu yếm gọi hai đỉnh cao trên thân thể June, bà vợ quý của ông, cho đến lúc Robert Ferguson tiết lộ. Vậy hai tên này đi đôi với các vật nào? Hai ý niệm địa dư? Hai cuốn sách? Hai vật thể phù du bây giờ đã tan rữa vào đất bụi?

Từ điển là một sácg chế mới mẻ, so với lịch sử loài người từ khi biết nói. Nó tiêu chuẩn hóa tiếng nói, thành ra cũng làm tiếng nói đóng băng lại. Nói hai tiếng "cô gái", chúng ta biết nó là gì. Vì trong từ điển, sau chữ đó, có định nghĩa rõ lắm. Nhưng bây giờ nhìn một cô gái, đưa ngón tay trỏ một cái, gọi tên "cô gái". Chỉ căn cứ vào từ điển, đó là một việc khá tàn nhẫn. Chả biết con nhà người ta là ai, chưa thăm hỏi người ta một câu, chỉ tay, gọi tên, thế là làm cho cả cái con người đầy đủ thân, tâm, thất tình, lục dục, xinh đẹp, khỏe mạnh đó biến mất. Chỉ còn mấy dòng định nghĩa ở trong từ điển, hay là mấy ý niệm trừu tượng ở trong đầu. Cho nên các cụ bảo nói ra là bị kẹt, nói ra là đã phạm sai lầm. Các cụ hồi nào tới giờ vẫn chí lý.

Từ chuyện gọi tên sao, gọi tên sách, đến gọi người, chúng ta có một thói quen chia loại, cắt xén, trừu tượng hóa khi dùng ngôn ngữ. Chúng ta gắn cho mỗi vật một cái tên. Rồi nghĩ mỗi tên có một vật. Tội nghiệp người ta lắm. Vì óc của ta không đủ chỗ chứa tên, tuổi, chức nghiệp, tiểu sử, hình vóc của 1.500 triệu cô gái trên trái đất, nên ta có danh từ chung "cô gái" để gọi họ. Gọi "cô gái", khiến cho 1.500 triệu cô gái thực biến mất trên quả đất, để lại có một cô, cô định nghĩa, cô tiêu chuẩn, lạnh cứng. Nếu tôi muốn nói với bạn đọc về một cô gái thôi, một cô nhất định, đặc biệt, tôi sẽ phải nói thế nào? Chẳng hạn tôi nói về Miêu Khả Tú (tôi vẫn nhớ cô bán nước mía xinh xinh trong phim *Đường Sơn Đại Huynh* – hồi 1960 ở Sàigòn). Giả thử cái tên Miêu Khả Tú là cái tên duy nhất; trong 1.500 triệu cô, không cô nào khác mang tên đó. Tôi bảo: "Miêu Khả Tú xinh quá". Câu đó có ý nghĩa rõ ràng hơn câu "Cô gái xinh quá" hay chăng? Không chắc đã rõ hơn, vì độc giả của tôi, chẳng biết có ai đã coi phim và còn nhớ Miêu Khả Tú. Vậy cái tên Miêu Khả Tú, cái tên duy nhất, như tên của

một ngôi sao ở trên trời, KV39T43 chẳng hạn, cái tên đó không có ý nghĩa gì cả nếu quý vị không từng gần gũi cô tài tử Hồng Kông này như coi phim của cô chẳng hạn.

Đối với quý vị đã coi Miêu Khả Tú đóng phim rồi thì cái tên của cô ta sẽ gợi rất nhiều ý tưởng. Có người sẽ nghĩ ngay đến một cuốn phim khác, một vai trò khác mà cô đã đóng. Có người đã sưu tầm tiểu sử Miêu Khả Tú. Có người lấy tên cô đặt tên cho một con mèo hay cô em họ xinh đẹp của mình. Bây giờ gọi tên Miêu Khả Tú thì nhớ đến cô em gái, và các kỷ niệm, và nụ cười, và tánh tình hiền dịu, âu yếm. Vậy Miêu Khả Tú, cái tên đó có một ý nghĩa nào chung để tất cả chúng ta chia sẻ với nhau hay không? Hay mỗi người có một Miêu Khả Tú của mình thôi?

Nói: "Miêu Khả Tú xinh quá". Nếu chúng ta có một cuốn từ điển nhân vật về các tài tử Hồng Kông (kiểu Who's Who) thì quý vị có thể tìm thấy trong cuốn sách đó tiểu sử, sự nghiệp điện ảnh, tình trạng gia đình, thước đo, trọng lượng của cô. Đọc những dòng trong bản tiểu sử kèm hình ảnh đó, quý vị có nhận ra đó chính là nhân vật Miêu Khả Tú mà quý vị thấy hiện ra trong đầu khi nghe tôi nói đến tên cô không? Chắc chắn cái ý tứ nảy sinh trong đầu của mỗi chúng ta nó khác, nó giầu hơn, chứa đựng nhiều tình tự, kỷ niệm, rộn rực hơn là mấy dòng chữ tiểu sử. Chỉ người nào không biết Miêu Khả Tú là ai, mới đi tìm tiểu sử của cô. Đọc xong, một ý niệm sẽ thành hình về nhân vật mang tên này. Còn người đã coi cô đóng phim, đã lấy tên cô để đặt một cô em rất âu yếm, thì cái tên gợi ra các tình tứ phong phú, phức tạp hơn là mấy dòng tiểu sử. Có khi nó chẳng ăn nhập gì đến tiểu sử cả.

Chữ nghĩa mà chúng ta dùng cũng vậy. Khi nói "Hoa mai", hai tiếng này có một *nghĩa*, cái nghĩa ghi trong từ điển. Từ này có thể chuyên chở năm, bảy nghĩa, như các nhà soạn từ điển vẫn đánh số. Số 1 là tên một loài hoa, mô tả như thế, như thế. Số 2 là tên một bài quyền, do lão sư tổ nào đó đặt ra. Số 3 là "lon" của các sĩ quan Việt nam Cộng hòa v.v... Nhưng khi ta nói hai tiếng "Hoa mai" thì chúng không phải gợi lên một hay nhiều ý nghĩa đã được từ điển chuẩn hóa như thế. Hai tiếng "hoa mai" còn gợi ra các *ý tứ*, ý tứ gồm rất nhiều

những xúc động, tình cảm, tưởng tượng. Trong thơ, khi đọc hai tiếng "hoa mai" thường thường trong đầu mình nảy ra các *ý tứ*. Mình sẽ nghĩ đến hình ảnh vài bông hoa mai nhất định nào đó, một cành mai năm nào đó, một vườn mai, những buổi đi mua hay cắt cành mai, hay dấu hiệu trên ngực áo của các cô nữ sinh trường cũ, vân vân. Mình sẽ chỉ dùng đến các *nghĩa* ghi trong từ điển nếu hồi nào đến giờ chưa nghe, chưa biết hoa mai là cái gì. Cũng giống như người chưa nghe tên Miêu Khả Tú bao giờ thì mới tìm cô ta trong bản tiểu sử. Khi quý vị đọc tới đây, chắc quý vị cũng đã tự dựng trong đầu mấy ý tứ về cô đào điện ảnh này, dù đây là lần đầu tiên đọc tên cô ta. Đó là một phụ nữ Hồng kông, đóng phim, đã làm cho một anh học trò Việt nam mê mẩn khi coi phim, ba chục năm sau vẫn còn khen con người nữ tú diễm lệ khả ái quá trời quá đất. Cô tài tử chiếu bóng đó có thể giống giống một cô gái khác mà quý vị đã biết, đã quen. *Ai lên phố Cát Đại đồng, hỏi thăm cô Tú có chồng hay chưa*? Cô Tú là ai vậy? Chắc là tất cả các cô gái trên trái đất.

Một tiếng, một từ, đứng một mình, thường không gây ra những tác dụng diễm ảo như cái tên một cô gái xinh. Nhưng ở trong thơ, các từ không đứng một mình. Mỗi tiếng ở trong một câu; nhiều câu làm thành một khúc, gom lại thành cả bài thơ, cả câu thơ. Ý tứ của một tiếng, một từ, trở nên diễm ảo vì tác dụng của tất cả bài thơ, cả câu thơ. Đọc một bài thơ là tự nói một mình, mình nói cho mình nghe. Làm thơ chắc cũng nói một mình như vậy. Như một đứa bé ba tuổi bày đồ chơi lên bàn, vừa bày vừa tự nói: "Cái hoa này, cái kẹp tóc này, nón của Nắng Mai này, giầy của Nắng Mai này, Nắng Mai có nhiều đồ chơi lắm!" Trẻ em luôn luôn làm thơ, suốt ngày nói cho sướng miệng.

Bình minh bình minh anh kêu khẽ

Khi thi sĩ viết: "*Mai Mai xa Mai như hoa Mai về tình thơ hôm nay*" (Thanh Tâm Tuyền) cái tên hoa đọc lên gợi cho ta những ý tứ nào? Chắc phải nói: anh có hoa Mai của anh, tôi có hoa Mai của tôi, mỗi Mai ở mỗi lòng người mỗi khác. Vậy cái gì đã giúp chúng ta truyền cho nhau những tình ý như hoa Mai về tình thơ hôm nay? Đọc lại "như hoa Mai về tình thơ hôm nay". Thử đổi hai chữ "hoa mai" coi sao.

Nếu như câu thơ viết "Hoa Hoa xa Hoa như bông Hoa về tình thơ hôm nay" thì cảm ứng của người đọc có thay đổi hay không? Ta biết Hoa cũng là tên của một người, chắc hẳn là một người yêu dấu. Các bạn có thể đổi tên của người trong câu thơ cũng được, không sao cả. Lại viết: "Gọi tên, gọi tên, gọi tên nàng về tình thơ hôm nay". Nghe như vậy không thấy giống. Vì nói "gọi tên" không giống như nói "Mai" hay "Hoa". Bởi vì âm điệu nó khác, và bởi câu đó là lời tường thuật, không phải chỉ là hành động. Nếu so sánh ý tứ câu thơ, khi ta gọi "Hoa Hoa xa Hoa như bông Hoa về tình thơ hôm nay" so với câu thơ nguyên gốc của Thanh Tâm Tuyền, những tình ý đó khác nhau nhiều lắm không? Những tình ý mà chúng ta có thể chia sẻ với nhau là do hành động gọi tên, gọi tiếng thì thầm. Là do hình ảnh bông hoa, trong kho ký ức của chúng ta vốn là một hình ảnh đẹp. Là do "tình thơ", hai tiếng gợi các cảm giác đẹp. Là do giai điệu bảy tiếng không dấu (Mai Mai xa Mai như hoa Mai) hai tiếng dấu huyền (về tình) rồi nâng lên cung bậc cũ (thơ hôm nay). Là do tiếng "xa" chen ở giữa chuỗi tiếng lập lại thì thầm "Mai Mai (xa) Mai như hoa Mai" khiến cho cái ý "xa" thêm biền biệt chìm khuất. Là do tên người với tên hoa, với tình thơ hôm nay trùng hợp. Vân vân vân. Kể lể năm yếu tố "là do" chắc cũng không đủ để phân tích cái cảm ứng trong lòng mọi người đọc, mà cảm ứng của tôi chắc không giống cảm ứng của bạn. Với các điều phân tích trên, năm đoạn "là do" đó, nếu viết tên Mai, hay tên Hoa, cũng chỉ khác nhau ở một chỗ, là phụ âm M thì môi mấp máy, đọc "Mai" gợi cho ta dạng thì thầm và thủ thỉ hơn khi phát âm "Hoa". Tiếng Hoa với phụ âm H, và vần "oa" mở miệng rộng, không có giọng thủ thỉ như "Mai Mai xa Mai như hoa Mai..."

Nhưng nếu chúng ta đọc bài thơ đến câu đó mà viết là "Hoa Hoa xa Hoa..." thì còn một cảm ứng khác mà chúng ta không hưởng được. Đó là hình ảnh tương đồng (Mai) ở câu sau và (Bình minh) ở câu trước. Xin đọc cả hai câu:

Bình minh bình minh anh kêu khẽ cảm động muốn khóc
Mai Mai xa Mai như hoa Mai về tình thơ hôm nay

Người biết tiếng Việt đều nhớ hai chữ "Mai Mai" như lời lập lại

của "Bình minh bình minh". "Mai Mai xa Mai..." nối tiếp ý tứ của "anh kêu khẽ..."

Bình minh Bình minh anh kêu khẽ cảm động muốn khóc
Mai mai xa Mai như hoa Mai về tình thơ hôm nay

Hãy nghĩ đến hai hành động khác nhau. Có lúc người ta muốn gọi tên một người nào rất âu yếm, rất thân thiết. Chắc lúc đó ta sẽ gọi tên khẽ, thì thầm. Người ở xa, người biệt tích, chắc ta sẽ gọi thầm rồi cảm động, có thể muốn khóc. Đây là hành động gọi tên. Gọi nhỏ "em, em ơi" nhiều lần thành thói quen, nó tạo nên một cấu thức ngôn ngữ trong tâm não. Nó được cấy vào đó như một hạt giống (chủng tử), hay một vi khuẩn đơn bào. Chính thói gọi tên của ta tạo nên con vi khuẩn nằm vùng này – gọi là "hiện hành sinh chủng tử", chữ trong Duy Thức.

Lại đến hành động thứ hai. Có lúc chúng ta đang nói khe khẽ, đang muốn nói thì thầm, vì thâm tâm đang xúc động, các hạch tử nước mắt muốn mở tung, hệ thần kinh đang truyền các tín hiệu bàng hoàng. Đúng lúc đó, ta bỗng muốn gọi tên một người nào rất thân thiết, quá xa khuất, rất âu yếm. Lúc đầu ta chỉ thốt lên "Bình minh bình minh..." Đó là một hành động ngôn ngữ thuần túy. Không có ai tên Bình minh để gọi. Không có vị Bồ tát Bình minh nào mà khấn khứa. Nói nhỏ "Bình minh bình minh" như có ma nó ám phải nói. Nhưng cái hành động gọi và âm thanh của diệp ngữ nó đánh thức con vi khuẩn (hay hạt giống) cũ. Nghe như lúc vẫn gọi "em, em". Nó thức dậy. Nó lại bị khuấy lên vì mấy tiếng "anh kêu khẽ cảm động muốn khóc". Mấy tiếng đó mở cửa đập nước, nước ào ào đổ ra. Một lời là một vận vào. Phải gọi tên, phải kêu khẽ, phải cảm động muốn khóc. Con vi khuẩn cũ lại hoạt động, lại sinh sản, tiếng nói ào ra. Gọi "Bình minh bình minh" làm tiếng gọi tên "Mai Mai..." thức dậy. Nên gọi tiếp "Mai Mai..."

Ví thử có một người Việt nào đứng ở bờ đông Thái-bình-dương gọi thầm: "Việt nam Việt nam – anh kêu khẽ cảm động muốn khóc". Sau khi nói câu đó chúng ta có thể sẽ bị "vận vào" mà gọi tiếp "Mai Mai xa Mai..." như ở câu thơ sau không?

Có thể. Nhưng câu thơ sau chắc sẽ khác nhiều lắm! Hoặc có người

gọi này: "Mẹ ơi mẹ ơi con kêu khẽ cảm động muốn khóc". Cũng sẽ khác nhiều lắm. Những tiếng "Việt nam Việt nam" (trong một ca khúc cũ) hay "Mẹ ơi mẹ ơi" chứa đựng những tình tự vốn đậm và nóng. Nhưng chắc không gây ra tác dụng thúc chúng ta gọi tên một người thân thiết, như chàng vẫn gọi nàng "em, em". Các tiếng "Việt nam" hay "Mẹ ơi", tự nó chứa những tình cảm đậm, nóng lắm rồi. Các tình tự đó mạnh, nên lấn át các thứ xúc cảm khác. Nhớ nước, nhớ mẹ, chúng ta không còn gọi "em em" nữa. Nhưng khi ta gọi "Bình minh bình minh..." hành động gọi tên này giống một hiện tượng ngôn ngữ thuần túy. Cũng như thi sĩ nói "*Ly khách ly khách* [con đường nhỏ]" (Thâm Tâm). Tự nhiên lập lại các tiếng đó, hai lần, vì mồm miệng, đầu óc, thân thể muốn lập lại. Ngôn ngữ tự nhảy múa như hai bàn chân của em bé khi vừa ở trên xe bước xuống ngọn đồi cỏ. Thâm tâm ta bị cuốn trong một cảnh tượng, một xúc động. Vì thế mà tiếng nói muốn thốt ra, theo một cách. Bình minh bình minh, anh kêu khẽ. Tiếng nói nhảy múa, đổ xô ra, tiếng nói có đời sống riêng, cách thao tác riêng, sinh sôi nảy nở lối riêng. Tiếng nói đẻ ra tiếng nói khác. Một nàng Kiều ngồi nhìn ngắm cảnh chiều tà, nhớ cảnh các buổi chiều tà đã trôi qua biền biệt, thốt lên:

Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng

Nếu sống ở thời này (200 năm sau), nếu Tố Như mà làm thơ tự do, có khi ông cũng viết: "Hoàng hôn hoàng hôn em thầm nhủ..." Và sau đó cô Thúy Kiều của chúng ta sẽ gọi: "Chàng Kim chàng Kim em đã phụ lời hẹn với chàng, chàng ơi!", thay vì:

Kim lang ơi hỡi Kim lang
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây

Hành động gọi tên này kéo theo hành động gọi tên khác, tiếng nói tuôn ra, thơ như suối chảy.

Thơ xanh mầm trong lá cây

Tiếng nói như những giọt nước, giọt nọ cuốn giọt kia đi, nhờ trọng lực, và lực trong vũ trụ làm cho các phần tử dính vào nhau, các hạt nhân quấn lấy nhau. Nói như vậy mới chỉ ví tiếng nói như các vật vô sinh – giả thử giọt nước là vô sinh.

Nhưng tiếng nói cũng như một sinh vật. Bài thơ nó sống, nó đòi ra đời, nó cựa quậy, trườn đi, lớn lên. Tiếng này kéo tiếng khác, các âm thanh tiếp cận lôi nhau, các lối xếp đặt tương tự sinh lẫn nhau, chị này đẻ ra chị khác, anh nọ làm anh kia ra đời. Một nhà sinh học đã làm nẩy ra ý kiến: Ngôn ngữ giống như một sinh vật, nó sinh sôi nảy nở trong nhân loại. Nó lấy nhân loại làm môi trường sống, như một loài vi khuẩn dùng thân xác chúng ta làm nơi tạm trú, làm thức ăn, làm phòng ngủ, làm nghĩa trang... Ngôn ngữ nằm trong *gene* (hạt giống), nằm trong cộng nghiệp của mỗi sắc dân, của cả loài người. Cho đứa bé ở với người Mán nó sẽ nói tiếng Mán, ở với người Mỹ nó sẽ nói tiếng Mỹ, vì cái giống vi khuẩn đó ở môi trường nào cũng tìm ra đất sống, tìm ra một mô thức sinh sản và tăng trưởng.

Ví ngôn ngữ như một loài vi khuẩn cũng là hơi chật hẹp. Có thể dùng một hình ảnh khác, lấy hình ảnh chất diệp lục hóa ở trong lá cây, như ngôn ngữ ở trong loài người. Có phải cây tạo ra chất diệp lục hóa để làm phương tiện mà sinh, thành, trụ, diệt hay chăng? Có ai chế ra các tế bào diệp lục tố chỉ cốt để mang đặt vào trong lá cây, giúp loài cây tăng trưởng hay không? Chất diệp lục tố có thể sinh sản trên trái đất này nếu không có cây cỏ hay không? Cây cỏ và diệp lục tố có thể hiện hữu độc lập với nhau chăng? Có lẽ ngôn ngữ đối với loài người cũng như diệp lục tố trong lá cây. Các nhà sinh học đã nẩy ra ý nghĩ rằng khả năng dùng ngôn ngữ ở loài người cũng tương tự như khả năng xây tổ của loài kiến. Trong cái *gene* của loài kiến đã có sẵn một chương trình điện toán, điều khiển nó làm việc xây tổ. Trong tế bào DNA của con kiến đã định sẵn các động tác, các chiều hướng, những bản họa đồ, bản phân công chặt chẽ. Nhìn kỹ thì chính cái tổ kiến mới có thể coi là một sinh vật, còn mỗi con kiến trong đó chỉ là một bộ phận của sinh vật to lớn kia. Đi xa hơn nữa, họ đã nghĩ cả trái đất này là một sinh vật, mỗi chúng ta như một tế bào ngọ nguậy ở trong sinh vật đó. Xa hơn tí nữa thì sự phân biệt sinh vật với vật vô sinh cũng chỉ là giả tạm mà thôi.

Có một nữ sĩ người Nga, Marina Tsvetayeva, nghĩ rằng thực sự chúng ta không ai làm ra thơ. Thơ tự nó mọc ra – như cây mọc trên

đất. Một nhà văn Việt nam mô tả cảnh người viết văn: "*Chữ nghĩa tuôn ra thổn thức, hân hoan... Dòng văn chương cuồng nhiệt có riêng một đời sống cho nó*". (Ngọc Khôi – truyện ngắn *Cái Chết Của Gã Trung Cổ*). Bà Tsvetayeva ví thi sĩ như trái đất sinh sôi. Bà đã cảm thấy tiếng nói như một sinh vật. Ngọc Khôi cũng vậy.

Một nhà ngữ học, Chomsky, đã nghĩ tới chuyện ngôn ngữ chỉ là một đặc tính sinh học của bộ não. Nhà sinh học Lewis Thomas, dự đoán thêm rằng nghệ thuật, âm nhạc, chắc cũng hoạt động với các cơ động di truyền, phổ quát như ngôn ngữ. Trong chất DNA di chủng của ta đã có những mật ký giúp chúng ta có khả năng dùng các tiếng, lập lại một cách nói, để dần dần hình thành các ngữ pháp. Đặc tính đó cũng giống như đặc tính của một loài chim, là mọc ra bộ lông vũ mầu xanh, mầu đen hay đỏ. Nhà sinh học quan sát một tổ kiến khi các con kiến thợ chạy loăng quăng, hỗn độn. Rồi không biết từ lúc nào, chúng đã đắp lên một núm đất, lên cao thành cái cột, dần dần nối lại thành cái vòm. Các con kiến bò quanh, chạy cắm cúi, va chạm, lung tung. Không thấy có con kiến nào cầm bản đồ án, cũng không thấy có viên quản giáo hay anh cai thầu nào đứng chỉ trỏ, sai bảo. Trong tổ kiến, các viên đất được vê tròn, được xếp, đặt, chồng lên nhau, cũng giống như các âm vị, các tiếng, các lời. Ngôn ngữ ở trong loài người cũng thành hình như vậy. Lewis Thomas tưởng tượng trong óc ta mỗi tế bào chứa một mẩu "tin tức", như các tế bào của cơ thể đều chứa năng lượng. Một trung khu nối nhiều tế bào óc thì mang sẵn cho ta một khuôn thức, hình ảnh về thực tại. Những khuôn thức, mật ký chứa chất trong trí nhớ. Có cái là di truyền của chủng loại, dòng giống, có cái từ thiên nhiên, từ xã hội đưa vào, có cái mình tạo nghiệp mà ra, chứa đựng trong người, hãy gọi là những thứ chủng tử. Khi một tín hiệu mới truyền vào, phải duyên vừa lứa, nó sẽ gây "một vụ nổ sâu thẳm trong tâm thức, các ý tưởng bất chợt trương phềnh lên, tập họp lại, thổi bùng thêm năng lượng mới, và chúng bắt đầu sinh sôi" (*The Lives of a Cell*).

Trong các tế bào sinh vật đều có phần vụ lo chứa tin, nhận tin và phát tin như vậy. Ở loài vật thì diễn trình xảy ra giản đơn. Tín hiệu

đến, hệ mật ký so lựa, nếu đúng "chương trình" thì phát ra một hiệu lệnh duy nhất. Thomas kể chuyện con ong bò vẽ đến ngày đẻ tự nhiên nó đi xây tổ. Rồi nó đi bắt một con sâu, theo "chương trình" trong *gene* của nó. Tìm đúng loài sâu giống cái hình ghi trong mật ký, nó chộp lấy, tiêm thuốc tê, mang về tổ. Nó đặt con sâu trước cửa, rồi vô kiểm soát cái tổ. Kiểm soát xong nó đi ra kiếm con sâu để mang vào. Nếu có ai nghịch, nhặt con sâu để ra xa một chút, con ong sẽ đi tìm lần nữa. Tìm thấy, kéo về cửa tổ, nó lại đặt con sâu trước cửa, đi vào kiểm soát cái tổ như lần trước. Nếu ta nhặc con sâu bỏ ra chỗ khác, con ong bò vẽ sẽ lập lại dủ các bước, đúng theo thứ tự của "chương trình". Cứ như vậy, làm lại bao nhiêu lần cũng được. Con ong nhận một tín hiệu rồi chỉ phát ra một phản ứng mà thôi, không thay đổi được. Nhiều sinh vật cũng "*programmable*" như vậy. Người ta có thể quan sát các tế bào bạch huyết (lymphocytes). Khi gặp các chất độc lạ, phản ứng của chúng là bao vây, sinh sôi gấp rút các DNA mới, như thể chúng bùng nổ. Tất cả các hoạt động của chúng hình như theo một chương trình chính xác, chuẩn hóa chi li. Khi nào các chương trình được ghi trong các tế bào của cơ thể bị sai chệch, việc nhận tin, giải tin không còn như cũ, đó là lúc cơ thể già đi.

Tiếng nói của loài người khác hệ thống nhận và truyền tin của các sinh vật trên là do tính nhập nhằng hỗn độn (ambiguity) của nó. Nhà côn trùng học J.V. Uexkull cho là một côn trùng đứng trước một vườn hoa thì nó chỉ nhìn thấy vài kiểu hình dạng thôi. Nó phân biệt những tảng mầu hình tròn, những tảng mầu hình sao chẳng hạn. Loài ong bay tìm hoa theo chương trình như vậy, chỉ kiếm tìm các hình thù phù hợp với các mật ký di truyền (J.V. Uexkull, *Thế giới loài vật và thế giới người*). Con ong có lẽ không ngây ngất trước vẻ đẹp của bông hoa. Chỉ óc con người mới có khả năng đi lang thang vô định (hơi tự phụ). Các chương trình, khuôn thức, mật ký của người phức tạp quá. Thật tội nghiệp! Hay đó là may mắn. Nếu không có cái chương trình phức tạp đó thì nàng đâu có hét lên "em nhớ anh" trong lúc nàng đi một mình trong rừng? Nếu không có nó thì khi nhìn mặt trời mọc chàng sẽ chỉ nghĩ đến cái bụng trống đói chứ đâu có hát lên: "Rừng rừng mùa hoa

gạo". Lewis Thomas đoán rằng nếu không có tính hàm hồ (ambiguity) của ngôn ngữ, thì có thể loài người vẫn sẽ có ngày tiến hóa tới độ đặt ra mẫu tự ABC... vẫn đạt tới khả năng ngồi lê đôi mách, nhưng chắc không thể tiến hóa dần dần đến nhạc của J.S. Bach được. Những quãng, những phối hợp của Bach là kết tinh của bao ngàn năm loài người nói, nói, đổi cách nói, đổi cách hiểu, rồi lại nói nữa. Nó giầu có hơn mầu xanh trên lá, nhờ tính hàm hồ, lãng đãng.

Nếu ngôn ngữ ở trong ta giống như chất diệp lục hóa ở trong cây, thì có điều khác biệt là tế bào diệp lục hóa nó "chạy" theo một chương trình, còn ngôn ngữ thì không. Chất diệp lục hóa bị kích thích khi có ánh sáng, nó phải tạo ra một màu xanh. Ngôn ngữ ở trong ta nó bị kích thích bằng trăm, ngàn loại tín hiệu khác nhau. Nó tạo ra trăm ngàn thứ màu sắc khác nhau. Có loại màu sắc tẻ nhạt, đại số học, *programmable* (theo chương trình), và có loại màu sắc sặc sỡ bất ngờ hay bi thương khủng khiếp. Nghe, hoặc nhớ lại một bài thơ hay, một kích thích tố mới, mình hoảng hốt xao động. Cái *hiện hành* đó lại khua thức những *chủng tử*, những mật ký trong mình. Sự kích thích này không khiến mình phải làm ra đúng một bài thơ nào đó, mà có thể có trăm bài thơ sẵn sàng trào ra. Cái xác suất để cho một bài, hay một câu nào đó hiện ra, là bao nhiêu, đó là một bí nhiệm.

Đọc một bài thơ ta có thể tưởng tượng, dò tìm xem các câu thơ đã tuôn chảy theo nhau ra làm sao. Thi sĩ có khi viết một mạch, hay viết đi viết lại, đọc, nhẩm, rồi sửa. Bài thơ lúc ngọ nguậy chui ra khác hình thái mà nó hiện ra lúc sau cùng. Nó có thể thành hai, ba hình thái khác nhau. Nhưng một bài thơ, như một toàn thể nhất quán, các chữ nghĩa lôi cuốn, xô đẩy nhau để người đọc có thể phát khởi một trạng thái tâm tưởng mà thi sĩ dự phỏng, dù tâm tưởng này khác cái trạng thái của thi sĩ lúc làm thơ. Nếu bài thơ không như vậy, ta đọc một lần rồi bỏ qua không sao. □

Kỳ sau: Ánh lửa mênh mang buổi tình đầu

NGUYỄN MỘNG GIÁC

đọc lại thơ tuệ sỹ

Cuối năm 1988, khi tin hai tu sĩ trí thức Phật giáo Trí Siêu (Lê Mạnh Thát) và Tuệ Sỹ bị nhà cầm quyền Cộng sản Việt-nam kêu án tử hình truyền ra hải ngoại, nhiều người mới tò mò tìm đọc những gì hai vị này đã viết. Họ tìm thấy những bài khảo cứu văn sử học của Lê Mạnh Thát, và những bài thơ, những tùy bút đầy chất thơ mộng đầy chất phiêu bồng của Tuệ Sỹ.

Rất nhiều người đã ngạc nhiên. Dường như không có gì gần gũi giữa những bài khảo cứu khô khan, những bài thơ "viễn mộng" với những hoạt động chính trị nhằm lật đổ một chế độ chuyên chế, chưa nói tới những hoạt động nguy hiểm đến độ chính quyền phải lập tòa án đặc biệt và kêu án tử hình.

Hồi đó, báo chí đã cho đăng tải một số thơ cũ và mới của Tuệ Sỹ. Bài *Tôi vẫn đợi* dưới đây là bài Tuệ Sỹ mới làm sau này, có lẽ lúc đang bị giam chờ ngày ra tòa:

Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù tha thiết mãi
Một vì sao bên khóe miệng rưng rưng.

Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen huyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử
Dài con sông tràn máu lệ quê cha.

Tôi vẫn đợi suốt đời quên sóng vỗ
Quên những người xuôi ngược Thái bình dương
Người ở lại với bàn tay bạo chúa
Cọng lau gầy trĩu nặng ánh tà dương.

Rồi trước mắt ngục tù thân bé bỏng
Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu
Rồi khép lại hàng mi về cõi mộng
Như sương mai, như bóng chớp, mây chiều.

Thú thật đọc xong bài thơ này, cảm tưởng ban đầu của tôi là hơi hụt hẫng, thất vọng. Thơ của một người tù đây ư? Không nói ra, nhưng lâu nay tôi vẫn giữ một định kiến hoặc một ước lệ về thể loại thơ tù. Ước lệ về khung cảnh thơ: song sắt, vách ngục, máu tra tấn, thân còm cõi... Ước lệ về không khí thơ: u uất, phẫn nộ, khinh mạn, oán hờn... Định kiến về nhân cách người thơ: cao ngạo, bất khuất, quắc mắt mà nhìn kẻ đưa mình ra pháp trường, uy vũ kềm kẹp không làm cho run sợ. Và định kiến về dự phóng cho tương lai: ngục tù không chận được diễn tiến tất yếu của lịch sử, cái thân tù đơn độc nhỏ nhoi dù có bị hủy diệt cũng không ngăn được những con người bất khuất khác nối gương tiếp nối. Thơ người tử tù phải là một sứ điệp gửi người ở lại, người ở ngoài. Hơn thế nữa, sứ điệp đó phải là một sứ điệp rõ ràng làm cương lĩnh cho hành động. Đem bao nhiêu cái khuôn thước có sẵn trên đây mà so với bài thơ Tuệ Sỹ, tôi bị hụt hẫng hoang mang là phải!

Tôi đã dựa vào những khuôn thước trí tuệ thông tục mà đọc bài thơ, và cố tìm hiểu cái sứ điệp ẩn giấu bàng bạc sau mười sáu câu thơ tám chữ.

Trước hết là khuôn thước thời gian. Nếu căn cứ vào tiêu chuẩn này, bài thơ được phân làm hai phần: phần dự phóng tương lai của ba đoạn thơ đầu, bắt đầu bằng các chữ *Tôi vẫn đợi*; phần trở lại thực tại tù tội ở bốn câu cuối bắt đầu bằng ba chữ *Rồi trước mắt*. Nếu chia bài thơ ra hai phần như vậy, thì ý nghĩa của bài thơ tù được mượn chất bi quan, như con hổ bị giam trong cũi sắt nhớ tiếc và mơ tưởng núi rừng thung

lũng mênh mông của những ngày tự do. Ba đoạn thơ đầu là những dấu hỏi dành cho tương lai, mở ra những khả-thể để đến đoạn cuối là một dấu than đột ngột tàn nhẫn, như những giọt lệ rỏ lên mọi hy vọng, chấm dứt mọi khả-thể. Một số bài thơ của Cao Bá Quát (cũng là một tử tù) được làm theo dạng này, gần gũi nhất là bài *Quá Dục Thúy Sơn* (Qua Núi Dục Thúy) dưới đây:

Thiên địa hữu tư sơn
Vạn cổ hữu tư tự
Phong cảnh dĩ kỳ tuyệt
Nhi ngã diệc lai thử
Ngã dục đăng cao sầm
Hạo ca ký vân thủy
Hữu ước mãi vi tư
Phàm sự dại đô nhĩ!
(Trời đất có núi ấy
Muôn thuở có chùa này
Phong cảnh đã kỳ tuyệt
Lại thêm ta đến đây
Ta muốn lên đỉnh núi
Hát vang giữa mây bay
Ao ước mà không được
Việc đời thường như vậy!)

(Ngô Lập Chi dịch)

Tuệ Sỹ từ ô cửa ngục gửi ra cho nhân gian những tiếng thở dài hay sao? Tôi đã kiểm chứng cách hiểu ban đầu của mình bằng cách đọc lại lần nữa toàn bài thơ, và bớt chú tâm đến những mốc thời gian mở đầu các tiểu đoạn. Tôi không tìm thấy những tiếng thở dài. Không có cả những tiếng than van. Thoang thoảng đâu đó, khi rõ rệt, khi mơ hồ, tôi có cảm tưởng đang nghe một tiếng võng đưa, hoặc những lời mẹ ru con đìu dặt, mơn trớn, vỗ về. Có cái gì rộng rinh không thể gói trọn bằng ngôn ngữ hoặc ý niệm cụ thể. Tôi bắt đầu ngờ vực cách phân định thời gian rành mạch ban đầu, và thử tìm đọc bài *Tôi vẫn đợi* theo một cách khác. Chẳng hạn thử tìm hiểu ý nghĩa của màu sắc và âm

thanh. Nếu như vậy, mỗi đoạn thơ bốn câu tự nó đã mang đủ một sứ điệp trọn vẹn, không còn cần đến cả bài. Xin đọc lại đoạn thơ đầu:

Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù tha thiết mãi
Một vì sao bên khóe miệng rưng rưng.

Đúng là một tập hợp của những thi ảnh phức tạp (đôi khi mâu thuẫn nhau) với những nối kết lỏng lẻo, mờ nhạt, nhưng vẫn lập thành một khối thống nhất nhờ liên hệ văn phạm và vần điệu hợp nhất một cách bình thường. Câu thứ nhất nói tới màu xanh của đêm, câu thứ hai giải thích thêm một ẩn ngữ (màu xanh trong tiếng khóc ven rừng). Ẩn ngữ này tưởng lại được giải thích trong câu thứ ba (màu xanh xao *trong* khóc, *trong* bóng tối hận thù), nhưng không, đó chỉ là một liên hệ giả. Những thi ảnh của hai câu thơ đầu được lặp lại ở hai câu sau (*khắc khoải – tha thiết; tiếng khóc – rưng rưng*), thêm vào đó, chữ *trong* khiến chúng ta có cảm tưởng như hai câu sau là phụ ý chuyển của hai câu trước. Thật sự không phải vậy. Hai câu sau bay bổng lên một vũ trụ khác, cất cánh khỏi những hệ lụy của nhân gian, những ti tiện của tranh chấp và thù hận để đạt đến một cõi sáng láng hơn, cao cả hơn, mà biểu trưng là một ánh sao, một nụ cười. Bốn câu thơ di chuyển theo chiều cao, từ bậc thấp của những tranh chấp ti tiện, đớn đau đến bậc cao của thức tỉnh, giác ngộ.

Đoạn thơ thứ nhì:

Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen huyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử
Dài con sông tràn máu lệ quê chia.

được thừa hưởng tinh chất của đoạn thứ nhất nên sự chuyển hóa đơn giản hơn, không quá rối rắm mâu thuẫn hoặc quằn quại vươn mình lên như ý thơ của đoạn thứ nhất. Thơ đoạn này di chuyển theo chiều rộng và cũng bắt đầu từ một màu sắc: màu đêm đen.

Bố trí văn phạm của đoạn thơ thứ nhì cũng giống y như đoạn thơ trước, câu sau luôn giữ nhiệm vụ giải thích cho một chữ quan trọng

của câu trước (*đêm đen* trong câu 5 và *màu đen* của câu 6, *ánh mắt* của câu 6 và *nhìn hun hút* của câu 7, *dài thêm lịch sử* của câu 7 và *dài con sông* của câu 8). Từ màu đêm đen, Tuệ Sỹ không gợi nhớ tới màu đêm u tối của sinh lão bệnh tử mà gợi ra màu đen của một ánh mắt. Phải rồi, tất cả cuộc đời bắt đầu bằng một cái nhìn, một lối nhìn. Có những cái nhìn chìm đắm chết đuối vào sắc tướng, có những cái nhìn thấu suốt được chân lý của cuộc sinh hóa. Thơ di chuyển theo chiều rộng của thời gian, thơ nhìn ra được diễn biến của cuộc đời *tự ngàn xưa*, nhìn ra được cốt tủy mọi biến động của lịch sử cũng như thấu hiểu do đâu có cảnh núi xương sông máu trên quê hương thân yêu. Ánh mắt người tử tù không dừng lại tầm thường ở những phẫn nộ oán hờn và ước vọng dung tục. Ánh mắt đó vượt ra ngoài, vượt lên trên mọi thứ song sắt, vách ngục, kể cả song sắt, vách ngục của mê, chấp.

Sức chuyển biến của thơ, sức thăng hoa của ý đến cuối câu thơ thứ tám như vậy là đã đến đỉnh chót của nó, đáng lý sau câu thứ tám, Tuệ Sỹ có thể dừng lại, không cần phải viết thêm gì nữa. Trong ngục tối, nhà thơ sống với màu xanh xao của chút ánh sáng lọt qua cửa ngục và màu đen mênh mông, từ đó làm chất liệu khởi thủy của sáng tạo và suy tưởng. Nhưng chúng ta đừng quên rằng người tử tù còn cảm nhận được sự sống của thế giới bằng những tiếng động bên ngoài. Hai đoạn thơ sau của Tuệ Sỹ là một hành trình khác, khởi đầu không bằng màu sắc mà bằng âm thanh. Xin đọc lại cả hai đoạn:

Tôi vẫn đợi suốt đời quên sóng vỗ
Quên những người xuôi ngược Thái bình dương
Người ở lại với bàn tay bạo chúa
Cọng lau gầy trĩu nặng ánh tà dương.

Rồi trước mắt ngục tù thân bé bỏng
Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu
Rồi khép lại hàng mi về cõi mộng
Như sương mai, như bóng chớp, mây chiều.

Tôi vừa viết xuống hai chữ "khởi đầu". Thật ra, viết như vậy chưa đúng lắm, vì Tuệ Sỹ không làm một bài thơ khác mà chỉ chuyển hóa

lối sử dụng hình ảnh cho thơ. Do đó, bố cục văn phạm của đoạn thơ thứ ba vẫn giữ y như lối bố cục của hai đoạn thơ trên, còn ý thơ thì cũng tiếp nhận sức thăng hoa của phần trước để nói lên một ước vọng mà mới đọc qua, chúng ta tưởng là nghịch lý. Ước vọng được quên, quên hết. Quên những tiếng sóng vỗ của cảnh đời bão nổi ngoài kia, những đợt sóng tàn bạo khiến nhà thơ phải xắn tay áo nâu lên thử giăng một cánh buồm, từ đó đưa đến cảnh tù tội gông cùm hiện tại. Quên thân phận bèo bọt của hàng triệu người phải đành đoạn liều chết vượt biển tìm tự do. Quên cả những *cọng lau gầy* oằn vai chịu đựng những bạo tàn từ *tay bạo chúa* của hơn sáu mươi triệu người ở lại.

Tất cả những điều tưởng là nghịch lý ấy được Tuệ Sỹ giải thích ở đoạn thơ cuối bằng một hình ảnh, bằng một âm thanh hết sức biểu trưng: tiếng gõ nhẹ của ngón tay lên tường rêu lạnh của ngục tối. Nó biểu trưng vì đó là một thứ âm thanh lặng lẽ, hoàn toàn trái ngược với tiếng sóng vỗ cuồng nộ ồn ào bên kia vách ngục. Ngón tay ốm o yếu ớt của một tử tù *thân bé bỏng* lại gõ vào một vách ngục rêu bám, thì chắc chắn không tạo được tiếng dội nào lớn lao. Cho những bạn tù cùng khu biệt giam. Cho những tên cai ngục. Huống gì là cho những người không ở vào cảnh tù tội. Đó không phải là loại âm thanh dành cho thính giác, mà là âm thanh dành cho tri giác, tuệ giác. Âm thanh đó, tiếng gõ nhịp đó không phải là sức mạnh của bắp thịt, của bạo động để xô ngã tường rêu, phá đổ nhà ngục, nhưng lại có một sức mạnh tinh thần lớn lao để đưa con người vượt lên trên mọi thứ ngục tù: sức mạnh của giác ngộ, của tỉnh thức. Hai câu thơ cuối khép lại một thế giới huyễn mộng mê chấp, và mở ra một thế giới mới:

Rồi khép lại hàng mi về cõi mộng
Như sương mai, như bóng chớp, mây chiều.

Vẫn còn một câu hỏi lớn: Ý thức được cái *sương mai*, cái *bóng chớp* của nhân sinh đã đủ để ngăn *bàn tay bạo chúa* và làm cho dòng sông quê cha thôi *tràn máu lệ* hay chưa?

Đây là câu hỏi nhức nhối thường xuyên ám ảnh người Phật tử, mỗi lần họ phải đối diện với những đàn áp bất công của xã hội họ đang

sống. Mỗi lần như vậy, người Phật tử vẫn thường nhắc tới khuôn mẫu sống hài hòa giữa đạo và đời của các tu sĩ Phật giáo thời Lý, Trần, dù biết cách tổ chức xã hội và sinh hoạt thời xa xưa đó quá khác với bây giờ.

Có thời giới lãnh đạo Phật giáo Việt-nam muốn bắt chước theo lối tổ chức của Phật giáo ở Nhật để bằng sức mạnh của tổ chức, vừa có thể hoằng pháp lại vừa giữ được một sức mạnh nào đó trên sinh hoạt chính trị, xã hội, văn hóa. Người ta đưa ra một phương hướng để hành động: đạo Phật phải đi vào cuộc đời. Khi chủ trương như trên, dù không nói ra, người Phật-tử-hành-động vẫn ngầm so sánh lối tổ chức lỏng lẻo của giáo hội Phật giáo với hệ thống giáo quyền chặt chẽ của các tôn giáo bạn như Thiên Chúa giáo, Hồi giáo. Thoạt nhìn, mỗi lần có một biến động xã hội hoặc chính trị, người Phật tử thường cảm thấy giới Phật tử bị thua sút hơn tín hữu các tôn giáo khác vì thiếu hẳn sức-mạnh-có-tổ-chức. Vì thiếu tổ chức nên Phật tử không trở thành một sức mạnh áp lực chính trị. Vì thiếu sức mạnh chính trị nên không giành được những quyền lợi về kinh tế, xã hội, dù chiếm được đa số.

Bài thơ của Tuệ Sỹ đã nhắc tôi nhớ tới câu hỏi nhức nhối này, vì Tuệ Sỹ là một tu sĩ Phật giáo "đi vào cuộc đời", một Phật-tử-hành-động. Chắc chắn Tuệ Sỹ đã ưu tư đi tìm lời đáp trước khi quyết định hành động chống lại chế độ Cộng sản. Và suốt thời gian bị giam cầm, Tuệ Sỹ lại còn có nhiều thì giờ và điều kiện hơn để suy nghĩ về câu trả lời. Vậy mà sứ điệp Tuệ Sỹ gửi ra ngoài cửa ngục, dường như thiếu hẳn chất thực tế. Bài thơ không hề là một lời tố cáo đầy phẫn nộ, lại không phải là một bài hịch. Không phải là một tiếng sấm. Ngược lại, như tôi đã so sánh ở trên, đây là những lời ru hiền hòa, vỗ về, lời ru của mẹ, lời thì thầm của lá, của hoa, của cây cỏ. Không phải là mũi nhọn công phá vào vách khám mà là một làn hương tỏa lên trên, len qua kẽ ngục và tỏa rộng trên trời cao. Vì sao vậy?

Tôi cho rằng ngay từ cốt tủy của Phật pháp, khả năng hoàn thiện con người và đời sống của đạo Phật không nằm ở sức mạnh của tổ chức mà nằm ở sức giác ngộ của cá nhân. Đạo Phật không chấp nhận Cái Duy Nhất, Cái Tuyệt Đối, Cái Vĩnh Cửu, Cái Sáng Lòa soi đường

cho hằng hà sa số đời sống trước sau. Ai cũng có thể trở thành Phật. Mỗi người tự dốt đuốc lên và chọn một con đường sáng láng cho mình, khỏi cần cẩn thận rón rén đi theo dấu chân của người đi trước. Mỗi người chịu trách nhiệm lấy chính số phận mình. Mỗi người không cần phải khép nép sợ hãi trước một thần lực thiêng liêng duy nhất nào, vì nếu tỉnh thức, mỗi người chính là thần lực thiêng liêng ấy. Người còn vướng mắc vào những giới hạn, chấn song của mê chấp, biện biệt thì núp vào đám đông, mong sức che chở của tập thể. Nhưng lúc đã thấy được chân tướng của những *sương mai, bóng chớp*, thì mỗi người đều có một sức mạnh, một thần lực riêng. Điều đó giải thích được tại sao vào những giai đoạn bi đát nhất của lịch sử dân tộc chúng ta, đạo Phật không suy yếu theo, mà ngược lại, trở thành một chỗ dựa tinh thần mạnh mẽ góp phần đưa dân tộc qua mọi gian nan thử thách. □

HOÀNG VŨ ĐỨC VÂN

nhớ quê xưa

*

Lạnh lùng thế cuộc trôi qua
Bóng câu qua cửa đã mười sáu xuân
Trời dài dài dạ bâng khuâng
Trăng trong trong sáng đoạn trường nỗi chung
Bình dương lớp lớp sóng cồn
Nhấp nhô tưởng mái nhà còn đâu đây
Chiều về nhuộm tím tầng mây
Nhớ quê xưa thấy dáng gầy héo hon...

HOÀNG XUÂN SƠN

hồi văn

*

Từ vẻ dáng người xanh da ngọc
Đá xưa tàng ẩn một dòng văn
Núi ở trên rừng sông khuất mặt
Bình nguyên phố thị có hay rằng

Chẳng có tranh đua người kẻ chợ
Tình thật như nhiên suối nước ròng
Hằng tâm bỗng nụ cười man mác
Tràn lòng than lửa rực hừng đông

Đã hẳn là mưa bay khắp chốn
Sợi nghiêng có nhớ mái hiên nhà
Bạn giữa nghìn chương còn truy vấn
Là đây, trường tịch khúc hoành ca?

Gai góc tâm sự dồn sương nắng
Hồi văn mấy đoạn cổ kim sầu
Đá dựng trên nền xưa hiển tích
Ngại ngờ đất có vực hiểm sâu

Phẫn nộ nhiều khi cũng rợn buồn
Lòng người mây đục ánh tà dương
Đâu ở bụi bờ trăng non mọc
Một chút sắt cầm một chút hương

VÕ ĐÌNH

nhân đọc "lộc trại của vương duy..."

Ông Triệu Châu kết luận bài *Hai mươi âm hưởng từ thơ "lộc trại" của Vương Duy* (*Văn Học* số 64, tháng 6–1991) với những lời sau đây: "Người viết mong là đã thu thập đủ chất liệu cho một bản dịch khác (*hoàn hảo, súc tích hơn* – tôi nói thêm – V.Đ.). Chỉ còn chờ cảm hứng của người đọc."

Cảm hứng thì bản thân chúng tôi không thiếu. Chỉ e rằng vốn liếng chữ nghĩa của mình còn quá khiêm tốn thôi. Chỉ xin trình bạn đọc những dòng sau đây như một thứ "phụ lục", một cái đuôi, cho bài "tiểu tiểu luận" thật thú vị của ông Triệu Châu.

Chúng tôi hiện có trong tay hai bản dịch Anh ngữ nữa. Một của Wang Hui-Ming (The Boat Untied and Other Poems, Barre, Mass: Barre Publishers, 1971):

Where the Deer Live

In these quiet mountains far from men
One hears only faint sound of human voices
The late afternoon sunrays
Filtering through the deep woods
Cast long shadows on the green moss.

Bản kia của Liu Wu-Chi (*An Introduction to Chinese Literature*, Bloomington & London: Indiana University Press, 1966):

Deer Stockade

Deserted mountains – not a man is seen
Only the sound of voices can be heard
The sunbeam, entering the deep woods
Reflects again on the green moss.

Hai vị Wang và Liu của thế kỷ XX, tuy là người gốc Hoa, xem như

không gắn bó với chữ nghĩa của bậc "thi Phật" họ Vương của thế kỷ VIII lắm lắm. Không gắn bó cho bằng những dịch giả Tây-phương cỡ Burton Watson và Gary Snyder...

Mặc dù không phải là một học giả như Watson, một thi sĩ như Snyder, chỉ vì yêu Vương Duy chúng tôi cũng xin đánh bạo trình bày cái thấy của chúng tôi, tuần tự theo diễn tiến của bài thơ.

*

Lộc Trại: Tiếng Hán "khoảng đất ở đồng hoặc núi mà trồng cây xung quanh để phòng giữ gọi là trại" (Đào Duy Anh). Bởi vậy, Chen & Bullock và Yip đã dịch là *enclosure*, Watson dịch là *fence*, Cheng dịch là *clos*, Liu dịch là *stockade*. Thật ra, *Lộc Trại* là tên riêng của một nơi chốn, nơi về vườn của Vương Duy tại Võng-xuyên ở ngoại thành Trường-an. McNaughton có lý phần nào khi để nguyên tên riêng đó, không dịch: *Li Chai*.

Chúng tôi nghĩ rằng đặt tên cho nơi ở, "vui thú điền viên", như vậy chắc hẳn Vương Duy đặc biệt lưu tâm đến hai điều: *Lộc* hay nai là thú rừng nhưng nhút nhát hiền lành, "ăn chay" như chính ông; *trại* chỉ nơi sơn dã quê mùa để sống những ngày yên tĩnh, đạm bạc sau bao năm quyền cao chức trọng ở kinh đô – và sống sót nhờ một bài thơ, sau vụ biến An Lộc Sơn. Vì thế, thay vì dịch *trại* là *hermitage* (như nhiều vị đã làm) với ý niệm lánh đời, đoạn tuyệt với "nhân gian sự", chúng tôi đề nghị chữ *retreat*, mang một ý nghĩa hòa hoãn hơn; rút lui, trở về, để nghỉ ngơi, suy ngẫm... Lộc Trại = The *Li Chai* Retreat, hay rõ hơn, The Deer-Park Retreat.

Không sơn: Núi trống, núi vắng. Tuy vậy chúng ta không cần phải dịch rõ là *empty mountain, montagne déserte*, v.v... Bởi vì sau *không sơn* đã có *bất kiến nhân*. Cũng như tiếng Hán, tiếng Việt *Núi vắng không thấy người*, nghe rất thuận tai. Tiếng Anh, Pháp, những tĩnh từ *empty, déserte* có vẻ thừa thãi. *Redundancy* trong Anh văn, *redondance* trong Pháp văn là điều tối kỵ. Mặc dù chúng ta đã than vãn quá nhiều về những chia cách giữa Đông Tây, Á Âu... chúng tôi vẫn tin rằng một người Tây phương yêu thơ, và chịu khó đọc cả thơ Tàu, khi đọc đến

"*no/see/man*" (Bất kiến nhân) là có xúc cảm về cảnh rừng núi trống vắng rồi, không nên "nạm vàng cánh hoa"! (Thành ngữ Mỹ: *There is no point in guilding the lily*).

Đản văn nhân ngữ hưởng: (Chỉ–nghe–người–tiếng nói–âm vang). Chúng tôi thiển nghĩ có nhiều cách hiểu câu này.

Đơn giản, trực tiếp nhất là có đôi ba tiều phu hay mục đồng ngồi chơi lai rai đâu đó. Không thấy họ nhưng nghe được tiếng nói tiếng cười của họ. Đi xa hơn, sâu hơn, có thể hiểu đó là tâm trạng của kẻ đang đi trong rừng. Tuy là cách biệt với chốn bon chen xô bồ rồi nhưng vẫn còn vướng mắc với những ràng buộc, phiền toái trong tâm tư, vẫn còn nghe tiếng động của chốn nhân gian.

Đi xa hơn nữa, và đây là cách hiểu chúng tôi cho là thú vị nhất, chúng ta có thể *cảm* thấy rằng *nhân* đây là chính mình, chính người nghe, chính thi sĩ (?) Tiếng Việt của ta, há chẳng có cách nói "nghe lòng" đó sao? ("... *Từ mũi Hopi về khách sạn, ông Nguyễn chợt tự bắt gặp mình đang lắng nghe mình*" – Võ Phiến, *Khách xá qui tâm*; "... *Trong im lặng của đêm, Hạo nghe cay đắng trong lòng.*" – Trùng Dương, *Chung cư*).

Trong bài thơ của Vương Duy, nghe là nghe làm sao, nghe cái gì? Đó là nghe tiếng lòng của chính mình, nghe một nỗi xôn xao nào đó. Có lẽ bởi vì trong lòng không an như vậy nên cái ngoại cảnh rong rêu tầm thường mới mở tung cánh cửa tâm linh...

Phản cảnh nhập thâm lâm: Những chữ mạnh: *phản, nhập, thâm*... Nhờ có ông Triệu Châu chúng tôi được biết rằng theo sách *Lương nguyên toát yếu, phản cảnh* có nghĩa là "mặt trời lặn ở phương Tây, ánh nắng chiếu ngược về hướng Đông." Vậy thì tội gì ta không dịch là *setting sun* cho gọn, thay vì *rays of the sunset* (Fletcher), *slanting sun* (Jenyns), *slanting sunlight* (Chang & Walmsley), *reflected sunlight* (Liu), *low rays of the sun* (Rexroth), *late sunlight* (Watson), le soleil *reflète son éclat* (Margouliès), *stray shafts of the sun* (Chang), *returning sunlight* (Snyder)... Hơn thế nữa, *sun* (mặt trời) mạnh mẽ hơn, bao quát hơn là *sunlight* (ánh sáng mặt trời) hay *rays of the sun* (tia nắng).

Không phải chỉ có "ánh sáng" hay "tia nắng" *nhập* vào rừng sâu, mà vì mặt trời rọi được ánh sáng đó, chính ngay cả mặt trời cũng vào theo, cũng hiện diện, cũng ngự trị trong rừng.

Chúng tôi tin rằng Vương Duy đã có ý đó. Rừng sâu âm u đến nỗi cây đá nổi rêu lên, vậy mà mặt trời chui vào tới để chiếu sáng. Chính ông Triệu Châu cũng đã ghi nhận điểm này khi bàn về bản dịch của Octavio Paz: "Cảnh giới sắc không, không người mà có tiếng người, được soi sáng bởi ánh từ bi chiếu lại từ hướng Tây, từ Tây Phương Cực Lạc."

Phục chiếu thanh đài thượng: Xin để dành hai chữ ***phục chiếu***, sẽ bàn đến sau. Chỉ xin nói ngay rằng nên dịch *thanh đài* là ***blue lichens*** thay vì *green moss* như nhiều vị đã làm. *Moss* là rêu màu lục, thường nằm dưới đất, dưới gốc cây, những nơi kín, ẩm, mát, trong khi *lichens* là một thứ mốc, *fungi*, "ký sinh trùng" màu xanh, xám, hay đen, hay bạc trắng, thường mọc lên như một thứ bệnh ngoài da trên thân cây và vách đá.

Sau đây là "cảm hứng của người đọc", bằng Anh ngữ:

The Deer–Park Retreat

In the mountain,
there is no one.
Yet,
voices may be heard.
The setting sun
penetrates
the deep woods,
and shines
upon
the blue lichens.

*

Lại xin mượn dỡ một câu nữa của ông Triệu Châu: "Bây giờ, (...) bước vào *Lộc Trại*, với tâm hồn Việt–nam..."

Chúng tôi phân vân không hiểu tại sao với Vương Duy thì ***không***

sơn trong khi Nguyễn Trãi lại dùng *sơn không* trong bài *Tiến Du Tự (Nhật mộ viên thanh cấp / Sơn không trúc ảnh trường)* mà chúng tôi đã dịch ra hai câu lục bát: *Ngày tàn vượn hú triền miên / Núi trơ sỏi đá trúc nghiêng bóng dài*). Phải chăng *sơn không* là núi trơ trọi, ít cây cối, còn *không sơn* là núi trống, núi vắng, "núi là núi không là núi là núi"?

Không thấy người (Bất kiến nhân) mà lại nghe âm vang tiếng nói (nhân ngữ hưởng) làm tôi nhớ đến hai câu đầu trong bài *Tống biệt hành* của Thâm Tâm:

Đưa người ta không đưa qua sông
Sao có tiếng sóng ở trong lòng

Tôi yêu chữ *sao* đó. Sao, nhưng không phải là một câu hỏi. Sao, như một tiếng than. Nếu Thâm Tâm sống vào thời xưa, biết đâu ông đã không nói *ta (ngã, I, Je)*, và ông đã viết:

Đưa người không qua sông
Sao tiếng sóng trong lòng

Mười hai thế kỷ trước Thâm Tâm, "thi Phật" Vương Duy không xưng *ta*, nhưng tôi muốn mượn chữ *sao* của Thâm Tâm để dịch Vương Duy: Núi trống vắng, chẳng thấy ai cả / *Sao* lại nghe như có âm vang tiếng người.

Câu thứ ba. *Phản cảnh* có thể dịch là nắng chiều, nắng tà, tà huy, tịch dương, hay chính như ông Triệu Châu đã đề nghị: nắng quái. *Nhập* mà dịch là *vào* (Trần Trọng San), *ngả, xế* (Đỗ Bằng Đoàn & Bùi Khánh Dản) không được đủ mạnh, gọn. Chúng tôi ưa chữ *xuyên* của ông Triệu Châu trong bản tạm dịch của ông hơn. Bất chấp cành lá sum suê, ánh sáng xuyên qua, phóng vào. Dứt khoát, mãnh liệt, bất khả kháng!

Câu thứ tư, và cuối cùng, có chữ *phục* mà chúng tôi chưa đụng đến khi bàn về bản dịch Anh ngữ. Nhiều dịch giả khổ sở loay hoay vì chữ *phục* này. Phần chúng tôi, chúng tôi không quan tâm đến nó lắm. Lý do cũng như ở trên: Nói *there is no one* là đủ, không cần phải nói *empty (mountain)*. Cũng thế, mặt trời mọc buổi sáng, mặt trời lặn buổi chiều và hắt ánh sáng về lại hướng Đông là lẽ dương nhiên. *Phục*

chiếu, nghe sướng cái lỗ tai, nhưng nói *lại chiếu*, hay ***reflète son éclat*** (Margouliès), hay *gleam again* (Rexroth), khó nghe quá!

Chúng tôi thiển nghĩ chữ *phục* (chiếu) hay, nhưng không phải là không... bỏ được. Dịch là phản, điều đó chúng ta đều biết, mà dịch cũng là hy sinh, đổi chác, mặc cả, được mất, bù trừ. Chúng ta có thể bỏ *phục* để lấy chữ khác, mà hy vọng không làm buồn lòng ông "thi sĩ như Phật".

Thanh đài thượng là rêu xanh ở trên. Chúng tôi hình dung đám rêu xanh hèn mọn, nhỏ nhoi, tối tăm, ăn nhờ ở đậu trên thân cây, trên vách đá. Thế mà bây giờ nắng chiều len lỏi "nhập" vào được vùng cành lá âm u để chiếu lên *làm cho sáng ngời*. Ở trong núi, không có người, vậy mà trong lòng sao cứ xôn xao, nhưng xem kìa, mảng rêu chẳng ra gì kia cũng biết sáng ngời lên trong ánh nắng chiều... Chúng tôi thiệt mất *phục*, nhưng lại lời được *sáng ngời*, đâu có lỗ lã gì.

Xin chép lại đầy đủ bốn câu Việt ngữ, một "cảm hứng của người đọc" bài "tiểu tiểu luận" của ông Triệu Châu:

Lộc Trại
Núi vắng không thấy người
Sao nghe tiếng nói cười,
Nắng chiều xuyên rừng thẳm
Lên rêu xanh sáng ngời. □

TRẦN MỘNG TÚ

Lại dịch *Lộc Trại* của Vương Duy. Cảm hứng khi đọc *Hai mươi lăm bài thơ Lộc Trại của Vương Duy* Người viết, Triệu Châu.

Lộc Trại

*

Không sơn bất kiến nhân
Đản văn nhân ngữ hưởng
Phản cảnh nhập thâm lâm
Phục chiếu thanh đài thượng

(Vương Duy)

Ngũ ngôn

Núi vắng người không thấy
Tiếng ai xa vọng lại
Nắng lẻn vào rừng sâu
Hắt xanh từng rêu dại

Thất ngôn

Hoang vu núi vắng không một bóng
Tiếng ai phảng phất ở quanh đây
Sợi nắng băng qua góc rừng thẳm
Hắt xanh màu ngọc lớp rêu dầy

Lục bát

Hoang vu núi chẳng bóng ai
Thoáng nghe như thể tiếng người vang vang
Rừng sâu bóng đổ xuyên ngang
Hắt xanh vạt nắng bàng hoàng trên rêu

BÙI HUỆ THU

liễu thi

*

Cây liễu trước nhà em
sáu năm rồi rã rượi
những nhánh dài rớt tới
chỗ nào hỡi trái tim?

Cây liễu trước nhà em
sáng có chim về hót
chiều có sương đọng giọt
đêm có đọt trăng rơi...

Cây liễu ơi liễu ơi
sáu năm rồi em gọi
mà người ta không tới
nhánh liễu dài dong đưa

Cây liễu ơi bài thơ
xin cài trên lá nhỏ
ước gì ai thấy nó
cho lòng thôi bơ vơ

Cây liễu ơi liễu ơi
lẽ nào em đã khóc
thơ rất buồn ai đọc
để thương em hở trời!

THỤY KHUÊ

nhận diện thơ

Trên phương diện tinh thần, *thơ là nguồn cảm thông chung của nhân loại* (Hegel). Về cấu trúc, *thơ là một ngôn ngữ riêng trong ngôn ngữ chung của loài người* và làm thơ tức là làm thế nào cho *ngôn ngữ trở thành một tác phẩm nghệ thuật* (Paul Valéry). Về phương diện ngữ học, *thơ là ngôn ngữ trong chức năng thẩm mỹ của nó* (Jakobson).

Nói như thế, không có nghĩa các triết gia, nhà phê bình, nhà ngữ học trên đây đã định nghĩa thơ. Vì thơ, cũng như trí thông minh, hay Thượng Đế... là những ý niệm không thể nào định nghĩa được. Người ta chỉ có thể nhận diện: Đâu là thơ? Đâu chỉ là những câu văn vần? Và muốn nhận diện, trước hết phải tìm hiểu một số tính chất căn bản của thơ.

Thế kỷ 18, J.B. Vico, triết gia và là một trong những người sáng lập ra môn ngữ học, đã có những tìm tòi cặn kẽ về bản chất thi ca và gần đây hơn J.P. Sartre cũng đưa ra những luận điểm kề cận.

Vico cho rằng đặc tính căn bản của thơ là *gán ý nghĩa và nhiệt tình cho những vật vô tri vô giác và là một đặc tính của nhi đồng*. Theo ông, hai tính chất ấy – thuộc phạm vi triết học và ngữ học – xác nhận cho chúng ta tin rằng những người thuở sơ khai trên trái đất phải là những nhà thơ có tài. Giả thuyết này giải thích tại sao những tác phẩm đầu tiên của nhân loại còn lưu lại đến ngày nay là những tập thơ: *Kinh Thi* và *L'Iliade*.

Trẻ con hay hỏi: "Cái này là cái gì?" "Cái này làm bằng gì?" Triết học, nguồn cội của sự hiểu biết, cũng bắt nguồn từ việc muốn giải đáp những câu hỏi đơn giản nhất trong trí óc con người như *Cái này là cái gì? Cái này làm bằng gì?*

Sang thơ, nếu chúng ta đọc những câu ca dao sau đây:

Giã ơn cái cối, cái chày
Nửa đêm gà gáy, có mày có tao
Giã ơn cái cọc cầu ao

Nửa đêm gà gáy, có tao có mày.

thì "cái cối, cái chày, cái cọc, con trâu" đã trở thành bầu bạn, thành người, hay ít nhất, một bộ phận nào đó trong con người. Tại sao lối "đối thoại" trên đây lại là một đặc tính của nhi đồng? Vì trẻ con ưa nói chuyện với chó, mèo, hay nắm lấy những vật bất động mà chơi, "giao thiệp" với những vật ấy như với con người, tạo một đời sống tinh thần linh động cho mọi sinh vật và tĩnh vật.

Nhà thơ cũng thế: Hàn Mặc Tử chơi với trăng, ngủ với trăng, trong tuyệt đỉnh của đau thương, Hàn đã "*dìm hồn xuống một vũng trăng êm, cho trăng ngập dần lên tới ngực*". Phạm Duy bước theo người yêu, để cùng "*nối gót người vào dĩ vãng nhiệm màu có lũ kỷ niệm trước sau*" và Xuân Diệu đã bao lần vẽ nên những bức hoạt họa đầy "nhân vật" như cỏ, hoa, trăng, gió:

Chen lá lục, những búp lài mở cửa
Hớp bóng trăng đầy miệng nhỏ xinh xinh
Vì gió im, và đêm cứ làm thinh
Đoàn giây phút cũng lần khân, nghỉ đã.

Vậy đặc tính của thơ là *tạo đời sống tinh thần và thể xác cho vạn vật và cho những ý niệm như thời gian, không gian, dĩ vãng, kỷ niệm*... Bởi vì, nhà thơ, khi sáng tác đã hòa mình với vạn vật: con người, cỏ cây, đêm, ngày, hạt cát hay vũ trụ đều "bình đẳng" và có một linh hồn: Chúng ta gặp lại quan niệm triết học về thơ của *Xuân Thu Nhã Tập* trong chữ *Đạo* của Lão Trang.

Tuy lối nói của nhà thơ có những tương quan với lối xử sự của trẻ thơ, nhưng không có nghĩa trẻ con biết làm thơ: Nhà thơ, với cách nói đặc biệt, sáng chế ra một loại "thần thoại" ở đó muôn loài đều bình đẳng, giống như trẻ con "đối thoại" với muôn loài. Nhưng muốn sáng tạo thơ, thi nhân còn phải làm hơn nữa: Ngoài tri thức và kinh nghiệm sống, nhà thơ còn phải tạo dựng kỹ thuật thơ.

*

Phân tích hành trình kỹ thuật đó, Sartre cho rằng thi nhân *dùng*

chữ như dùng đồ vật mà không dùng chữ như dấu hiệu. (Les mots comme des choses et non comme des signes).

Bình thường, đáng lẽ người ta gọi sự vật nhờ các danh từ như: cái ghế, cái bàn... thì nhà thơ lại bắt đầu tiếp xúc với sự vật trước. Sau đó mới quay lại với ngôn ngữ, coi chữ nghĩa như những đồ vật (mot–chose); mân mê, sờ mó, dò dẫm ngôn ngữ để *tìm ra một thứ ánh sáng riêng*. Sau đó, nhà thơ liên lạc những tương quan giữa ba yếu tố: *sự vật, ngôn ngữ* và *đất trời* để tạo ra hình ảnh.

Sự phân tích của Sartre giải thích cảm giác của chúng ta khi đọc thơ: Hình ảnh trong ngôn ngữ nhà thơ về rặng liễu, vầng trăng, không giống hình ảnh rặng liễu, vầng trăng trong đời sống thông thường của chúng ta. Cũng cảnh ấy, ta đã nhìn đến cả trăm lần, nhưng dưới góc độ ánh sáng của Hàn Mặc Tử, chúng ta có cảm tưởng lần đầu tiên chiêm ngưỡng:

Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để là lơi

Trong viễn ảnh và cận ảnh của một đêm trăng, hay chỉ là ảo ảnh và thực tại của một đời người, trời đang lộng gió. Xuân Diệu đã nhập hồn trong gió, trong trăng, trong ảo ảnh, trong thực tại, ghi lại "quang cảnh" đêm trăng chưa từng thấy bao giờ:

Tôi vẫn có hồn tôi trong gió ấy
Vì xưa kia ngồi nghỉ dưới trăng sao
Từng mảnh biếc hồn tôi trăng đã lấy
Gió đem luôn, đi tận tháng năm nào.

Vậy đặc điểm thứ hai của thơ là *nhà thơ không dùng chữ như những dấu hiệu để chỉ định, giải thích, mà dùng chữ như chất liệu*. Nhà thơ tụ hợp, biến đổi, giao ứng những chất liệu ấy với nhau, sai khiến màu sắc, âm thanh, khiến chúng hấp dẫn nhau, xô đẩy nhau, "đốt cháy" nhau, nhào lộn trong tâm hồn, quyện thành một "thể" mới: ấy là thơ.

Nói khác đi: nhà thơ dùng chữ nghĩa để làm thơ, giống như họa sĩ dùng màu để vẽ tranh hay nhà điêu khắc dùng đá hoặc thạch cao để tạc tượng.

Một mặt khác, khi chúng ta đã chấp nhận *làm thơ tức là làm cho mọi vật có linh hồn*, thì ngẫu nhiên, chính những chữ trong thơ, tự nó cũng đã có một linh hồn và từ đó, tạo cho tác phẩm một bản chất riêng biệt và độc đáo. Ví dụ, hai câu:

Trải vách quế gió vàng hiu hắt
Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng.

Trải đây là trải qua: *Trải qua một cuộc bể dâu* (Kiều), có người đọc là *giải* qua. *Gió vàng* (dịch từ kim phong) là gió thu. Sự mập mờ ý nghĩa đến từ những chữ *vách quế, vũ y*.

Có ba lối giải thích *vách quế*: có thể là vách mùa thu (vì quế đến thu thì tốt), nhưng lại điệp ý với gió vàng. Cũng có người cho là *phách quế* (tức quế phách) nghĩa là mặt trăng. Nghĩa thứ ba dựa theo điển tích: Ngày trước cung của nàng Trương Lệ Hoa có cửa sổ tròn, hình mặt trăng, trước cửa trồng cây quế. Cho nên, vách quế còn được dùng để chỉ nơi các cung phi ở.

Vũ y cũng có ba nghĩa: Có thể là chiếc áo để múa, cũng có thể là chiếc áo dệt bằng lông chim của đạo sĩ hay là chiếc áo lót bằng lông chim mặc cho ấm.

Cả hai câu thơ ghép lại, có nghĩa: *Đời người cung nữ trải bao ngày tháng bị giam lỏng chốn cung quế, dù khoác áo ấm lót lông chim mà người vẫn lạnh ngắt như đồng.*

Nhưng nếu "diễn nghĩa" ra như thế, hai câu thơ trở thành tầm thường, mất hết sức lôi cuốn. Sức quyến rũ của hai câu tuyệt bút còn nằm trong sự mập mờ của hình ảnh: *vách quế* và *vũ y*, làm ta liên tưởng tới cung trăng: người trên cung trăng thường bận vũ y múa khúc nghê thường. Người cung nữ, phải chăng là hình ảnh Hằng Nga lạnh lẽo trên cung Quảng (cung Quảng-hàn = cung rất lạnh). Và những phụ âm điệp (g, v, h): giải vách quế gió vàng hiu hắt, những điệp ý: *gió vàng, vách quế* (gió thu, vách mùa thu) càng làm đậm tính chất không dứt khoát – mà Valéry gọi là *hésitation entre le son et le sens – lưỡng lự, chập chừng giữa ý và âm.*

Cho nên, cái ma lực trong hai câu thơ của Ôn Như Hầu chỉ có thể

giải thích bằng: mỗi chữ, mỗi câu, mỗi vần đã có một tâm sự, một linh hồn, một cuộc đời riêng khiến mỗi lần đọc đến, chúng ta có cảm tưởng như tất cả "hơi lạnh" trong mỗi chữ toát ra, thấm vào tâm can, buộc mình sống lại với Ôn Như hay người cung nữ bị bỏ quên – như Hằng Nga trên cung Quảng – những chiều nối chiều, tàn úa theo nhau, cùng đếm nỗi cô đơn, lạnh lùng đi qua trên vai, trên áo.

*

Trong thực tế, mỗi hành động của con người thường do nhu cầu hoặc ích lợi thúc đẩy. *Hành động chỉ là phương tiện.* Cho nên, hành động hay bị bỏ qua, chỉ có kết quả (hay mục đích) là đáng kể. Ví dụ: khi tôi giơ tay bật đèn, tôi ý thức rất mơ hồ về cử chỉ của tôi, nhưng tôi lại thấy rõ ánh sáng chói lòa của ngọn đèn tỏa ra căn phòng.

Tản văn cũng vậy, trong tản văn, bài văn chỉ là phương tiện để đạt ý. Đọc xong bài viết, văn có thể bỏ, chỉ cần giữ lại ý nghĩa: *Được ý phải quên lời* (Trang Tử). Do đó, *văn chỉ là phương tiện để đạt ý.*

Thơ đảo lộn liên hệ đó. Trong thơ, mục đích không còn thiết yếu nữa, *mục đích đôi khi chỉ là cái cớ để hành động.* Cái bình chỉ là cái cớ cho người thiếu nữ yêu kiều giơ tay cắm mấy bông hoa. Nhưng những đóa hoa tươi đẹp kia cũng chỉ là cái cớ để thi nhân nói lên tâm tình chan chứa của mình với người đẹp. Và trời mưa chỉ là phương tiện để diễn tả những nồng nàn, âu yếm:

Trời mưa ướt bụi, ướt bờ
Ướt cây, ướt lá, ai ngờ ướt em...

Câu ca dao không có nghĩa. Hoặc ý nghĩa vơ vẩn. Ngớ ngẩn nữa. Em đi dưới mưa, làm sao chẳng ướt? Anh hỏi chi lẩn thẩn? Nhưng chính ở chỗ lẩn thẩn "*ai ngờ ướt em*" ấy mà nó nên thơ, tình tứ, tuyệt diệu. Cho nên, "*ý nghĩa trong thơ của phần đông thi sĩ có đáng kể gì, nếu bỏ hết lời thơ*" (Rapin).

Do đó, đọc thơ và đọc truyện khác nhau. Muốn thưởng thức truyện, chúng ta không có cách nào khác hơn là đọc từ đầu đến cuối. Đọc thơ, không như thế và không cần phải như thế. Tình cờ, lật vài trang thơ, nếu tìm thấy đôi câu tâm đắc cũng đủ làm ta sảng khoái,

không cần đi xa hơn nữa. Biết bao lần chúng ta muốn nói với nhà thơ – cho dù là nhà thơ tài tình nhất – Sao không dừng lại ở đây? Đi xa thêm làm gì? Thừa, uổng quá!

Henri Bremond đưa ra một nhận xét dí dỏm: Đối với văn xuôi, chúng ta có thể hô: Tiến lên! Và nếu câu truyện dài dòng, mãi không đi đến kết, mình có thể ăn gian vừa đọc vừa nhẩy. Đọc thơ, ngược lại, bước đi một bước, giây giây lại... phải dừng, và ông viết: "*Nhà thơ cho chúng ta rất nhiều mà chỉ cần rất ít so với nhà văn.*"

Nếu nhà văn, trong cách mô tả, lối kể chuyện, hay lời giải thích, biện luận... cốt cống hiến cho ta cái "ý nghĩa", thì nhà thơ (dù thơ có nghĩa) cũng không cần đến ý nghĩa, vẫn cho phép ta cảm thông và thưởng thức tác phẩm của họ. Biết bao người bình dân thuộc lòng những câu *Kiều* và có cần hiểu ý nghĩa ra sao? Bao nhiêu thí sinh đi thi tú tài "bình" sai thơ Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát...?

Valéry viết: "*Người ta gán nghĩa gì thì thơ tôi có nghĩa ấy. Nghĩa nào tôi định chỉ đúng với tôi, và không thể buộc ai thừa nhận.*"

Một đặc điểm khác: Văn chỉ phản ánh thực tế trên bề mặt. Thơ, tuy bề ngoài có vẻ xa thực tế, nhưng xét kỹ lại gần gũi thực tế hơn văn, vì thơ đi từ hành động đến mục đích, trong khi văn chỉ chú trọng đến mục đích của con người. Trong cùng một bối cảnh, một đề tài, văn chỉ đạt được một trong những khía cạnh: hoặc mô tả, hoặc giải thích, hoặc diễn nghĩa, hoặc bình luận, v.v... Trong khi thơ mở cho ta nhiều bình diện khác, thơ biến hóa từ chữ nghĩa sang hình ảnh rồi từ hình ảnh sang tâm cảm, sang hoài cảm... Trong *Thăng-long thành hoài cổ* của Bà Huyện Thanh Quan, *Ao thu* của Nguyễn Khuyến hay *Ông đồ* của Vũ Đình Liên..., *Thăng-long, Ao thu, Ông đồ*... chỉ là những bối cảnh, những cửa ngõ dẫn ta tới một vũ trụ khác: vũ trụ hình ảnh, âm thanh, màu sắc của quá khứ, trong đó tâm hồn con người thoát khỏi sự kiềm tỏa của lý trí, sống những giây phút thần tiên, mộng ảo, ngụp lặn trong nhớ thương, luyến tiếc, ngậm ngùi...

Có thể nói: Văn thuộc lãnh vực diễn đạt, thơ thuộc phạm vi cấu

tạo, hay một cách triết lý hơn, "*Tản văn thuộc phía con người, thi ca thuộc phe Thượng Đế*" (Sartre). Valéry đã nói lên sự khác biệt sâu xa ấy, khi ông viết: "*Bản chất của tản văn là biến đi, nghĩa là bị hiểu mất, là tan nát, tiêu hủy không cưỡng lại được, hoàn toàn bị thay thế bằng hình ảnh để dẫn đến ý nghĩa của nó theo quy ước ngôn ngữ... Vũ trụ thực tế là một tập hợp các mục đích. Mục đích đạt rồi, lời nói tiêu tan... Nhưng thơ đòi hỏi và gợi ra một vũ trụ khác, tương tự như vũ trụ âm thanh, trong đó ý nhạc nẩy sinh và tiêu tán. Trong vũ trụ thơ, âm lưởng đi trước nguyên do, và hình ảnh chẳng những không tiêu tan trong mục đích mà còn như được van nài ở lại.*"

Những nhận xét trên đây giúp chúng ta đưa ra yếu tính thứ ba của thơ và cũng là sự khác biệt căn bản giữa văn và thơ: Giá trị của văn nằm trong ý tưởng. Giá trị của thơ nằm trong mỗi chữ, mỗi vần, không cần qua trung gian của ý tưởng. Nói theo ngữ học: "*Thơ là ngôn ngữ tự lấy mình làm cứu cánh*" (Jakobson).

*

Khi viết:

Người đi Châu mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa

Quang Dũng không có ý hỏi: ai lên Châu-mộc trong buổi chiều sương nào đó, có nhìn thấy phong cảnh hữu tình không? Mà Quang Dũng *khơi* trong ta nỗi nhớ thương, mất mát, nuối tiếc, ngậm ngùi, những ngày tháng, những kỷ niệm, những ảo ảnh đã tan biến trong đời. Quang Dũng *gợi* trong ta một trạng thái bằng cách hồi sinh, tái tạo những gì đã mất, đồng thời phản ánh tâm trạng chính mình. Nhà thơ không dùng ngôn ngữ để nhắn nhủ, giải thích, mà dùng ngôn ngữ để truyền cảm. "*Thi nhân khơi gợi trong ta một trạng thái*" (Valéry). Nhà thơ trao cho ta một công trình nghệ thuật, như họa sĩ cống hiến một bức tranh, nhạc sĩ tặng một khúc nhạc, chúng ta cảm thấy hay, thẩm thấu nghệ thuật trong thơ, trong tranh, trong nhạc tùy theo tâm

cảm, khả năng, trình độ và hoàn cảnh mỗi người. Thi nhân thoát ra ngoài hệ thống ngôn ngữ bình thường. "*Thơ là tiếng nói của nội tâm không giống một thứ tiếng nói nào khác*" (Croce). Nhà thơ diễn tả mà không chỉ định, chỉ định mà không dùng tên. Tiếng nói của nhà thơ là tiếng nói gián tiếp bằng những tương quan, bằng những đồng âm, đồng cảm. Cùng là ngọn lửa, nhưng ngọn lửa của nhà thơ khơi gợi trong ta những đắm say, cuồng nhiệt của cuộc đời:

Có những ngọn lửa cháy tàn năm tháng
Mà không để lại tro.

(Huy Cận)

Bằng những buông lỏng giữa chừng, bằng những lối không ngõ, nhà thơ gợi lên vũ trụ mênh mông, tha thiết, ngang trái, thương đau và muôn vàn hạnh phúc của những người yêu nhau ra ngoài giới tuyến:

Có những vợ chồng
Không là trăm năm
Mà tình yêu thương
...

(Quang Dũng)

Thơ buộc ta sống cao hơn, sâu lắng hơn, đồng thời cũng nâng ngôn ngữ đến trình độ cao đẹp, huyền diệu, bẻ bờ bằng những áng mây, những màu sương mờ ảo. "*Tôi tập cho quen thói nhìn qua ảo giác, thật quả tôi trông một nhà máy mà thấy một ngôi đền*" (Rimbaud). Cho nên, Florence có thể là tên một thành phố, một bông hoa, một người đàn bà, một thành phố đầy hoa hay một đóa hoa trong thành phố...

Tính chất khói sương, phiếm định trong thơ, tuy vậy, gắn liền với cuộc đời hơn tản văn vì ngẫm cho cùng, trong cuộc sống, cái gì chẳng mơ hồ. Những điều chúng ta thấy đúng ngày nay, chưa chắc đã đúng ngày mai. Những "sự thật" chúng ta thấy tận mắt, đôi khi chỉ là một phần sự thật hay không phải là sự thật. Vậy càng tìm cách soi tỏ cuộc đời, ta càng phủ nhận cuộc đời và càng làm cho cuộc đời bâng khuâng, trăm nghĩa, chúng ta lại càng đi đến chỗ nhận diện cuộc đời và nhận diện thi ca... □

nói chuyện với lê văn vũ bắc tiến

Đạo diễn. Kịch sĩ. Sinh năm 1916 tại Dáp-cầu, Bắc-ninh. Hoạt động kịch nghệ từ năm 1936, lúc phong trào thoại kịch bắt đầu phát khởi từ khi Claude Bourrin, một kịch sĩ Pháp sang Việt-nam thành lập ban kịch Claude Bourrin, sau đó là Bắc kỳ Kịch đoàn, gây một không khí hào hứng về kịch nghệ hợp với trình độ thưởng ngoạn của lớp khán giả chọn lọc thành thị thời bấy giờ.

Anh đã trình diễn những vở kịch *Không một tiếng vang* của Vũ Trọng Phụng, *Anh chàng lấy vợ câm* của Nguyễn Hoạt, *Cái tủ chè* của Vũ Trọng Can, *Quán biên thùy* của Thao Thao, *Trần Can* của Phan Khắc Khoan, *Nửa đêm truyền hịch, Thế Chiến quốc* của Trần Tử Anh, *Hận Nam quan* của Hoàng Cầm, *Vệ Hồ, Địch phản chiến* của Hoàng Công Khanh...

Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, cùng với nhiều anh chị em văn nghệ sĩ khác, anh được mời vào Đại đoàn 308 quân tiên phong phụ trách Đại đội Văn nghệ theo lời gọi của hội trưởng Thế Lữ (Hội Sân khấu Việt-nam) mà anh là một Ủy viên ban chấp hành cùng với Võ Đức Diên, Đoàn Phú Tứ, Hoàng Tích Linh.

Về thành, anh thành lập ban kịch Hải Đăng ở Hải-phòng, dựng vở *Ghen* của Đoàn Phú Tứ và *Viễn khách* của Hoa Thu.

Di cư vào Nam, chỉ sau 20/7/54 mươi ngày, anh viết báo Nước Việt của Bùi Đình Thịnh, sau đến tờ Ánh Sáng của Hoàng Hồ và nhiều tờ báo khác như Tự Do, Ngôn Luận, Tin Bắc, Cách Mạng Quốc Gia,

Lê Văn Vũ Bắc Tiến nhìn bởi Khánh Trường

Hồn Nước, Tin Điện, Thống Nhất, v.v... Sau đó anh làm chủ nhiệm tờ Sân Khấu cho đến ngày 30/4/75.

Thời gian ở miền Nam, anh sinh sống bằng nghề viết báo, nhưng vẫn không quên sân khấu kịch. Anh đã lãnh bằng tuyên dương kịch sĩ xuất sắc nhất trong vở *Chiếc tẩu thuốc lá* của Nguyễn Đình Thiết do nhóm Bạn Sân Khấu trình diễn dưới sự dạo diễn của anh và kịch sĩ Thiếu Lang. Anh còn diễn nhiều kịch bản khác chung với Tiền Phong, Quyết Tiến, Phong Trần Tiến, Đỗ Hoàng, Xuân Dung, Kiều Hạnh...

Văn Học hân hạnh gửi đến quí độc giả nội dung buổi nói chuyện dưới đây với kịch sĩ Lê Văn Vũ Bắc Tiến.

Tuy tuổi đời đã gần 80 nhưng anh Lê Văn Vũ Bắc Tiến vẫn giữ nguyên vẻ say sưa, nồng nhiệt khi nói về kịch, vẻ say sưa thường thấy ở những nghệ nhân sống trọn đời cho nghệ thuật của mình. Anh còn có một tâm hồn rất trẻ trung, khoáng đạt. Buổi nói chuyện, do sự trẻ trung đó của anh, đã vô cùng hứng khởi và là một kỷ niệm khó quên đối với anh em Văn Học.

Có mặt trong buổi nói chuyện, bên cạnh anh Lê Văn Vũ Bắc Tiến còn có hai anh Ngô Huy và Trần Sơn Hà, đều là những người quan tâm nhiều đến kịch nghệ. Phía Văn Học có hai anh Trịnh Y-Thư và Cao Xuân Huy.

*

Văn Học: *Thực hân hạnh cho chúng tôi được nói chuyện với anh hôm nay, được chính tai nghe giọng nói của một trong những nhân vật đi tiên phong trong bộ môn kịch nghệ của Việt-nam từ thời tiền chiến. Trước hết, xin anh cho biết tại sao ngày nay ở hải ngoại, kịch nghệ Việt-nam đang lâm vào hoàn cảnh bế tắc?*

Lê Văn Vũ Bắc Tiến: Từ mấy chục năm nay, tôi chỉ sống bằng hai nghề, đó là diễn kịch và viết báo. Tôi đi sâu vào hai ngành này nên hiểu biết có thể gọi là khá nhiều. Về hiện tượng bế tắc của ngành kịch ở hại ngoại, tôi nghĩ cho đến nay vẫn chưa có mấy người hiểu biết thế nào là kịch. Ngay những người không còn trẻ như các anh đây cũng không biết đến các kịch bản lớn của chúng ta như vở *Không một tiếng*

vang của Vũ Trọng Phụng (1938), *Cái tủ chè* của Vũ Trọng Can, *Ghen* của Đoàn Phú Tứ, và các kịch bản khác của Vi Huyền Đắc, Thế Lữ... Những vở kịch lớn ấy tôi chắc các anh ít người biết đến. Vì thế, ở bên này, khi nói đến kịch người ta hay nhầm lẫn kịch với cải lương không có lời ca. Kịch khác thế chứ!

Năm 1930, sau thất bại của Việt-nam Quốc dân đảng ở Yên-bái, thực dân Pháp gia tăng khủng bố, xiết chặt hơn nữa nền thống trị và đến năm 1932 mới bắt đầu nới lỏng đôi chút. Nhân đấy, các ngành nghệ thuật của ta bắt đầu có mặt, như về mặt báo chí có tờ *Đông Tây* của anh Hoàng Tích Chu tức Hoàng Tố, rồi *Phong Hóa* do anh Nguyễn Tường Tam về trông nom... Các hội văn hóa cũng được phép hoạt động như hội Khai Trí Tiến Đức, Trí Trí... Lúc bấy giờ, anh em già chúng tôi (lúc đó còn trẻ) cũng bắt tay vào việc tạo dựng phong trào kịch của Việt-nam. Từ đó, mới có kịch. Bây giờ, ở hải ngoại, tôi chưa thấy có gì gọi là kịch cả mà anh em lại rất khao khát muốn tìm hiểu về kịch. Theo tôi, hiện giờ chúng ta cứ lấy những vở kịch lớn của Việt-nam ra trình diễn, phổ biến, vì thực ra ngay cả lớp người như các anh đây còn chưa biết hết những vở kịch cũ này huống gì là thế hệ trẻ hơn.

VH: *Nhưng anh vẫn chưa giải thích về hiện tượng bế tắc của nền kịch nghệ Việt-nam tại hải ngoại.*

LVVBT: Tôi phải dẫn chứng như thế để thấy là ở đây chúng ta có kịch đâu mà bế tắc!

VH: *Nếu vậy, có phải vì quần chúng không có cơ hội được xem những vở kịch hay, thưa anh?*

LVVBT: Quần chúng không được xem *kịch*. Họ chỉ được xem những vở *hài kịch* ngắn, chọc cười, dễ dãi chứ không được xem *kịch*, một vở kịch thật sự.

VH: *Vậy theo anh định nghĩa, kịch là gì?*

LVVBT: Theo tôi và một số anh em già như anh Đoàn Phú Tứ định nghĩa, kịch là *một bộ môn nghệ thuật dùng sân khấu làm phương tiện và dùng diễn viên làm môi giới để trình bày trên đó một cảnh đời*

đang có mâu thuẫn. Tôi nhấn mạnh, *đang có mâu thuẫn*. Mâu thuẫn càng kịch liệt càng đòi hỏi được giải quyết. Giải quyết xong là hết kịch. Phải có mâu thuẫn, và giải quyết mâu thuẫn mới gọi là kịch.

Tiện đây, xin kể các anh nghe câu chuyện. Năm 1950, trong Đại hội Văn nghệ Nhân dân của Cộng sản, các anh Đoàn Phú Tứ, Võ Đức Diên, Hoàng Tích Linh và tôi đều là ủy viên ban chấp hành của hội Sân khấu Việt-nam do anh Thế Lữ làm hội trưởng. Trong đại hội, Tố Hữu và Nguyễn Đình Thi ngồi chủ tọa. Khi ngành kịch lên phát biểu, anh Đoàn Phú Tứ thay mặt chúng tôi bước lên. Hội trường cũng hỏi câu hỏi "kịch là gì" như các anh hỏi tôi ngày hôm nay và anh Đoàn Phú Tứ trả lời như tôi vừa trình bày. Khi anh Đoàn Phú Tứ phát biểu xong, cán bộ đảng bên dưới đồng ý định nghĩa kịch như vậy là đúng nhưng đòi hỏi phải giải quyết theo lập trường giai cấp. Anh Đoàn Phú Tứ đã khôn khéo trả lời, "Lẽ dĩ nhiên là phải giải quyết theo lập trường của đảng rồi. Chẳng lẽ mỗi lần định nghĩa cái gì về văn nghệ lại phải lôi đảng ra sao?" Chúng tôi đã "xỏ" chúng nó từ dạo đó.

VH: *Theo anh, kịch có nhất thiết phải phản ánh đời sống bên ngoài xã hội hay không? Kịch cần phải có luận đề xã hội hay không cần luận đề như loại kịch* phi lý *phát triển ở Tây phương mấy thập niên trước?*

LVVBT: Kịch là một cảnh đời đang có mâu thuẫn cần giải quyết. Theo tôi, trước hết chúng ta hãy cứ cố gắng tập hợp nhau lại trình diễn những vở kịch hay để người xem hiểu thế nào là kịch đã. Khi có căn bản vững chắc rồi, kịch sẽ đi theo các trào lưu tiến triển mới. Đó là ước mong của người làm kịch.

Kịch của chúng ta từ trước tới nay gồm hai hình thức có khả năng thực hiện được là: kịch nói và kịch thơ. Để bắt đầu, chúng ta hãy đem ra phô diễn hai sở trường này để khán giả *mới* biết thế nào là kịch đã, rồi sau đó nếu điều kiện cho phép chúng ta mới tính đến những gì vĩ đại hơn trên năm châu bốn bể. Bây giờ, trong lúc khán giả chưa biết kịch là gì, chúng ta hãy khoan dàn dựng những kịch bản to lớn phức tạp đó.

VH: *Vậy, với những điều kiện hiện có ở hải ngoại, chúng ta làm được những gì?*

VLVBT: Việc đầu tiên chúng ta làm được là tập họp các anh em biết kịch, yêu kịch lại thành một nhóm nhỏ nào đó rồi cố trình diễn một vở kịch dễ hiểu, khích động lòng người như vở *Nửa đêm truyền hịch* của Trần Tử Anh. Trần Tử Anh là một chiến sĩ quốc gia, anh là sinh viên trường thuốc, học cùng trường với Lưu Hữu Phước thời Pháp thuộc. Một bên anh Lưu Hữu Phước làm bài *Tiếng gọi sinh viên* thì anh Trần Tử Anh viết vở kịch thơ *Nửa đêm truyền hịch* và *Thế Chiến quốc* nhưng bị Pháp kiểm duyệt, gây khó khăn nên không được quảng bá. Đến năm 1945, tôi diễn vở kịch này lần đầu và thấy đó là một vở kịch thơ hùng tráng tuyệt hay nói về thời Hưng Đạo vương chống quân Mông Cổ. Ngày nay, chúng ta mỗi người một phương, nạn nước cũng giống như thời của Hưng Đạo vương mà thôi. Kế đến, khi đã được khán giả chấp nhận, chúng tôi sẽ đưa ra vở *Không một tiếng vang* của Vũ Trọng Phụng viết từ năm 1936, cũng là vở cũ nhưng là thoại kịch. Như vậy, trước là kịch thơ, sau là kịch nói. Rồi còn nhiều hình thức kịch khác nữa, mới hơn, lạ hơn, hay hơn mà chúng tôi sẽ cố gắng đem đến khán giả thưởng ngoạn khi họ đã làm quen với kịch.

VH: *Hiện nhóm quí anh gồm những ai và đã thực hiện được những gì, thưa anh?*

LVVBT: Nhóm chúng tôi chỉ mới bắt tay vào việc thôi. Chúng tôi cùng một hoài bão như nhau muốn tập trung lại, tìm kiếm những anh em "già" nào chịu "hy sinh" đóng những vai thanh niên trong vở kịch thơ *Nửa đêm truyền hịch*, coi như đóng cho các em trẻ xem để biết thế nào là kịch, thế nào là diễn kịch, vì thanh niên ở đây tuy nhiều nhưng các em chưa biết thế nào là kịch thì làm sao diễn kịch được?

VH: *Khó khăn lớn nhất quí anh vấp phải là gì?*

LVVBT: Khó khăn lớn nhất là các anh em ngoài thì giờ lo cơm áo có quyết tâm hay không. Chỉ cần anh em quyết tâm theo đuổi, tôi bảo đảm chỉ một hai tuần lễ là tập xong một vở kịch.

VH: *Về kịch bản, anh có thấy nhu cầu tìm kiếm kịch bản mới?*

LVVBT: Hoài bão của tôi trước hết là giới thiệu kịch rồi khuyến khích các anh em văn nghệ có tài viết kịch sáng tác những kịch bản mới. Những sáng tác phải phản ánh được nỗi đau khổ chung của dân tộc. Tôi xin làm đạo diễn để đưa những vở kịch này lên sân khấu. Ngoài ra, tôi còn ước mong các anh em có khả năng ngoại ngữ chuyển dịch kịch bản của ngoại quốc ra tiếng Việt. Dưới con mắt "nhà nghề" của tôi, tôi sẽ biến cải cho phù hợp với hoàn cảnh Việt-nam. Ngày xưa chúng tôi cũng đã diễn *Người biển lận* của Molière. Khi vào tay tôi, *Người biển lận* của Molière biến thành *Người biển lận* An-nam không mấy khó.

VII: *Về phần khán giả thì sao? Đó có là yếu tố quan trọng định đoạt sự thành công của kịch nghệ hay không? Còn sân khấu nữa, thưa anh?*

LVVBT: Các anh ở đây là những người đang băn khoăn về kịch. Như vậy, dù muốn dù không, khi có người trình diễn kịch, các anh phải là khán giả tham dự trước hết rồi sẽ lôi kéo người khác theo. Tôi tin rằng kịch bây giờ ra rất đúng lúc vì chúng ta đang đấu tranh với Cộng-sản mà trên bình diện văn nghệ chúng ta đã có sách báo khá đầy đủ, duy ngành kịch vẫn chưa có. Băn khoăn này là băn khoăn chung, vì thế nếu thực hiện nghiêm chỉnh, hoàn hảo, chúng ta sẽ có khán giả.

Còn về sân khấu, ở đây tôi nghĩ điều kiện khá dễ dàng. Chỉ sợ mình không quyết tâm, không hết lòng với kịch mà thôi. Khi vở kịch dựng thành hình, ra mắt quần chúng, sẽ không thiếu sự ủng hộ. Khó khăn là bước đầu và vì thế cần sự quyết tâm.

VII: *Theo anh, trình độ thưởng ngoạn của khán giả hải ngoại như thế nào?*

LVVBT: Ở hải ngoại, đa số chỉ quen với *hài kịch* vì chỉ được xem như vậy, nên tôi thấy khán giả kịch ở đây chưa có. Đã có ban kịch nào trình diễn đâu mà có khán giả! May ra ở Sài-gòn, từ khoảng năm 60, khán giả được xem kịch trên truyền hình. Xa hơn nữa là vào khoảng 1936 trở đi khi phong trào kịch của chúng tôi rầm rộ phát động được

đa số khán giả trí thức chập nhận. Còn khán giả bình dân hơi thưa thớt. Sang đây, khán giả kịch hầu như không còn nữa.

VH: *Tiện đây, xin anh tóm lược những vở kịch hay của Việt-nam từ trước đến nay.*

LVVBT: Vâng, không hiểu tôi có nhớ hết không. Thôi, nhớ đến đâu nói đến đó vậy, quên chỗ nào xin bổ túc sau. Thoạt đầu là *Chén thuốc độc* của Vũ Đình Long rất mới vào thời đó, trình diễn nhân lúc thực dân Pháp nới lỏng chính sách đô hộ, cho phép các trào lưu văn nghệ đua nở. Thịnh thời là vở *Ghen* của Đoàn Phú Tứ do ban kịch Tinh Hoa dàn dựng. Kế đến là Vũ Trọng Can, Chu Ngọc (Nghệ sĩ đoàn) với *Cái tủ chè*, Lê Văn, Anh Tâm (Nghệ thuật kịch đoàn) với *Không một tiếng vang*, Thế Lữ với *Thế Chiến quốc, Bóng giai nhân*. Đại khái có chừng đó, từ 1932 đến 1940, chừng đó ban kịch xuất hiện rầm rộ, chưa kể đến những đoàn khác là Bắc kỳ kịch đoàn của Claude Bourrin sáng lập. Chính nhà hát Thống Nhất đã được chính quyền bảo hộ Pháp dành cho Claude Bourrin để diễn kịch.

Giai đoạn này còn xuất hiện Vi Huyền Đắc. Kịch thơ Hoàng Công Khanh viết *Vệ Hồ, Địch phản chiến*, Thao Thao viết *Quán biên thùy, Người mù dạo trúc*, Hoàng Cầm viết *Lên đường, Cô gái nước Tần, Kiều Loan (Cô gái điên)*... Còn nhiều nữa nhưng tôi chỉ tóm lược bấy nhiêu, tiếc là từ 1945 đến giờ, chúng ta không in lại những kịch bản này hoặc có in nhưng không tìm thấy.

VH: *Nhân anh nhắc đến kịch thơ, xin anh cho biết sự khác biệt căn bản giữa kịch thơ và kịch nói. Có phải kịch thơ là cái gì rất đặc thù của Việt-nam, thưa anh?*

LVVBT: Rất đặc thù. Xưa nay, chưa một đoàn kịch quốc tế nào trình diễn kịch thơ. *Le Cid* tuy là một vở kịch thơ, nhưng khi trình diễn, các diễn viên đọc chứ không ngâm lên như Việt-nam ta. Kịch thơ là một cái gì rất Việt-nam. Tôi dám tự hào với các anh như vậy. Thí dụ Hoàng Cầm viết những câu thật thơ như: *Nắng tháng hai vườn rau vàng xơ xác. Nghĩ cũng thương đàn bướm trắng nhởn nhơ. Bốn mươi năm mất nước phải làm ngơ. Vẫy tưới mãi cho những mầm đã chết*. Đấy

là kịch thơ của Việt-nam. Đấy là Hoàng Cầm tả ông đồ về làng dạy học ngậm ngùi cho cảnh nước mất nhà tan. Đến Hoàng Công Khanh viết kịch thơ hùng tráng. Tôi xin đọc lại ít câu thơ nói lên cái hùng khí của Hạng Võ. Hạng Võ nói với Ngu cơ: *Hỡi Ngu khanh! Rót đi khanh, hãy rót nữa đi khanh. Rót vào đây chiều nhan sắc khuynh thành. Ta uống hết cho say mềm thương nhớ. Hỡi Ngu khanh! Dẫu cho non nước tan tành. Trên đất lở ngồi tan ta ngạo nghễ. Một thanh kiếm thách tiền nhân hậu thế. Có lẽ nào không đẹp một lòng khanh...* Kịch thơ của ta rất phong phú. Đấy là kho tàng dân tộc, chúng ta hãy cứ lấy ra từ kho tàng này trước khi tìm đến cái gì của thế giới. Kịch thơ hay vì có thơ lại còn có kịch nữa. Chỉ vì chúng ta không đủ tài năng trình diễn cho quần chúng xem thế nào là kịch thơ. Lỗi đó ở chúng ta.

VH: *Theo anh, kịch thơ nghiêng về tuồng tích cổ của ta như hát chèo, hát bội nhiều hơn hay là một biến thể, được Việt-nam hóa từ kịch nói du nhập từ Tây phương?*

LVVBT: Kịch thơ là biến thể của kịch nói. Muốn là kịch thơ, phải là kịch đã, rồi mới đến thơ. Đối thoại của kịch thơ đôi lúc rất gần với kịch nói. Ví dụ, *Nơi thôn dã dùng toàn nước vối. Mời đại huynh*, thì không thể nào ngâm ư ử lên được. Chỗ nào thơ là thơ, chỗ nào kịch là kịch. Tuy nhiên, cùng câu đối thoại trên, nếu là kịch nói thì sẽ là: *Ở đây nhà quê, chúng tôi chỉ có nước vối thôi. Kính mời đại huynh*. Nó khác thoại kịch nhưng vẫn là kịch.

À, nhân nói đến kịch thơ, tôi vừa được Hoàng Công Khanh gửi cho vở kịch thơ *Bến nước Ngũ bồ* đã được trình diễn ở Hà-nội và Huế trước năm 1954. Có Lê Quỳnh (vai Lê Liêm) và Long Cương (vai Trần Bạch) do Phan Tại làm đạo diễn, gây sôi nổi trong khán giả thời ấy. Nếu có diễn viên tốt, tôi sẽ dựng lại *Bến nước Ngũ bồ* ở hải ngoại này.

VH: *Vai trò của đạo diễn quan trọng ra sao trong kịch, thưa anh?*

LVVBT: Là đạo diễn, khi đọc được một kịch bản nào mà tôi nghĩ có thể đem lên sân khấu được, tôi sẽ đến thảo luận với tác giả, nếu tác giả còn sống, để dàn dựng vở kịch. Định nghĩa về đạo diễn của tôi là: Đạo diễn là người thực hiện bản di chúc tinh thần của kịch tác gia.

Nếu tác giả còn sống, tôi được cái may mắn đến thảo luận với ông ta, còn nếu tác giả mất rồi thì tôi sẽ là người sáng tác thứ hai. Trong đời tôi, trừ trường hợp anh Vũ Trọng Phụng đã mất, khi dựng kịch tôi thường tham khảo với tác giả. Chỗ nào chưa đạt tới, mình có dịp trao đổi với chính tác giả. Còn không mình phải xem như tác giả đã chết rồi và mình tự nhận trách nhiệm tinh thần với tác giả. Lúc đó mình tha hồ "tung hoành", góp phần tài năng mình vào thành công của tác phẩm. Tài mình có hay không ở chỗ đó.

VH: *Hoài bão của anh về nền kịch nghệ Việt-nam, nhất là ở hải ngoại như thế nào?*

LVVBT: Tôi rất kỳ vọng vào khả năng kịch nghệ của các anh em trẻ ở hải ngoại. Nhưng không có một lớp người hiểu biết kịch nghệ bắc cầu thì làm sao các anh em trẻ kia hiểu thế nào là kịch? Tôi tin tưởng vô cùng kịch là một nghệ thuật cao độ để khích động tinh thần quần chúng. Tôi xin lấy một câu nói của Mao Trạch ông: "Đánh giặc Tưởng, có hồng quân Trung-hoa; đánh giặc tư tưởng, có đoàn quân văn hóa mà đội xung kích là đoàn kịch." Mao lấy cả Hoa-nam chỉ bằng ba vở kịch mà trong đó vở *Bạch mao nữ* mỗi khi diễn lên dân chúng đi lùng sục giết địa chủ. Ảnh hưởng mạnh mẽ thực không sao kể xiết, đến nỗi dân chúng phải kêu lên là Bạch Mao tiên cô giáng họa mỗi khi phải đi xem kịch *Bạch Mao nữ*. Đảng Cộng-sản Việt-nam cũng rất đề cao kịch nói như trong kỳ đại hội Văn nghệ Nhân dân hồi năm 1950 thời kháng Pháp.

VH: *Thay mặt độc giả báo Văn Học, chúng tôi thành thực cảm ơn anh Lê Văn Vũ Bắc Tiến đã dành thì giờ quí báu chia sẻ những kinh nghiệm suốt một đời sống với kịch nghệ của anh.*

LVVBT: Tôi cũng cảm ơn anh em đã cho tôi cơ hội nói những điều muốn nói với độc giả và với lớp thanh niên đang muốn tìm hiểu về bộ môn kịch nghệ của Việt-nam ta. □

PHẠM CHI LAN

tình sử

*

Nàng có mối tình màu tím
Nhẹ như làn hương trầm
bay vào chiều tản mạn

Có sóng nơi hồ thiên trúc
Con hạc ngắm trăng
một mình
với cơn say

Sợi khói rưng rưng
Mắt ai nhạt nhòa
Tiếng chuông trầm rung
gọi hồn ai
tỉnh giấc

THẬP LANG

dòng sông bị nguyền rủa

Tôi không biết con sông này có tên trong bản đồ Việt nam hay không. Nhưng đây là một con sông khá rộng, khá sâu, nước trong, chảy lừ đừ như ngái ngủ. Con sông không có bờ đê, chảy băng qua những cánh đồng đất phù sa lở lói. Lòng sông sâu hun hút phía dưới cả mấy trăm thước tây, làm cho người nhìn có cảm tưởng con sông thâm sâu và độc địa.

Từ bờ sông đi xuống đến mặt nước là một con dốc thoai thoải bằng đất cát mịn, thật sạch sẽ, sạch sẽ như một chốn hoang sơ.

Dân chúng ở đây, có lẽ không ai để ý đến con sông. Dường như từ lâu đời đã có một cuộc tẩy chay con sông này. Vì một mối thâm thù nào đó giữa con người và dòng sông. Nghe nói ngày xưa chính con sông này đã giết một ông vua, nên từ đó con người thâm thù và tẩy chay nó.

Tôi bước vào cái quán, một bà già ngồi co ro trên ghế. Bà ta nhìn tôi, nhưng không thèm đứng dậy, và cũng không tỏ một cử chỉ nào niềm nở, đón mời khách, như bao nhiêu hàng quán mà tôi đến.

Tôi biết bà già đang nghĩ và đang thầm nói với tôi: "Ông bước vào quán tôi, có nghĩa là ông cần đến tôi rồi, cần gì phải niềm nở. Khi cần, không niềm nở, ông cũng phải mua, niềm nở ông cũng mua chừng đó thôi. Đây không phải là thành phố, có nhiều hàng quán cho ông lựa chọn". Và thực tế, chẳng có cái gì để mua bán trong cái quán nghèo nàn và nhỏ bé này.

Còn hai giờ nữa mới có chuyến đò sang sông. Bà già nói với tôi như thế. Bà nói:

– Người ta chẳng qua lại làm gì, cần lắm mới phải đi. Người dân ở đây, tiết kiệm được cái gì hay cái nấy. Qua sông một lần cũng tốn cả trăm bạc. Con sông như một tai vạ lâu đời của dân làng nơi đây.

– Con sông này tên gì, bà cụ?

Bà già đáp một cách gọn lỏn:

– Chẳng ai biết đích thực nó tên gì. Chỉ thấy mọi người gọi là con sông "Vô Tích Sự". Mà nó vô tích sự thiệt.

– Tại sao thưa bà cụ?

– Thì ông thấy đó, mùa nắng, nước giữa dòng sông quá sâu. Nước thì nhiều, nhưng làm sao đưa lên ruộng đồng, để tưới cho cây cỏ, hoa mầu? Trên ruộng cao thiếu nước, cây cối chết đứng, dưới dòng sông nước chảy liên miên ra biển cả. Không vô tích sự là gì đó thưa ông? Mùa mưa đến, nước lũ dòng sông dâng lên, ngập cả cồn, cả bãi, cuốn theo hoa mầu của dân làng, mồ hôi nước mắt của nông dân. Không vô tích sự là gì đó thưa ông?

– Thưa bà cụ, dòng sông nào mà chẳng vô tích sự như thế. Đây là một hiện tượng của thiên nhiên. Vả lại, không có dòng sông, làm sao nước trên rừng đổ về, thoát ra biển cả được.

– Đó là chuyện của ông trời. Ông sinh ra nước thì ông phải sinh ra dòng sông để cho nước chảy đi. Không phải là chuyện của loài người mà ông.

Thấy bà già lý luận hay hay, tôi tự động ngồi xuống chiếc ghế trước mặt, như để tiếp chuyện với bà già.

– Chưa hết ông ạ, bà già nói tiếp, với một giọng thật chán chường. Dòng sông này không phải chỉ vô tích sự mà còn bất trắc nữa. Bảy mươi tuổi rồi, cả cuộc đời tôi sống ven sông nơi đây, toàn chỉ thấy những điều bất trắc xảy ra trên con sông mà thôi.

Giọng nói của bà già mỗi lúc mỗi gay gắt như nguyền rủa, bà tiếp:

– Tháng trước có con trôi bè về đây, ông thấy không, đó là vật bất tường cho những ai sống ven bờ con sông. Bảy mươi năm, đây là lần

thứ hai tôi thấy con trôi bè trở lại dòng sông này. Buổi sáng đó, mọi người vác cày cuốc ra đồng làm việc, thì con trôi bè xuất hiện. Trôi bè là một loại chim, to gấp mấy chục lần con gà lôi. Nó có bay được hay không, chẳng ai biết, chỉ thấy nó trôi lềnh bềnh như một chiếc bè giữa dòng sông. Con trôi bè từ đâu đến, cũng chẳng ai biết được, nhưng chắc chắn nó ở trong rừng sâu, nơi mà con người chưa đạp chân đến. Cổ nó nghểnh lên, cao vời vợi, người ta với chẳng tới.

Thằng Hai chủ nhiệm hợp tác xã, vác súng ra bắn chết. Nó từ rừng sâu về đây, chưa biết được sự hung dữ của con người, nên còn chủ quan và thản nhiên nhận viên đạn của thằng Hai chủ nhiệm. Lần đầu tiên nó biết sợ con người thì đã quá muộn, không còn cơ hội để đề phòng nữa.

Người ta lôi nó vào bờ, hai người lực lưỡng gánh vẫn còn nặng. Lúc khiêng đi, cái đầu dài của nó kéo lê trên bãi cát. Thịt nó khét và dai như thịt ngựa già. Nhưng rồi cũng hết. Tranh nhau để mà ăn. Cái gì trên cõi đời này mà chẳng chịu thua hai hàm răng và bao tử con người. Năm đánh nhau, cả con voi rừng to như cái lều, người ta còn nuốt được, sá gì lúc này một con chim trôi bè.

Ngày tôi khoảng bảy, tám tuổi, con trôi bè cũng xuất hiện trên dòng sông này. Lúc đó các cụ không giết, chỉ đuổi nó, như đuổi cái bất hạnh ra khỏi dòng sông. Cái nghĩ của con người 50 năm về trước, không giống cái nghĩ của con người 50 năm về sau, phải thế không ông? Nhưng có một điều, nó xuất hiện là đói kém liên miên, cả mấy năm liên lỉ đấy. Nghe các cụ nói, nó sống cả mấy trăm năm trong rừng sâu. Một thế kỷ nó xuất hiện, một hoặc hai lần, và đến đâu, gieo tai họa đến đó.

Một người đàn ông ngồi ở một góc, từ đầu đến giờ vẫn im lặng, lúc này mới lên tiếng góp lời:

– Bà nói rứa mà nghe được, mấy chục năm nay, con trôi bè có xuất hiện đâu, mà vẫn đói kém, tai họa vẫn đến với dân làng ta liên miên. Rõ dị đoan. Sống trong xã hội chủ nghĩa mà vẫn duy thần quá như rứ.

– Người ta nói rứa, ông nghe được thì nghe, không nghe được thì thôi, mắc mớ gì đến ông?

Tôi bỏ quán, đi xuống dòng sông, tản bộ theo những đụn cát long lở hai bên bờ. Có lẽ bà già nói đúng. Đây là dòng sông bất trắc và chính hôm nay tôi có mặt nơi đây, cũng chỉ muốn nhìn lại dòng sông bất trắc này.

Tôi còn nhớ, hôm đó đơn vị tôi được lệnh hành quân, trong cuộc hành quân hỗn hợp Hàn Việt. Lúc đó, những đơn vị thuộc sư đoàn Bạch Hổ của Đại hàn đang tảo thanh những đơn vị Bắc Việt từ phía nam. Đơn vị của chúng tôi có nhiệm vụ chặn nút, không cho địch vượt con sông này để rút vào Trường sơn. Đó là lý do tiểu đoàn chúng tôi có mặt ở nơi đây.

Vì chủ quan của đơn vị trưởng, nửa buổi hôm đó, tiểu đoàn tôi đang vượt sông, để tiến chiếm một bìa làng thì địch khai hỏa tấn công. Một đại đội đã bám chân được bờ bên kia, nhưng không đủ khả năng để ngăn địch. Đại đội thứ hai đang qua sông. Cả hai chới với và bị rã gánh. Hai sĩ quan chỉ huy và cũng là hai người bạn thân của tôi chết trên dòng sông này. Lành, người bạn rất thân, đã chìm vào dòng sông, không tìm lại được tử thi.

Tôi và Lành cùng học chung một khóa Thủ đức, ra trường hắn cưới vợ. Cưới vợ trong ngày phép cuối khóa. Trong ngày hợp hôn, hắn cười vô tư, như không phải là kẻ sắp bỏ thành phố ra mặt trận. Tôi với Lành cùng về chung một đơn vị và bốn năm lội khắp vùng này, cho đến lúc cả hai đều là đại đội trưởng của một tiểu đoàn. Không ngờ hắn chết chìm trên dòng sông bất trắc nơi đây.

Từ chiến trường tôi mang tin đó về cho vợ hắn, lúc đó còn tại Sài–gòn. Vợ hắn như một người mất trí, nên đã đổ oán hận lên tôi, coi như tôi làm nên cái chết của chồng nàng. Từ đó vợ hắn cắt đứt mọi liên lạc với tôi.

Sau cuộc chiến, tôi bỏ nước ra đi, mấy năm nay tôi tình cờ gặp lại nàng. Thời gian đã làm nàng thay đổi hẳn quan niệm. Đứa con gái duy nhất của Lành đã vào đại học. Chúng tôi nối lại tình bạn tri âm. Cũng

từ đó, tôi hứa với nàng, nếu có dịp tôi sẽ trở lại dòng sông, coi như thăm ngôi mộ người bạn quá cố một lần. Đấy là lý do hôm nay tôi có mặt chốn này.

Tôi trở lại quán, lúc đó người đàn ông đã bỏ đi, bà già ngồi một mình trong cái quán vắng teo. Tôi biết bà già đang cần người nói chuyện. Tôi bước vào quán và tự động ngồi xuống chiếc ghế trước mặt của cụ già. Bà nhìn dòng sông và nói với tôi:

– Đò cũng sắp sang rồi ông ạ. Cái con nhỏ cũng kỳ, thấy khách đợi mà vẫn cứ nguyên tắc, không chịu tách bến. Ngày xưa chúng tôi ở với nhau có nguyên tắc như thế này đâu, vẫn sống thọ hơn chúng nó. Ông đi về đâu?

– Qui nhơn.

– Cũng chẳng sao, ông sẽ về đó trước khi mặt trời lặn. Ngày xưa tôi cũng ở Qui nhơn. Năm 1945, hai vợ chồng tôi đang dậy học tại thị xã này thì Cách mạng Mùa Thu xảy ra. Chúng tôi cả hai đều tham gia phong trào Việt Minh. Lúc đó tôi mới có một đứa con trai đầu lòng. Chiến tranh đến, chúng tôi theo kháng chiến, tìm về dòng sông này chống Pháp. Chồng tôi chết trên con sông này, lúc ông chết, tôi đang mang thai thằng con trai thứ hai. Tôi nuôi con và tiếp tục sự nghiệp của chồng tôi, chống Pháp cho đến ngày chia hai đất nước. Việt Minh rút ra Bắc, tôi ở lại sống bên dòng sông với hai đứa con nhỏ.

Chiến tranh lại tìm về trên dòng sông, người ta bỏ làng ra đi, nhưng tôi không đi đâu cả. Tôi gởi thằng con út xuống Qui nhơn học. Một hôm Cách mạng về, bắt thằng hai con tôi theo cách mạng. Thằng út tôi học hết trung học, thi hỏng đại học phải đi lính. Ngày nó thụ huấn tại quân trường Thủ đức, tôi đánh liều đi thăm nó được một lần.

Một ngày, nó theo đơn vị hành quân về con sông này, thấy làng mình bên kia, nóng lòng gặp lại người mẹ, nên chẳng đắn đo, cùng đơn vị vượt sông. Bị phục kích và chết trên dòng sông, khi chưa đạp đến được bến bờ, nơi chôn nhau của nó.

Người giết nó là anh Hai nó, thằng Hai lúc đó là thủ trưởng một

đơn vị Cách mạng. Từ đó tôi không nhìn mặt thằng Hai nữa. Nó chính là chủ nhiệm hợp tác xã, bắn con chim trôi bè đó ông ạ.

Ngày đầu mới giải phóng, hắn không cho tôi mở cái quán này. Hắn nói trong kinh tế xã hội chủ nghĩa, không ai có quyền làm cái nghề trung gian bóc lột. Tôi không nghe, dù sao tôi vẫn là mẹ nó, cuối cùng nó phải chìu theo tôi.

Tôi nói với nó, đứa con nào tao cũng mang đủ chín tháng mười ngày, chẳng đứa nào tao đẻ non cả. Ngày xưa nếu Cách mạng không về bắt mày, chưa chắc mày đã là người Cộng sản. Cũng như em mày, nếu tao không gởi nó xuống Qui nhơn học, chắc gì nó đã là người Quốc gia. Hoàn cảnh đã dắt lối đưa đường cho số phận con người. Nhưng tâm hồn của con người thì hoàn cảnh không chi phối được. Thằng út là ngụy quân như mày nói, nhưng tâm hồn nó là tâm hồn con người chính thống. Dù biết nguy hiểm cũng vội vã vượt sông, để gặp lại mẹ già nhiều năm chờ đợi trong quán nhỏ, gặp lại mộ cha bên ven sông. Cũng vì thế, mày mới có cơ hội giết nó.

Hai ạ, cha của chúng bay, cũng chết trên dòng sông này, nhưng đó là cái chết minh bạch, cái chết vì kẻ thù xâm lược Tổ quốc. Còn cái chết của em mày, do viên đạn mày bắn ra, đó là cái chết thiếu minh bạch với lịch sử và đạo làm người.

Nói đến đây bà già im lặng, dường như bà xúc động lắm. Bà đưa tay vuốt lên hai mép dính đầy bã trầu. Một lúc sau bà nói tiếp:

– Nói cho ngay, cũng tại dòng sông mới gây nên như thế mà thôi. Mẹ nào mà chẳng thương con, chẳng tha thứ cho con. Khúc ruột mình cắt ra đó mà. Thực sự tôi vẫn có lỗi với thằng Hai. Khi nó chưa đầy ba tuổi, nhiều lúc tôi mang nó sau lưng, đi suốt đêm công tác giao liên. Vừa nứt mắt, mới học xong tiểu học, đã bắt nó ở nhà giúp việc cho mẹ. Mấy năm nay nó đã chìu tôi nhiều. Tôi đã dọn về ở chung với gia đình nó. Vợ nó, mỗi tuần hai lần đã ra quán quét dọn cửa hàng cho tôi. Điều thỏa hiệp quan trọng nhất giữa nó và tôi, là nó chịu để tôi đặt di ảnh của thằng út trên bàn thờ trong nhà nó, bên cạnh di ảnh của ông nhà tôi. Mặc dù di ảnh thằng út mang bộ quân phục sĩ quan Thủ đức.

Nói đi, nói lại cũng tại dòng sông. Dòng sông này đã bất trắc từ ngàn xưa mà ông. Người ta truyền rằng, con sông này, ngày xưa giết một ông vua nhà Trần. Vua Duệ Tông, vị vua duy nhất của nhà Trần chết tại mặt trận, trong cuộc xâm lăng vào đế quốc Chiêm thành, ở thế kỷ 14. Vua Duệ Tông và hàng vạn quân Nam bị Chế Bồng Nga giết trên dòng sông bất trắc này.

Ngày còn nhỏ, có một lần tôi theo ba tôi đi qua một làng bên bờ bắc con sông, ở đó, người ta xây một cái đền thờ vua Duệ Tông. Ba tôi nói, hằng năm, cả mấy xã trong vùng, tụ tập về để cúng đền nhà vua, vui như ngày hội đền Hùng ngoài Bắc. Sau này trong chiến tranh, nghe nói một năm trời làm cơn lụt to, khúc sông làng nọ bị lở, nước cuốn theo cả đền thờ vào dòng nước. Từ đó dòng sông vốn đã bất tường, lại bất tường hơn nữa.

Thực ra, vua Duệ Tông là một ông vua có dũng nhưng thiếu trí mà phải chết oan, lại còn mang lấy nhục vào thân. Ông mà sống, dễ gì Hồ Quý Ly chiếm được nhà Trần. Thời đại nào cũng thế, không phân rõ trung nịnh thì dù ở ngôi chí tôn cũng phải bỏ xác sa trường. Một ông vua mà nuôi thứ rắn dữ như Hồ Quý Ly trong nhà, lại đi nghe lời kẻ tham lam gian nịnh như Dặng Tử Bình, chết cũng chẳng phải là oan. Oan đây là oan cho hàng vạn binh lính trôi sông, nhục nhã chết trên đất kẻ thù mà thôi.

Mấy thế kỷ sau, nhà Nguyễn chiếm lại dòng sông này, đã rửa hận cho ông vua nhà Trần tử trận. Nhưng trong cuộc can qua lại hàng trăm ngàn người Hời bị diệt chủng hai bên bờ sông. Như vậy có phải tại con sông bất trắc không ông?

Tôi ngạc nhiên, sao bà già thuộc lịch sử như thế. Thực ra tôi không biết vua Duệ Tông chết chỗ nào và Dặng Tử Bình là ai. Người ta bảo dân gian là một cuốn sử, có lẽ lời nói đó không sai.

Đò cặp bến, tôi bước khỏi quán, bà già như đang muốn nói thêm, nhưng tôi không thể chờ chuyến sau. Đây là chuyến đò cuối cùng trong ngày.

Tôi muốn quay lại nói với bà già: "Không biết dòng sông đáng

nguyền rủa hay chỉ tại con người làm nên điều đáng nguyền rủa trên dòng sông? Cũng như không biết con trôi bè đem điều bất tường đến cho những người dân nơi đây, hay chính thằng Hai chủ nhiệm hợp tác xã, đưa viên đạn bất tường đến cho con trôi bè?" Nghĩ thế, nhưng tôi vẫn cúi đầu, theo con dốc thoai thoải đi xuống lòng sông. Tại sao ta lại đi gieo một hạt giống nghi ngờ vào mảnh đất niềm tin của kẻ khác. Đức tin cứu vớt con người. Trong thánh kinh Do thái cũng có lời chép rằng: "Kẻ tốt lành sống bằng lòng tin của chính họ".

Đò tách bến ra dòng, tôi là hành khách duy nhất của cô lái đò. Dòng sông không quá lớn, sao mặt nước thật mông mênh. Tôi nghĩ về những cuộc chiến tranh qua bao nhiêu thời đại. Xác quân thù, xác quân ta, lớp lớp ngổn ngang dưới mặt nước mênh mông của dòng sông này. Trong đó có xác đứa con trai út và người chồng của bà chủ quán, có xác của Lành, bạn tôi, xác của những kẻ bên này, bên kia trong cuộc chiến bỏ lại hôm qua. Nước sông xanh đen như màu lá cây rừng. Dường như trong nước có những giọt máu còn nguyên. Máu của ông vua nhà Trần, máu của quân Hời, quân Nam trong những thế kỉ can qua. Máu của bạn và thù, bên này bên kia trong cuộc chiến hôm qua.

Người con gái chèo đò sao mảnh mai quá. Cả thân người nhào về phía trước, dồn cả sức vào hai cánh tay, đẩy mái chèo để quạt nước cho con đò đi về phía trước. Tuy nhịp nhàng, nhưng tôi có cảm tưởng con đò đang giật lùi trên dòng sông nước chảy.

Tôi nhìn thiếu nữ và hỏi cộc lốc:

– Em năm nay bao nhiêu tuổi.

– Em mười sáu tuổi.

– Tuổi mười sáu, tuổi đẹp nhất của người con gái đấy.

– Dạ...

Không biết người thiếu nữ đưa đò ngang sông, nghĩ gì về câu bình phẩm trịch thượng của tôi vừa rồi. Khi tôi bỏ nước ra đi, cô gái mới lên một tuổi. Không biết em đã nghĩ gì về cuộc chiến tranh của cha anh trước đây. Tôi hỏi:

– Em có biết, ngày xưa đây là bãi chiến trường không?

– Em nghe mẹ em nói, họ đánh nhau ở nơi này ông ạ. Ngày chiến tranh, ba má em chạy ra Qui nhơn. Ba em chết trận, chết trong ngày người ta bỏ Qui nhơn chạy vào Nam. Mẹ em một tay bồng em, một tay ôm xác cha em. Người ta chạy chứ nhà em làm sao chạy được. Qua chiến tranh, mẹ em đưa em về làng và sống nơi đây. Giá ba em đừng chết lúc đó, có lẽ bây giờ em đang ở bên Mỹ, đâu còn chèo đò khổ cực như thế này nữa đâu.

Tôi nghĩ đến hình ảnh bạn tôi chìm vào dòng nước như vừa mới hôm qua, hôm nay đã là câu chuyện ngày xưa rồi. Qua một mùa đông tàn tạ, một mùa xuân sang, cây lá nẩy mầm, cỏ cây vươn lên trên cánh đồng. Mùa hạ đến, chim bay về làm tổ. Thế là chiến trường hôm qua đẫm máu, nay chỉ còn lại là câu chuyện truyền khẩu trên môi miệng người dân nơi đây. Tôi còn đây, vợ bạn tôi còn đó, nhưng bạn tôi đã là một nhân vật cổ tích lịch sử của người thiếu nữ chèo chống con đò ngang trên dòng sông bất hạnh chốn này.

Tôi hỏi người thiếu nữ:

– Người ta ở đây có nói nhiều về bãi chiến trường này không em?

– Ai cũng nói, ai cũng biết. Mẹ em nói, nơi gò Lựu đạn, nơi ruộng Bãi mìn, hàng trăm xác chết, cả mấy tháng, thối không ai chôn. Bây giờ hễ trời mưa dầm, ma trơi nơi ruộng Bãi mìn đỏ lên từng đoàn như người ta đi rước đuốc, ghê lắm ông ơi! Hễ chập choạng tối, chẳng ai dám đi qua gò Lựu đạn, ruộng Bãi mìn cả. Ông không ở đây, nếu ông ở đây ông phải biết.

Chiến tranh đã chấm dứt, nhưng vết máu còn đọng lại đó. Gò Lựu đạn, ruộng Bãi mìn, dụng cụ giết người trong chiến tranh hôm nay đã thành tên chỉ nơi chốn của quê hương tôi. Những người trong cuộc như tôi mới thấm thía đó là vết tích còn lại trong chiến tranh. Tôi quay lại hỏi em gái chèo đò:

– Người ta không ai đi tìm để lấy xác sao em?

– Làm gì có ai đi tìm ai? Mấy năm rồi, trên huyện đem người về tìm xương người Mỹ, họ đào suốt cả tuần lễ, tìm được hai bộ xương

người Mỹ trong bờ tre. Xương Mỹ mới quý, xương Việt nam có quý gì đâu ông. Nó cũng giống như ông với tôi vậy.

– Em có sợ ma không?

– Trời, sao lại không, ông?

– Ma quỷ là những điều không đáng sợ. Nếu hiểu ma quỷ là thối thân của người chết thì lại chẳng phải sợ hãi gì cả. Kẻ chết, là kẻ đã quên hết mọi hận thù. Điều đáng sợ nhất vẫn là những người còn sống như cô và tôi. Nếu ngày xưa còn chiến tranh, cô là nữ giao liên, thì chốc nữa trên đoạn đường bên trong bờ tre nào đó, chiếc mã tấu sẽ vung lên ngang cần cổ tôi. Chính con người đã làm nên điều bất hạnh trên dòng sông này. Và biết đâu, những thế hệ sau cô, những điều bất hạnh lại tái diễn trên dòng sông bất trắc này, giống như chúng tôi đã làm điều bất hạnh đó ngày hôm qua.

Từ ngàn xưa, con người vẫn là điều đáng sợ nhất cho con người.

Con đò cặp bến, cô lái đò nhìn tôi, tôi đoan chắc cô không hiểu những gì tôi vừa nói. Có lẽ cô cho rằng tôi đã nói lạc đề, nhưng tôi không có thì giờ để giải thích. Và, sự giải thích có cần thiết hay không?

Dòng nước trên sông vẫn chảy liên lỉ, để lấp đi những bất hạnh đã qua, và đón nhận những bất hạnh mới của con người.

Tôi bước khỏi con đò chòng chành, bỏ lại sau lưng một dòng sông bị nguyền rủa. □

Tìm Đọc:

NGƯỜI LÍNH CÒN LẠI

Tập truyện Nguyễn Ý Thuần

NHÂN VĂN xuất bản

HOÀNG VIỆT THI

tấc lòng

*

nghe xa những dáng xưa gần
tấc lòng cố quận hãy còn tơ vương
mai về trên biển sóng cuồng
còn nghe chăng một tiếng đàn tri âm?

bên vườn rau

*

lắng nghe đất thở hương nồng
vườn xanh đã chớm mùa xuân cận kề
ươm trong lòng mối tình quê
ươm trong trời đất nẻo về của xuân
chồi non đã dậy xanh rờn
trong tôi xanh một luống vườn nhớ mong.
(trại cải tạo A.30)

lại về

*

lại về mệt mỏi
bên mình
còn vang vang một khối tình nước non
e xưa còn chảy trăng vàng
mà nay biển lạnh sóng ngàn tím vây
lại về
gác vắng loay hoay
con đường đi
mãi không phai bóng chiều.
(sau chuyến vượt biên)

VŨ TIẾN THỦY

mả thuồng luồng bên bờ sông tô lịch

*

Lời tòa soạn: *Các sách cổ của ta như* Đại Việt Sử Ký Toàn Thư *của Ngô Sĩ Liên,* Việt Sử Tiêu Án *của Ngô Thời Sĩ,* Tang Thương Ngẫu Lục *của Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án, và nhiều sách khác nữa đều có nói tới giai thoại giữa ông Chu Văn An (? – 1370) và một con thuồng luồng hiện thành hình người đi học. Giai thoại đó, một lần nữa, được viết lại bằng ngôn ngữ của thời đại chúng ta dưới dạng thức một truyện ngắn. Người viết dùng con mắt suy nghĩ của người nay để lục lạo, tìm kiếm trong quá khứ những điều hay, vẻ đẹp của người xưa.*

*

Trong *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú, tập I, Dư địa chí, bản dịch của Nguyễn Thọ Dực, Sài-gòn 1972, trang 202, có đoạn:

"*Cung-hoàng và Nhị-khê là hai địa phương nổi tiếng văn vật đứng bậc nhất trong phủ hạt.*"

Làng Cung-hoàng thuộc huyện Thanh-trì, là quê quán của Chu Văn Trinh, tức Chu Văn An. Ông từng cất nhà đọc sách trên gò đất lớn ở Cung-hoàng, trở mặt xuống đầm nước...

Đầm nước xanh (thanh đàm) ấy, những ngày ông cao giọng giảng Nho. Học trò (nhất quỉ, nhì ma) im lặng. Những buổi tối vắng lặng quanh đầm. Tiếng cóc nhái và tiếng quẫy của cá. Những tầu lá chuối, lá sung, lá ổi, lá thị, lá mít... Ông lắng nghe, và lặng thinh. Ông thấy và ông nghĩ gì nhỉ? Cả những đêm trăng. Mặt đầm gợn những vân nước. Bóng cây ngoằn ngoèo như những con thuồng luồng bơi dưới đầm. Gió rì rào. Hoặc những đêm mưa rất nhẹ. Hoặc những trưa nắng chang chang. Mây từng giải từng vầng lũ lượt trôi qua đầm nước trong xanh ấy. Ông chống gậy trúc, ngẫn ngừ, rồi lững thững dạo quanh đầm. Nghe như có tiếng thầm thì ở dưới nước hay trên trời. Ông

nghiêng tai. Tóc và râu bạc trắng như mây trời đang bay. Tay ông đẹp, móng dài, khẽ giơ ra phía trước. Bâng quơ.

Ông đứng lặng. Khép mắt. Gậy và thân vụt như hóa đá. Đầm nước xanh vụt thụt xuống sâu thêm. In bóng ông như bay xuống trời. Trời dưới nước ướt hơn một chút. Màu sắc đậm hơn mà không kém vẻ tươi.

Hồi lâu, ông đưa tay giữ những sợi râu dài chỉ chực bay đi mất. Mắt ông vẫn nghiêm khắc, sâu sắc và thanh tao. Hình như trong ánh mắt đã có nhiều từ ái khi bất chợt ông nhìn thấy một nụ hoa ấu. Có lẽ hoa vừa nở. Củ ấu có hình dáng đầu con trâu đen. Học trò vẫn thường đem đến biếu. Ông thích dùng ấu tươi. Người học trò mới, người ấy chỉ biếu ấu tươi.

*

Quanh đầm hẳn còn có cây ngô đồng. Trong thơ Chu Văn An, bài *Sơ hạ*, ông kể vẫn thường đứng dựa cây ngô đồng, lơ đãng nhìn mây trời và sách vở.

Cử ngô tĩnh cực hoàn thành lãn
Ấn thượng tàn thư phong tự khai.

Hay là cây ngô đồng mọc ngay gần nhà ông dạy học, đọc sách. Đầu hạ, lá ngô đồng còn xanh. Gió thổi qua cây rung lên âm nhạc. Tôi đoán thế vì tưởng tượng những cây đàn tranh, đàn nguyệt, đàn đáy đều làm bằng gỗ ngô đồng. Đứng tựa cây ngô đồng hứng gió, hẳn tâm hồn ông nổi lên bao nhiêu ý tình của một nghệ sĩ hơn là vị Quốc tử giám tư nghiệp, dạy học cho thái tử, hay vị lương sư dạy ngàn học trò đậu đạt.

Đã lâu lắm rồi, từ ngày dâng *Thất trảm sớ* không có hồi âm, ông cáo quan về Cung-hoàng dạy học. Cung-hoàng hay Huỳnh-cung? Cái tên thật có nhiều kiếp nghiệp cho ông.

Kìa, trên bàn, chồng sách ông đã đóng sao bỗng như có bàn tay ai đang mở. Từng tờ, từng tờ. Gió chăng? Thì gió vẫn thổi. Nhưng gió làm sao mở từng tờ, từ đầu đến cuối? Ông lặng thinh. Hình như có bóng người. Ông không nhìn thấy, không nghe thấy. Nhưng ông ngờ ngợ ngửi thấy. Mùi của người pha lẫn mùi của cá. Có lẽ là mùi gió đưa từ dưới đầm lên. Mùi bùn.

Giờ này, mặt đầm trong xanh phẳng lặng. Nước hơi cạn vì nắng đốt. Những con cuống vó đi lao xao. Một đám cói vươn lên trong gió nhẹ. Cụm bèo không trôi. Hoa ấu nở lặng lờ. Ông chống gậy trúc đến bên đầm nhìn đăm đăm xuống mặt nước. Dưới ấy có gì nhỉ? Bùn. Chắc chỉ có bùn. Và những loài cóc nhái cá tôm cua hến trạch lươn... Những con vật tầm thường, hiền lành và hữu ích. Làm gì có thủy quái. Bản triều gốc tích gắn liền với thủy tộc. Từ ngày quan Hình bộ Thượng thư Hàn Thuyên, người làng Thanh-lâm, Hải-dương, đốt thơ Nôm đuổi cá sấu trên sông Lô, các loài thủy quái dần dần biến mất. Đến Đức Anh Tông Hoàng đế bỏ tục xăm mình, dân ta mới hết hoang mang sợ các loài thủy quái. Thế mà gần đây, dân làng thì thào khác nhau chuyện thuồng luồng. Chưa ai chính mắt nhìn thấy thuồng luồng. Có đứa bé cuối làng bị chết đuối trong đầm. Khi vớt lên thấy mất một bàn chân. Dân làng khác nhau chuyện thuồng luồng ở đầm nước. Chẳng biết thế nào, nhưng trẻ con thì sợ lắm. Và cái đầm nước vắng lặng đến hoang vu. Chỉ có mình ông chống gậy trúc đi lững thững. Hoặc đứng lặng hàng giờ.

Như trưa nay. Ông đứng nhìn bờ đất, nước rút đi, nứt nẻ như bàn chân người cày ruộng. Một con cóc nhỏ nhảy vào bụi cỏ. Bất ngờ có tiếng quẫy mạnh, rung động khắp buổi trưa. Ánh nắng lay động. Sóng nước lấp lánh loang khắp mặt đầm. Ông giật mình giữ chòm râu bạc. Trời xanh và mây trắng. Tất cả lại chìm vào vắng lặng đến vô cùng.

*

Người học trò mới thường đem biếu thầy những củ ấu tươi, chưa luộc. Anh ta rụt rè, ít khi nói chuyện với bạn học. Đôi mắt nhỏ, tinh anh. Tấm lưng dài thậm thượt. Da vàng, tóc hung hung. Tuy rụt rè, nhưng độ lượng, có khí thế của người cao trọng, quyền thế. Ngày mới nhập học, anh thưa:

– Thưa thầy, con họ Nguyễn ở làng bên, nhà nghèo, chỉ có chút lễ mọn xin thầy nhận cho theo học.

Lễ vật của anh là mâm ấu tươi. Ông vẫn thích nhất củ ấu tươi. Người học trò ấy đã thông minh, lại chăm chỉ. Thường làm bài trước

chúng bạn. Ông để ý, nhưng ít khi gần. Bởi anh e thẹn quá, ngồi mãi ở góc xa. Đơn lẻ. Thỉnh thoảng ông bắt gặp ánh mắt anh. Có lẽ vì mắt ông nghiêm khắc quá, anh sợ, càng e thẹn rụt rè. Khuôn mặt anh thanh tú, miệng nhỏ, ửng một màu tím nhạt. Đôi lần ông nhìn thấy phía sau lưng anh khi tan học đi về. Dáng anh yểu điệu. Ông thầm tặc lưỡi. Tiếc cho anh.

Hôm nay lớp học không đông lắm. Nhiều người phải nghỉ học vì gia cảnh, hoặc gia biến. Thời thế này, những chuyện bất thường trong đời sống vẫn xảy ra luôn. Mới đầu hạ, sắp hết năm học rồi. Đã liên tiếp mấy tuần lễ không mưa. Nhiệt độ trong làng nóng lên nhiều. Ông đưa mắt tìm anh. Anh chưa đến. Đêm qua, ở đầm nước một mình, ông trở về trằn trọc mãi. Ông có ý định gặp anh để chứng nghiệm một điều. Điều ấy mơ hồ quá. Ông không muốn tin. Nhưng cuối cùng, khi bắt đầu cao giọng giảng Nho, thì anh đến.

Tuy anh lặng lẽ kính cẩn chào bối rối rồi lẩn vào lớp học, ông vẫn thấy anh mồn một. Có lẽ anh cũng biết thế nên tỏ lộ sự lo lắng, áy náy.

Buổi học hôm nay lẽ ra ông muốn nói về sự giáo dục. Con người ta sống ở trên đời, ai cũng như ai, sự phân biệt cao thấp, chính tà là do có học hay không có học. Ông muốn giảng câu "*Hữu giáo vô loại*" của Khổng Tử. Nhưng vì để thử anh, ông bàn chuyện thầy Quí Lộ hỏi Đức Khổng Tử về sự quỉ thần.

– "*Quí Lộ vấn sự quỉ thần. Tử viết: vị năng sự nhân, yên năng sự quỉ, – viết: cảm vấn tử? Viết: vị tri sinh, yên tri tử.*"

Ông giảng:

– Thầy Quí Lộ hỏi Đức Phu Tử rằng: Những công việc đối với quỉ thần thời như thế nào? (Sự quỉ thần). Ngài bảo: Chưa hay những việc làm người, có lấy gì hay những việc quỉ thần? (Vị năng sự nhân, yên năng sự quỉ). Thầy Quí Lộ lại hỏi rằng: Việc chết thời như thế nào? (Cảm vấn tử). Ngài nói rằng: Chưa biết được đạo lý sinh, lấy gì biết được đạo lý tử? (Vị tri sinh, yên tri tử?)

Xem như bài này, thầy Quí Lộ hỏi sự quỉ thần, Đức Phu Tử không nói tới sự quỉ thần, mà lại nói đến sự nhân. Thầy Quí Lộ muốn tri tử,

Ngài không nói tri tử mà lại nói tri sinh; bởi vì sự nhân được thì sự quỉ thần cũng được; đã tri sinh được thì tri tử cũng được. Nên tuy không nói đến sự quỉ thần, tri tử, nhưng mà đã nói cho sự nhân và tri sinh thì tức là nói rồi. Bởi vì sự nhân với sự quỉ cũng cốt ở thành tâm thiện ý: tri tử với tri sinh cũng chỉ chung một lẽ. Lấy lòng thành mà sự được nhân (thì) không cần hỏi đến sự quỉ. Xét chân lý mà tri được sinh thì không cần hỏi đến tử. (Theo *Khổng Học Đăng* của Phan Bội Châu).

Ông biết anh rất chăm chú nghe, tỏ lộ sự cảm khái. Gần tan buổi học, ông tình cờ đến bên anh. Anh bẽn lẽn cúi mình cắm cúi viết. Một thoáng gió nhẹ lướt qua anh. Ông chậm chãi trở về sập gụ. Trong hơi gió nhẹ ấy, ông đã ngửi thấy mùi của anh. Mùi bùn.

Hôm ấy, anh nộp bài chậm.

*

Lần thứ ba, lão bộc trở về kể:

– Bẩm ông, cũng đến đầm nước thì con không thấy anh ấy đâu nữa. Bẩm ông, con nghĩ...

Ông khoát tay bảo:

– Thôi được.

Cũng lần thứ ba, anh nộp bài chậm. Cũng đã ba lần ông ngửi được mùi anh. Mùi bùn.

Ba lần ấy ông đều giảng những bài khác với bài soạn sẵn. Anh dù có mở đọc trước vẫn không ngờ rằng thầy lại đổi đề tài.

Giữa ông và anh đang có một khoảng cách. Nhưng lại rất gần. Bởi vì ông đã biết anh là ai.

Hôm ấy ông chống gậy trúc ra đầm. Nước cạn nhiều. Đã lâu, trời vẫn không mưa. Dân làng múc cạn cả giếng, phải lấy nước đầm về dùng. Những bè ấu tiêu điều. Chỉ có một bông ấu nhỏ nở đìu hiu. Màu tím của hoa gợi nỗi buồn man mác. Ông đứng lặng yên. Bao nhiêu biến cố trên đời ông vẫn nhớ như mới vừa hôm qua. Từ ngày Đức Thượng hoàng (Minh Tông) băng, ông cảm thấy lẻ loi quá. Đức Kim thượng (Dụ Tông) còn nhỏ mà đã nhiều oan nghiệt. Đức vua là học

trò ông, mà ông lại là phận bề tôi. Trong *Thất trảm sớ*, người đầu tiên có tên là viên thái y Trâu Canh. Chính Thượng hoàng cũng khinh ghét y. Khi sắp mất, bọn thầy thuốc Trâu Canh, Vương Định, Phạm Thế Thường vào xem mạch ngài. Trâu Canh nói: "Mạch phiền muộn". Thượng hoàng bực bội ứng khẩu nói bài thơ:

"Chẩn mạch hưu ngôn phiền muộn đa
Trâu công lương tễ yếu điều hòa
Nhược ngôn phiền muộn vô hưu yết
Chỉ khủng trùng chiêu phiền muộn đa."

Dại ý: Bắt mạch thì đừng có nói phiền muộn. Ông Trâu Canh chỉ có phận sự cắt thuốc thôi. Nếu cứ nói mãi phiền với muộn, thì ta e rằng càng sinh muộn phiền mãi mất thôi.

Ấy bởi Trâu Canh ra vào cung cấm, hay dùng những câu kỳ lạ, những kế quỉ quyệt để huyễn hoặc vua Dụ Tông. Thượng hoàng ghét hắn, mượn bài thơ để châm biếm. Đến khi dâng thuốc lên thì ngài bảo: "Người ta ở đời, bao nhiêu khổ não. Ngày nay thoát được khổ não này, thì ngày khác lại chịu khổ não khác." Rồi không chịu uống thuốc ấy. Ngài sai thị thần đem bản thảo tập thơ ngự chế đốt đi. Thị thần do dự. Ngài bảo: "Vật đáng tiếc còn không thể tiếc được, tiếc làm gì thứ ấy." Ngài lại quay bảo các con: "Người làm vua dùng người, không phải vì tình riêng với người ấy, mà chỉ nghĩ đó là người hiền thôi."

Cái tội lớn nhất của Trâu Canh là xúi vua vào đường loạn luân, dâm dục. Ông can ngăn vua không được đành phải ra đi. Ôi, đạo làm người chưa trọn, lại làm loạn lẽ âm dương.

– Bẩm, thưa thầy.

Ông giật mình nhìn thấy anh. Vẫn đôi mắt nhỏ tinh anh, miệng ửng tím màu hoa ấu, mái tóc hung hung. Anh đứng đó, ngay trước mặt ông. Bây giờ không phải là anh, mà chính ông bối rối. Ông nhận ra mình vừa khóc. Có lẽ nước mắt ông đã kéo anh ra khỏi vũng đầm?

– Thưa thầy, con biết lâu nay thầy có nhiều tâm sự lo buồn. Con cũng biết thầy đã biết con không phải là người, mà chỉ là kẻ theo thầy để học làm người. Con xin thưa thật...

Ông khoát tay. Anh im lặng. Trời im lặng. Chỉ có mây bay.

Ông khẽ gật đầu:

– Ngày mai, sau buổi học anh ở lại nhé. Thầy có chuyện muốn nói với anh.

Người học trò lưng dài thẳm thượt cúi đầu:

– Dạ thưa vâng. Con xin kính nghe lời thầy.

Ông giữ chòm râu bạc:

– Ừ thôi. Thầy về.

– Dạ, rước thầy ạ.

*

Ngừng lại một lúc, ông khẽ nhấp chút trà. Buổi học đã kéo dài. Nắng đã lên cao. Ông nhìn đám học trò lễ phép và cần mẫn, lòng đầy thương cảm. Thời thế này, rồi đây biết học có giúp được gì cho đời. Biết đời có dung dưỡng họ chăng? Ông đã từng giảng lời Khổng Tử: "*Hậu sinh khả úy, yên tri lai giả chi bất như kim giả. Tứ thập, ngũ thập nhi vô văn yên, tư diệc bất túc úy giả chi.*" Phải rồi, họ có một tương lai dài để thử thách, để thi thố tài năng. Mong rằng biết đâu họ có cơ hội lớn để trổ tài lớn. Nếu qua bốn năm mươi tuổi mà thời cơ chưa tới, vận hội chưa xoay thì thật đáng buồn sợ biết bao! Cả một thế hệ sau tuột dốc đi lui hơn thế hệ trước. Đó là một đại bất hạnh cho quốc gia, chứ chẳng phải riêng cho họ. Hỡi ơi, đấng Kim thượng đã bị bao vây bởi một lũ tiểu nhân, đang trên đà lao xuống vực thẳm. Trên bất chính, dưới tất loạn. Đã lâu, cả nước lâm tình trạng đói kém. Trộm cướp, giặc giã đã dành, lại thêm biên cương bị xâm phạm. Cung đình biến thành sòng bạc, chợ búa. Trời làm khi bão lụt, lúc hạn hán. Ấy là cái loạn âm dương gây ra bởi người.

Ông khẽ thở dài, ngồi ngay lại. Ông đang giảng về chữ Nhân để học trò ông biết thế nào là đạo làm người. Ông nhìn thấy anh tỏ vẻ sốt ruột ở cuối lớp. Ông biết hôm nay có hẹn với anh. Cuộc hẹn định mạng. Ông hắng giọng:

– Hễ đã là người tất cần sinh hoạt nhờ bằng đức nhân. Xa rời đức

nhân ra một giây, một khắc tức là sinh mệnh người ấy chết ngay. Nên Đức Phu Tử nói: Loài người với đức nhân quan hệ mật thiết như nước với lửa. Loài người không có lửa với nước không thể sống được. Nước với lửa vẫn quan hệ mật thiết với sự sống là thế, mà sự sống lại quan hệ với đức nhân còn mật thiết hơn. (Nhân chi ư nhân giả, thậm ư thủy hỏa).

Đau đớn thay, người đời bây giờ chỉ biết thủy hỏa là quan hệ với sự sống của ta, mà không biết đức nhân chính là sinh mệnh của ta. Ta thường thấy những người đẩy mình vào thủy hỏa mà chết, chưa thấy người nào đẩy mình vào đức nhân mà chết.

Than ôi! Nhân là sinh mệnh của mình mà không ai vì việc nhân mà liều mình, chẳng là rẻ rúng sinh mệnh mình lắm hay sao? (Thủy hỏa ngô kiến đạo nhi tử giả hỷ, vị kiến đạo nhân nhi tử giả giả) (Theo *Khổng Học Đăng* của Phan Bội Châu).

Ông giật mình, trong lời giảng ông nhận ra muốn nói với anh. Điều này làm ông đau đớn. Vẫn biết vì dân vì nước mà ông nói. Nhưng mà anh, anh không nhất thiết phải như thế. Ông ngồi lặng yên. Ngậm ngùi.

★

Cái miệng anh vẫn ửng màu hoa ấu. Buổi chiều, trên đỉnh gò, chỉ có ông với anh. Hai người im lặng đã lâu lắm. Anh đánh bạo thưa:

– Thưa thầy, điều gì làm thầy lo buồn nhất hiện nay?

Ông quay nhìn anh, rồi lại ngẩng nhìn trời. Gió rất ít. Trời cũng ít mây. Cây cỏ không còn xanh nữa. Mãi sau ông chậm chãi nói:

– Anh biết đấy. Lâu nay trời sinh đại hạn. Dân tình đói khổ lầm than. Tất cả có phải tại trời đâu. Mà chính tại người. Gian thần tiểu nhân cầm quyền không biết việc điều hòa âm dương. Ai có lòng nhân cũng phải lo buồn thương xót. Thầy cũng làm sao mà quên được.

Anh nghĩ ngợi giây lâu rồi hỏi:

– Thưa thầy, tại người mà cũng bởi trời. Trời không tựa nhà Trần nữa chăng?

Ông nhìn thẳng vào mắt anh:

– Lâu nay thầy không tin vào vận trời mà chỉ tin vào lòng người. Loạn hay trị cũng chỉ do lòng người nghịch hay thuận. Nên hay không, chỉ một chữ Nhân. Anh có lòng cầu học, có lòng thành với cổ nhân, biết lẽ thuận nghịch, hẳn anh hiểu được ý này.

Anh đáp ngập ngừng:

– Dạ con đâu dám thế. Thưa thầy máy âm dương...

Ông hắng giọng, lấy gậy trúc vẽ xuống đất một vòng tròn, bên trong là hình vuông. Ông phân ra năm hướng Đông Tây Nam Bắc và Trung cung. Ông nói:

– Anh biết máy âm dương này rồi. Có sinh có khắc. Nhưng cũng có luật tương thừa, tương vũ. Thầy đối chiếu với thuyết ngũ hành của phương Nam, lấy hành thủy làm căn bản. Thì thấy sinh cũng từ thủy mà khắc cũng từ thủy. Cho nên sinh, khắc cùng một thể tính. Tính ấy là tự nhiên. Bản chất của trời cũng là bản chất của người. Trời là muôn loài, mà rút lại người là một loài. Muôn loài đều có tính người. Đều cũng cần một chữ Nhân ấy.

Ông ngừng nói nhìn anh. Anh đáp:

– Dạ con hiểu được rồi. Nhưng thưa thầy, có sinh vẫn phải có khắc. Con có thể cố làm hết sức mình vì con là loài ở nước, nhưng làm xong việc này, có lẽ...

Anh ngập ngừng. Ông bảo:

– Anh cứ nói.

– Thưa thầy, xin cho con vái thầy. Ông giật mình:

– Thầy phải cám ơn anh. Anh không cần giữ lễ quá.

Anh nghiêm chỉnh thưa:

– Thưa thầy, kiếp nghiệp của con đã rõ. Dụng thủy là tự hủy thân mình, con sẽ đầu thai vào nhà họ Chu của thầy. Có điều, mãi mãi, chúng con không còn được học thầy nữa.

Ông thấy anh dàn dụa nước mắt. Ông hiểu lời anh nói. Sau việc này, con cháu ông sẽ chịu kiếp nạn mù chữ.

*

Người học trò ấy mài mực giữa trưa. Anh cầm bút lông vẩy mực ra bốn hướng. Rồi anh tung cả nghiên lẫn bút lên trời. Dông gió mưa xuống tràn ngập.

Hôm sau, mặt đầm nước cao, hoa ấu nở đầy.

Người ta thấy xác con thuồng luồng nằm chết rất thảnh thơi. Dân làng biết chuyện, đem chôn gần bờ sông Tô-lịch. Nay vẫn còn, gọi là mả thuồng luồng.

Có tục truyền rằng nghiên mực anh tung lên rơi xuống làng Bằng-liệt, hoá thành Đầm Mực. Nước quanh năm màu đen. Ngọn bút lông thì rơi vào làng Tả Thanh-oai. Cả làng đậu đạt, văn chương rực phát.

Riêng ông Chu Văn An bỏ về Chí-linh ở ẩn. Ông mất ở Chí-linh. Dân làng Cung-hoàng nhớ ơn ông lập đền thờ ngay trên nền nhà học cũ. Còn làng ông, Thanh-liệt, không có đền thờ ông. Trong bài *Xuân nhật*, có hai câu:

Thân dữ cô vân trường luyến tụ
Tâm đồng cổ tỉnh bất sinh lan.

Ông tự ví thân đã cùng cụm mây cô độc bay về núi. Còn tấm lòng ông chôn dưới lòng giếng cổ lặng lờ không dậy sóng nữa. Hoặc chữ "*bất sinh lan*" còn ngụ ý câu chuyện riêng về con cháu ông sau này không dùng chữ, bất dụng thủy.

Theo Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án (thế kỷ 19) viết trong cuốn *Tang Thương Ngẫu Lục* thì đến năm Cảnh Hưng, ông Bùi Huy Bích cầm quyền, dò hỏi dòng họ ông còn được mười sáu người, thấy đã đổi sang họ Nguyễn, và đều ngu độn không biết gì, ở vào hạng cùng dân cả. Ông Bùi truyền cho lấy lại họ cũ, và chọn một trẻ em dạy cho học, để sẽ tiến dẫn lên triều đình, xin phong ấm cho. Như việc xưa bên Trung-hoa đối với nhà Nho đời Tống là ông Trình, ông Chu. Nhưng chợt có biến, nên việc ấy chưa làm được.

Tôi viết truyện này lòng dâng nỗi cảm hoài. Người xưa xử việc vì nước, không vì nhà. □

MAI KIM NGỌC

bờ giếng trong mơ

*

Mỗi khi lật gối
Nằm chận lên tim
Trong mơ tôi lặng lẽ đi tìm
Nơi xa lắm, một góc vườn quê cũ
Có giếng trong, bờ đá phủ rêu
Mát như cả mùa hè đọng lại

Mặt nước phẳng gương muôn đời giữ mãi
Tầng tầng lớp lớp chất chồng
Muôn vạn tươi hồng
Của niềm vui buổi đầu đời đằm thắm

tôi thường thấy một đêm rằm đẹp lắm
Vàng vụn của trăng
Sóng sánh theo gầu tre ngấn nước
Đẫm ướt đôi tay ngà tha thướt
Mát rượi hàm răng con gái đang cười

Những đêm nay
Lối cũ lạc rồi
Giấc mơ của tuổi đôi mươi
Tan biến đi đâu

Thẳng thốt lo âu
Tôi nhìn đáy giếng sâu thăm thẳm
Ảo hình ảo ảnh
Chút vốn êm đềm một kiếp lao đao
Tự bao giờ đã trôi giạt nơi nào

Lớ làng len lén đi vào
Tận cõi chiêm bao
Từ giấc mơ nào xưa cũ
Cây lãng quên đã đâm rễ nẩy cành

Tôi hốt hoảng tìm quanh
Chỉ thấy mong manh
Một dây bìm mảnh dẻ
Đong đưa hoa lá xanh xanh
Lơi lả quấn quanh
Sợi dây gầu hãy còn ẩm nước

TÔN THẤT NGỰ

anh đào vỡ

*

Tôi sẽ đi, thôi Đà-lạt nhé!
Dấu chân son, mắt biếc, nhớ thương
Môi hồng héo nụ em hờn dỗi
Tà áo tìm tôi trong gió ngoan.

Tôi nghe xôn xao trời mênh mông
Trưa cao nguyên vẫn lạnh như đồng
Lũng xa mây tím sầu thăm thẳm
Cùng gió qua đèo, tôi ruổi rong.

Tôi rời Đà-lạt anh-đào vỡ
Quay quắt hồ xưa khua sóng trôi
Ngàn thông ngơ ngác rừng nghiêng ngả
Ghềnh thác đồi non chôn tuổi tôi.

TRẦN SA

câu chuyện hạnh phúc

*

Vâng, bạn của tôi ơi, tôi đang hồi phục sau nhiều ngày đau yếu. Và vì đang hồi phục, tôi sẽ bắt đầu kể về Hạnh Phúc. Hãy nhắc, tiếp lời, nếu tôi có bỏ sót điều gì, bạn nhé. Bởi vì bất cứ câu chuyện nào về Hạnh Phúc tôi sẽ kể trong khoảng đời còn lại của tôi đều có bạn dự phần. Bạn là cây xanh, là cỏ dại, là gió bay qua, là con sóc hoa đang lấp ló sau một cành cây, là nụ cười trên môi đứa trẻ, là...

Thôi chúng ta bắt đầu bằng nụ cười trên môi một đứa trẻ nhé, bạn-của-tôi! Có sẵn sàng chưa? OK, tôi đang thấy bạn cười.

*

Tôi ở trọ trong một căn nhà gạch cũ. Đường đến nhà tôi có hai hàng cây xanh. Xanh mãi từ mùa xuân cho đến cuối mùa thu. Hai hàng cây cúi lại với nhau thành vòm che nắng. Bóng mát thì dịu dàng. Dịu dàng như...

Con đường, tôi phiên dịch thành tiếng Việt là Phố Khách. Tôi đang cười khúc khích đây, Phố Khách vắng người qua lại, vì cuối đường có một rào cản dẫn xuống bãi cỏ công viên, xe cộ không đi qua được. Người ta gọi là con đường chết. Nghe ghê quá hả? Thật sự chẳng có gì là ghê. Chỉ là con đường cụt không dẫn về con đường nào khác. Bạn nhắc hỏi ban nãy tại sao tôi lại cười. Cám ơn nghe. Tôi cười, bởi vì tôi ở trên một con đường tên Phố Khách, nhưng có khi suốt cả năm trời, tôi chẳng có một người khách nào đến viếng. Lỗi tại tôi, không lỗi từ khách. Tôi ẩn mình trong một căn phòng của căn nhà gạch cũ ấy, như một con chim sẻ trốn trong tàng cây. Tôi chỉ thò đầu ra để hót một vài câu với lá, hoặc miễn cưỡng bay đi một khoảng ngắn để kiếm đủ đậu hoặc hạt. Rồi lại bay về chốn ẩn. Tôi sống lặng lẽ, buồn buồn như thế. Đã có một thời gian tôi thường lang thang chỗ này chỗ nọ, nhưng mà nhìn thấy những loài chim khác giành ăn, giành chỗ đậu, giành hót, giành đủ thứ trên đời, tôi chán. Có khi chúng cắn mổ cả nhau nữa kìa, chúng bị thương, chúng chết, chúng đau đớn thật

không giải thích được. Một đàn chim tấn công một vài con chim lạ. Một con chim lớn bay đuổi một con chim bé. Ừ, làm sao giải thích! Trong khi trời thì bao la thế kia, biết bao nhiêu là cây lá, biết bao nhiêu là đậu hạt, biết bao nhiêu là chim muông, biết bao nhiêu là... Tại sao chúng phải giành giựt? Làm sao chúng có thể tranh hơn? Làm sao tiếng hót của loài chim sẽ vượt lên tất cả những âm thanh đã được nghe hoặc chưa từng được nghe của vũ trụ? Vì thế tôi bảo *thôi mà, thôi mà*... Và tôi sống một mình, tập yêu niềm cô đơn.

Tôi chỉ ví von thế thôi. Tôi không phải là một con chim sẻ. Căn nhà không phải là tàng cây. Căn phòng không phải là một chiếc ổ rơm nhỏ. Phòng tôi cũng rộng vài thước vuông. Trên tường có treo tranh. Tranh hai người đang ôm nhau, một người chỉ ôm bằng một cánh tay, tay kia duỗi dài trong không gian như trong một điệu múa, một người nép đầu vào cổ bạn, mắt khép lại như đang ngủ mơ. Một bức tranh nữa tôi mới vẽ xong bằng trái tim trẻ con, hình ảnh một người đang đẩy cửa sổ nhìn ra bầu trời đầy sương mù màu tím.

Cửa sổ ở phòng tôi thì nhìn ra bãi sau của công viên lúc nào cũng vắng vẻ. Hầu như chỉ có trẻ nhỏ lai vãng chơi đùa trên xích đu, leo trèo lên những thành gỗ dành cho chúng. Đôi khi tiếng cười của chúng bay qua cửa sổ và vọng vào tai tôi mát rượi như gió xuân. Ban đêm, chúng biến mất cả. Cả đêm tôi chợt nhớ nhung những tiếng cười ấy như nhớ nhung những câu thơ của bạn viết về trẻ con. Những đứa trẻ chúng ta chỉ âu yếm nhìn qua cửa sổ, hoặc mỉm cười cúi xuống bên chiếc xe đẩy trước khi người mẹ tiếp tục đẩy đi trên đường phố. Những đứa trẻ không hề được ôm trong tay cho đến khi chúng lớn khôn. Không, tôi không quá buồn vì điều ấy. Tôi chỉ là một người nghèo khổ bận bịu nhờ vả người khác sinh sản và nuôi hộ những đứa con của mình. Chúng không hề nhận ra tôi, nhưng tôi biết rằng tôi yêu thương chúng. Yêu hơn yêu loài vật hay thực vật rất nhiều, vì chúng có đôi mắt của tôi, chiếc mũi của tôi, đôi môi của tôi, khối óc của tôi, trái tim của tôi, và máu của tôi, con người.

Bạn của tôi ơi, tôi không hiểu làm thế nào mà có kẻ lại yêu thú vật hơn yêu con cái, anh, chị, em của họ. Họ có thể độc ác tàn nhẫn với

con người nhưng lại thật từ tâm, thương quý những con chó nhỏ họ ôm ấp suốt ngày. Nếu họ yêu thương loài vật ngang hàng với loài người thì tôi sẽ nghiêng đầu cảm phục. Nhưng mà chỉ yêu loài vật, hờ hững với loài người, thì tôi phải lắc đầu chịu không hiểu nổi. Ồ, biết bao nhiêu là điều tôi không hiểu nổi...

*

Có một chú bé tôi không bao giờ thấy xuống rong chơi cùng bạn bè dưới công viên. Chú thường đi một mình trên Phố Khách. Mắt chú ngơ ngác, có khi nhìn mây trên trời, có khi loay hoay đậu trên một cọng cỏ. Có khi chú rượt theo một con sóc hoa với nụ cười thật hiền lành. Tôi nghĩ chú đang biết yêu thương. Đó là những người bạn thân yêu đầu tiên của chú.

Tôi gặp chú lần đầu tiên vào một buổi sáng. Chú đứng ở giữa Phố Khách, nhìn một cái xẻng bằng nhựa màu đỏ có lẽ chú đánh rơi một vài giây trước đó. Chú nhìn nó chăm chăm mà không nhặt lên. Có lẽ chú đang tự hỏi, "Có nên nhặt nó lên không?" hay là, "Không biết nó có còn muốn mình cầm nó lên tay không?" Tôi không rõ lắm. Chú đứng đó, chính giữa đường, không cần để ý chiếc xe của tôi đang trờ tới, dừng lại, bị cản trở vì chú. Tôi bóp còi tin tin từng tiếng ngắn. Chú ngước lên nhìn tôi, mỉm cười ngây ngô, rồi lại nhìn cái xẻng nhựa. Tôi thấy chú ngộ nghĩnh, là lạ. Chú khoảng bốn, năm tuổi, da trắng hồng, tóc nâu dài đến cổ. Mặt chú bầu bĩnh, cặp mắt ngơ ngác và nụ cười ngây ngô hiền lành. Chú không có vẻ tinh nghịch lém lỉnh như những đứa trẻ khác. Tôi gác tay trái lên thành cửa xe, tay phải thỉnh thoảng lại bóp còi tin... tin... Có khi tôi nhìn lên những vòm lá xanh cho khỏi sốt ruột. Chú không di chuyển dù một bước nhỏ. Chú bắt đầu quên cái xẻng nhựa, chú nhìn theo mắt tôi, nhìn quanh quất lên những bãi cỏ xung quanh. Chú nhìn cả tôi, cười. Cười như thể chú quen biết tôi vậy, và chúng tôi đang chơi một trò chơi nhẹ nhàng, chậm chạp, không nhàm chán lắm, không lý thú lắm, nhưng chẳng sao cả. Khi tôi nghĩ, "Chết rồi, tôi sẽ đi làm trễ vì cái chú bé này mất", tôi xuống xe nhặt cái xẻng nhựa lên trao cho chú. Chú cầm lấy, và vẫn nụ cười ấy,

chú cười. Tôi nói, "Sao lại đứng giữa đường vậy, nguy hiểm lắm, phải đi trên lề đường thôi". Chú lắng nghe tôi nói, rồi ngắm nghía cái xẻng nhựa. Không có dấu hiệu gì là chú sẽ bước lên lề và tránh đường cho xe tôi. Tôi ẵm thốc chú lên, đặt chú xuống bãi cỏ trước mặt một ngôi nhà. Chú đứng yên tại vị trí đó, nhìn theo tôi chui vào xe, rồ máy. Tôi lái một quãng ngắn thì thắng xe lại, nhìn lui. Tôi có lo ngại cho chú, thắc mắc về chú. Và tôi yên lòng khi thấy chú đã lúp xúp chạy dọc theo lề đường dành cho bộ hành, mái tóc nâu bay bay trong gió và cái xẻng đỏ đong đưa trên tay. Tôi đến sở làm, ngắm những cây uất kim hương đang ra nụ trên lối vào, chào hỏi bạn đồng nghiệp, loay hoay sổ sách giấy tờ... Tôi quên bẵng chú. Tôi quên bẵng chú đến mấy ngày.

*

Khi tôi gặp lại chú bé vài ngày sau, và nhiều lần sau nữa, tôi biết chú bé có trí óc chậm phát triển. Chú không biết nói. Trình độ thông minh của chú tôi đoán chỉ vào khoảng tuổi lên hai.

Chú không được chăm sóc kỹ lưỡng cho lắm. Khuôn mặt bầu bĩnh của chú thường hơi lấm lem bởi thức ăn hoặc bùn đất. Chú mặc một bộ đồ trong nhiều ngày. Hình như tôi thấy chú được cho mặc đi mặc lại cái áo thung ngắn ngủn màu vàng có in hình *Teddy Bear* màu xanh lá cây, quần soọc xanh da trời có trái tim ở túi quần. Chú thường chân không đi lang thang trên đường. Có lần tôi nói to từ bên này đường cho chú nghe ở bên kia đường, "Đi ra đường phải mang giày dép chứ, nhỡ đạp phải mảnh chai thì sao?" Chú đáp lại bằng cái nhìn ngơ ngác cố hữu của chú.

Bố chú – tôi đoán chắc là bố chú, vì chú giống hệt bố – cũng có cái nhìn ngơ ngác như vậy. Ông thường đi một mình ngang nhà tôi, quần áo xốc xếch, dáng đi thất thểu. Ông thường nhìn lên trời trong khi đi. Ông không cười như chú. Và chỉ có một lần tôi thấy chú đi bên cạnh ông. Ngoài ra, hai bố con, mỗi người cứ lang thang thơ thẩn một mình. Mẹ chú, tôi không biết là ai. Hình như gia đình họ chỉ mới dọn đến Phố Khách lúc gần đây, và mẹ chú hẳn chẳng mấy khi đi ra khỏi nhà.

Bạn của tôi, có lần bạn gắt yêu tôi rằng sao mà tôi cứ hay dông

dài. Có khi tôi dông dài để trêu bạn đấy. Nhưng bây giờ thì tôi không dông dài đâu. Tôi chỉ đang kéo dài Hạnh Phúc của tôi thôi, Hạnh Phúc có được một người bạn là chú bé, Hạnh Phúc cùng kể lể về chú bé với một người bạn như bạn.

Ừ, chúng tôi trở thành bạn thật đấy. Chú bắt đầu nhìn tôi không như nhìn những viên sỏi nằm dọc đường. Chú nhận ra tôi. Chú cười với tôi. Chú băng qua đường đến đứng trước mặt tôi – thường thì cách xa khoảng hai, ba thước – và ngắm nghía tôi từ trên xuống dưới. Tôi nói, chú nghe (không luôn luôn là nghe lời, chỉ *lắng nghe* thôi). Chú chưa bao giờ nói được với tôi lời nào. Tôi cố đọc lời của chú trên mắt môi cử chỉ chú. Tôi thấy tôi và chú, hai con người cô đơn, càng ngày càng đến gần nhau hơn. Và chú là niềm vui của tôi, mỗi khi tôi nghĩ về chú, hoặc nhìn thấy chú.

Có một buổi trưa khi tôi tạt ngang về nhà để lấy vài thứ giấy tờ, tôi bất gặp chú đang đứng ở bãi đậu xe của căn nhà tôi. Thấy tôi, mắt chú sáng lên, vừa vui mừng vừa ngạc nhiên. Có lẽ chú không tưởng tượng được tôi trở về nhà buổi trưa, và chú lại, cùng lúc, đang đến *thăm* bãi đậu xe của tôi. (Chú nhớ tôi chăng?) Chào chú. Chạy vội vào nhà. Chạy vội ra xe. Tôi phải đi gấp. Công việc đang chờ tôi.

Chú bé lững thững đi đến trước mũi xe của tôi, đứng ngay tại đó. Chú cười. Tôi hiểu chú lại đang muốn lập lại cái trò chơi hôm nào. Tôi cũng cười, nhưng lắc đầu, "Không được. Bữa khác. Bây giờ tôi phải đi mà". Chú vẫn cười. Trưa hôm ấy ánh mắt nụ cười chú linh động vui vẻ hơn hẳn mọi ngày trước. Tôi thấy xúc động vì sự linh động ấy. Vì thương tôi đó, phải không, chú bé? Tôi nói, "Tôi cũng thích đùa với chú lắm lắm. Nhưng mà làm ơn đang ra nghe, tôi phải đi thật mà". Tôi vẫy xua cả tay cho chú biết là tôi dứt khoát như vậy. Nhưng chú bé vẫn tỉnh khô, lại tỏ vẻ đang thấy rất thú vị được năn nỉ nữa kìa.

Tôi đã định nhào xuống xe và ẵm thốc chú lên như buổi sáng hôm nào, nhưng lần này tôi không đành. Chú đang thương tôi thế kia, và chú đang vui thế đó. Tôi phải dỗ chú bằng cách nào khác, chứ không còn kiểu ẵm chú lên đặt xuống bãi cỏ được nữa. Khi nghĩ như vậy, lòng

tôi rưng rưng. Ồ, tôi thương chú đến thế sao? Tôi có thứ tình cảm này sao? Tôi thường rất lạnh lùng kia mà...

Tôi xé một tờ giấy từ tập lịch hằng ngày của tôi, bắt đầu cuộn thành một cái kèn. Tôi để lên môi thổi te te. Tôi nháy mắt và cười với chú. Chú ngẩn người nhìn tôi, kiểu không tin nổi từ một tờ giấy mà tôi có thể làm ra tiếng kêu kỳ cục như vậy.

Tôi cuộn một cái kèn giấy khác và vẫy gọi chú đến gần, "Lại đây, thổi thử đi". Chú cười cười đi đến cạnh cửa xe và cầm lấy. Chú đưa cái kèn giấy lên thổi. Tiếng "te" hình như quá lớn làm chú giật mình. Nhưng rồi chú lại toét miệng cười và tiếp tục thổi, cho đến khi cái kèn giấy bị ướt nhẹp và không phát thành tiếng nữa. Tôi làm thêm một cái kèn đưa cho chú, và nổ máy xe. "Mai mốt gặp lại nghen. Rồi mình lại thổi kèn với nhau. OK?" Chú bước lùi vài bước, rồi lại bước đến bên cạnh xe. Bàn tay nhỏ bé của chú níu lên cửa kính xe, quyến luyến, không muốn cho rời.

Tôi muốn hôn cái bàn tay nhỏ bé ấy. Nhưng tôi không muốn kéo dài cái sự chia ly tạm thời của hai chúng tôi. Tôi sẽ gặp lại chú ngay kia mà!

Tôi cho xe chạy chầm chậm. Chú bước lùi, bước lùi, cái kèn giấy trên tay nhưng mắt cứ đăm đăm nhìn theo tôi. Ôi chú bé! Trên môi chú vẫn còn nụ cười. Ước gì nó sẽ không bao giờ tắt.

★

Vậy đó. Câu chuyện Hạnh Phúc tôi kể cho bạn nghe. Ừ, tôi hạnh phúc. Trên đường đi tôi mỉm cười, nghe nhạc, nghĩ đến chú bé và thấy hạnh phúc. Tôi biết chú bé cũng đang hạnh phúc với cái kèn giấy. Tôi sẽ cuộn cho chú thật nhiều kèn giấy. Hoặc là sẽ tặng chú những thứ khác mà chú yêu thích, chẳng hạn như là một cái vỏ sò, hai cái vỏ sò, một trái banh nhựa, hai trái banh nhựa... Tôi sẽ không bao giờ tặng cho chú những khẩu súng đâu, vì chúng là một trong những cái tôi ghét nhất trên đời. Mà tôi cũng sẽ không tặng chú tiền bạc, vì tôi biết chắc chú chẳng thích tiền bạc tí nào, chú không thèm có một khái niệm nào về chúng thì đúng hơn, bạn của tôi à. □

NGỮ AN

màu xám

*

Phố sá bây giờ cúp điện thường xuyên
Ai cũng sợ ngồi nhìn bóng tối
Chưa tới tám giờ người già đi ngủ sớm
Tuổi trẻ lang thang dưới ánh đèn mù
Thành phố giống như bức tranh tĩnh vật
Tên họa sĩ nghèo chỉ có một màu xám xịt
Những người tuổi trẻ khóc tương lai.

Tuổi trẻ bây giờ ốm đói xanh xao
Nên tình yêu cũng thiếu điều chết yểu
Cơn áo mộng đời nhiều khi bức tử
Hai đứa âm thầm định chút khăn sô
Ôi tình yêu chỉ đếm được từng giờ
Qua một ngày đời dài thêm một tuổi
Qua một năm là truyện kể truyền kỳ
Thời đại bây giờ ám chướng u mê
Nên chúng ta hóa ra người vô vọng
Đêm chờ trăng lên ngồi nhìn lại bóng
Đêm chờ sao lên đếm mông trên trời
Trăng sao quá xa vời
Mộng đã mỏi dường bay rã cánh

Nếu cuộc sống không còn niềm hy vọng
Thì lấy gì để thoi thóp ngày mai?

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

xin đón xem hồi sau sẽ rõ

Phần một

Lần đầu mới bước chân vào nhà bác Lâm, Hiển đã có cảm giác bác là một người đàn ông xuất sắc. Cảm giác đó càng ngày càng tăng thêm sự vững chắc và từ tình cảm kính phục, tin cậy, thân thiện, Hiển bỗng thấy gờm gờm bác ta thế nào.

Lan thì nói về bố mình bằng cái giọng thán phục không cần giấu giếm:

– Anh biết hôm nay bố mê gì không?

Hiển hờ hững nghe và chờ đợi Lan nói ra một điều gì "trật đường rầy" chẳng hạn như: Bố em hôm nay không mê mẹ em nữa mà lại đâm mê... một bà già khác. Nghĩ ngợi vớ vẩn và "ác đức" như thế nhưng trong thâm tâm thì Hiển tin chắc là chuyện ấy không đời nào xảy ra nơi ông bố vợ tương lai của mình. Quả nhiên Lan ríu rít khoe:

– Dạo này bố lại mê đàn. Bố là một cây *guitarist* đó nhé, bố bỏ đã lâu rồi nay trở lại đàn thế mà tiếng đàn lại ngọt lịm!

Hiển cũng mê đàn, thèm biết đánh đàn muốn chết nhưng không hiểu sao chỉ thèm khơi khơi vậy thôi mà chưa bao giờ có ý định đi học đàn. Nghề nghiệp, học hành khô khan của mình nếu rảnh rang có cái đàn gảy tính tình tang thì trông cũng điệu nghệ và say mê lắm chớ! Nhưng mãi rồi Hiển cũng chỉ mê... nghe đánh đàn và chẳng bao giờ biết đàn. Hiển mê Lan một phần cũng vì tiếng đàn và giọng hát trong trẻo ngọt ngào của Lan!

Nhưng ông Lâm bỏ đàn rồi tập đánh đàn lại và tiếng đàn của ông ngọt lịm thì có mắc mớ gì tới Hiển đâu chớ mà Lan cứ cuống quít.

Lan kể những mẩu chuyện vui buồn về bố mình đại loại:

– Hồi em mới lên *college*, học không nổi, mỗi bữa bố đi làm về là

cứ để nguyên quần áo sở ngồi xuống ghế giảng bài, làm bài giúp em một hơi cho đến tối, nhiều lúc hai cha con phải bắt mẹ ăn cơm trước vì sợ mẹ đói bụng không sao chờ đợi được...

Hiển nói cho qua chuyện khác:

– Một, hai năm đầu thì em học *solo* một mình có hơi vất vả, mấy năm sau khó hơn, Lan nên học *group*... giống như anh hồi đó, anh cũng học *group* với hai thằng nữa, có gì chỉ qua chỉ lại cũng đỡ khổ lắm.

Ngày hăm mốt tháng mười hai là ngày sinh nhật của Hiển. Đi làm về Hiển gọi *phone* cho Lan để đưa Lan đi ăn tối với mình dù hôm đó không phải là một ngày cuối tuần. Hiển gọi đến bà mẹ cho biết Lan đi học chưa về. Nhìn đồng hồ tay thấy đã hơn bảy giờ, Hiển muốn làm một cái *surprise* cho Lan nhân dịp ngày sinh của mình, Hiển phóng xe lên trường Lan vào *Computer Lab* kiếm Lan. Ông Lâm có mặt đấy. Hai cha con đang chăm chú tính toán viết một cái *program*, Lan chỉ ngẩng đầu lên cười với Hiển một cái, ông Lâm thì thân mật vỗ vai chàng, rồi cả hai cắm cúi hết ghi ghi chép chép lại ngước mắt chăm chú nhìn vào cái màn ảnh *computer*. Hiển vừa bẽ bàng vừa giận dỗi nhưng nghĩ lại thấy mình vô lý: Lan ham học, chăm học là điều quý, chả lẽ Hiển mong cho người bạn gái mình ham nhảy đầm, ham bát phố *shopping* và ăn diện hay sao? Nghĩ vậy mà Hiển vẫn không khỏi thấy nghẹn ngào. Dẫu sao thì nếu Lan cần, nói một tiếng, Hiển đâu có tiếc công gì mà không bỏ một buổi làm để làm bài giúp Lan. Nhưng mà... chả bao giờ thấy Lan hỏi.

Nhưng Hiển vẫn mê Lan vì Lan là một cô bé thông minh quá trời.

Có hôm ngồi trong sa lông nói chuyện, Lan ngắm nghía hồ cá của Hiển rồi hỏi:

– Anh Hiển này, rong trong hồ là rong giả hay rong thật thế?

– À, rong giả.

– Thế còn đá cuội?

– Dá bằng ni lông đó mà! Mà em hỏi để làm gì vậy?

Lan xịu mặt và nhăn mũi:

– Giống như mấy người đàn bà sửa sắc đẹp phải sống với cái mũi

plastic, với cái ngực *silicon*, cái mông, cái đùi... Ô là là... mấy con cá này tội nghiệp ghê, suốt ngày rong chơi với đồ giả!

Lan còn *để* thêm mấy câu nữa làm Hiển tuyệt vọng, định... đổ luôn hồ cá xuống biển:

– Lại còn cái tấm gương phản chiếu này nữa mới ác chớ! Con cá của anh lội qua lội lại, anh lại gần đây coi nè, nó cứ đập đầu bum bum vào cái kính vì tưởng cái bóng nó là một *đứa* cá nào khác. Cứ cái kiểu đập đầu này có ngày mấy con cá này... khùng hết đó!

Lan chỉ nói mấy câu mà về sau cứ mỗi lần nhìn hồ cá, Hiển lại thấy buồn tênh chẳng còn hứng thú thay nước, rửa hồ, đo nhiệt độ, khử acit, rắc thức ăn để nhìn bầy cá tung tăng bơi qua lội lại. Hiển thấy Lan sao mà "ác khẩu", Lan không biết là nếu muốn nuôi cá bằng rong tươi, rong thật thì phải mất công mất lênh nhiều hơn lắm mà Hiển tuy sống độc thân chớ thật ra thì giờ hạn hẹp vô cùng. Còn cái kính phản chiếu, trời ơi, Hiển thật là vô tội vạ, hồ cá nó bán thế nào Hiển mua thế ấy chớ có *design* kiểu được đâu mà Lan cũng kiếm được chuyện để chê!

Càng nghĩ càng giận và Hiển thấy về mặt thông minh và ác khẩu thì Lan giống hệt bố. Hiển đã từng ngồi im nghe ông Lâm luận về "sự nuôi chó" như sau:

– Người ta cứ thắc mắc về việc tại sao người Mỹ cưng chó chìu chó hơn cha mẹ nữa. Cha mẹ già thì đem bỏ vào *nursing home* trong khi chó thì rước vào xe hơi láng coóng chiều chiều chở đi dạo mát. Lại có đứa còn sắm nhà cho chó có cầu tiêu, buồng tắm đàng hoàng. Sáng sớm, ông chủ ra mở cửa đổ bô cho chó, cúc cung tận tụy... Đã đành mấy thằng Mỹ đó... điên, nhưng có ai nghĩ giùm coi mấy con chó được nuôi êm ấm trong nhà với chó hoang đi từng bầy như ở Việt nam, loại chó nào cảm thấy hạnh phúc hơn?

... Tôi đã từng thấy một con chó chắp tay đi lạy từng người một trong nhà để mở cửa cho nó đi theo một con chó cái nhà bên cạnh. Chó mà bắt sống với người, cho dù người có chìu nó, hầu hạ nó hơn bố mẹ mình cũng là đang làm một điều cực kỳ ác đức đó. Chó phải ở với

chó và theo kiểu chó, cũng như người phải ở với người và theo kiểu người!

Hiển sang Mỹ đã lâu nên hầu như quên nhiều tiếng Việt, nhưng từ ngày quen với Lan thấy Lan... giỏi tiếng Việt quá nên Hiển cũng thấy lo lo, thường giấu Lan mua truyện Việt nam về để... ôn tập lại tiếng Việt.

Ông Lâm người Bắc, bà Lâm lại là người Huế nên Lan nói tiếng Việt... lung tung theo kiểu nửa Bắc nửa Trung. Hiển lại là Nam kỳ quốc nên nhiều khi Lan nói tiếng Anh với mình Hiển còn mừng hơn khi Lan nói tiếng Việt mà Hiển tưởng Lan đang nói tiếng Cam–pu–chia:

– Hai tay cầm bốn tao nôi
Tao thẳng, tao dùi, tao nhớ, tao thương

Câu này là câu hát ru em kiểu Huế. *Tao* không phải là *tao mày* đâu đấy nhé, *tao* là cái *dây nôi* đó! Còn:

Lấy chồng cho đáng tấm chồng
Bõ công trang điểm má hồng răng đen
Bõ công là cho bù lại cái công của mình.

Lan còn nhảy sang lãnh vực lịch sử nữa mới chán!

– Nam kỳ các anh hát:

Giặc Tây đánh tới Cần giờ
Bậu đừng thương nhớ đợi chờ uổng công

Giặc Tây đây là Tây Sơn ở Qui nhơn đánh vô chớ không phải là bọn Pháp Phú lang sa đâu, *bậu* chớ có lầm!

Lần này thì Hiển giận thiệt. Nhưng không giận Lan mà giận cái ông già Lâm kia cành hông. Con gái ông, mắc mớ gì mà ông dạy cho nó đủ thứ, cô ta còn thấy thiếu thốn điều gì để mà nhờ Hiển bổ khuyết đâu!

Vậy mà Hiển vẫn theo Lan, chiều thứ bảy, sáng chủ nhật Hiển vẫn rủ Lan đi ăn, đi xem xi nê hay đi vãn cảnh chụp hình vì... Hiển vẫn chưa thấy được ai xinh hơn Lan.

Ái tình phải chăng là một sự bổ khuyết đầy tuyệt vọng lẫn nhau và

có thể mới có sự ràng buộc khắng khít? Cũng như cử chỉ ân ái mặn nồng yêu đương giữa một người nam và một người nữ như một biểu tượng hàn gắn khắng khít giữa một điều thừa và một điều thiếu? Thôi, thì cứ xem như Lan có thừa và Hiển thì thiếu, chúng ta hàn gắn vậy.

Nhưng Hiển bỗng rợn người lên khi thấy: Có, Lan cũng có thiếu và đang thiếu nhiều: nàng thiếu sự suy nghĩ sâu sắc chín chắn của một người đứng tuổi, thiếu sự tự tin vững vàng trong lý luận thuyết phục người khác và nhất là cũng như Hiển, những người trẻ tuổi đều cảm thấy thiếu một chỗ dựa của một tâm hồn đồng điệu, thiếu một người để mình tự hào, để mình cảm phục và yêu thương. Nhưng hỡi ơi, những điều Lan thiếu ấy, đều đã được ông bố xuất sắc kia đáp ứng bù đắp mất rồi!

Hiển bỗng thấy mình muốn ngã vật ra vì mệt, mệt nhoài như bao nhiêu sức lực ý chí trong người bỗng chốc lát tiêu tan.

Có thể nào mình ghen tuông với ông Lâm, bố của Lan? Có chút ý nghĩ nào vẩn đục và vô luân trong cái cảm giác mệt nhoài giận dữ và ghen tức này? Rõ ràng không thể phỉ báng Lan và ông Lâm bằng cách nghĩ rằng cách yêu bố của Lan có chút gì bịnh hoạn... Hiển vò đầu, đầu óc rối như tơ... Mình không thể nào xuyên tạc, gán ghép hay nghĩ xấu bất cứ chuyện gì cho họ được. Nhưng đồng thời bỗng dưng Hiển ngạc nhiên ngỡ ngàng thấy mình đang cô đơn đứng về một phía để đối đầu lại với một cặp trước mắt mình: Lan và bố của Lan!

Nỗi đau khổ bứt rứt như mỗi ngày một lớn, đến nỗi có một hôm Hiển tưởng tượng đến một cảnh điên rồ, chàng sẽ dùng dùng lái xe đến nhà Lan, đến thẳng gặp người bố và sẽ bảo ông:

– Thưa bác, cháu biết cháu chẳng phải là một người đàn ông xuất sắc gì cả nhưng... cháu yêu Lan và cháu đến xin cưới Lan làm vợ.

Ông Lâm sẽ trả lời ra sao? Đối với một ông già độc đáo như thế chắc chắn sẽ phải có một câu trả lời hết sức độc đáo. Chẳng hạn:

– Cậu bảo không phải là một người đàn ông xuất sắc nhưng nội cái

chuyện không kèn không trống đến hỏi con Lan thì cậu cũng đã chứng tỏ mình là người xuất sắc rồi đó!

Ý ông già muốn thách đố gì mình đây? Thật chết người, Hiển chỉ có nước ngồi chờ chết nếu không lo chuồn sớm thì chỉ có nước ngồi đó nghe ông già "pháo kích" tiếp:

– Hiển có hỏi Lan là nó đã nhất định yêu Hiển chưa?

Những khi thân mật ông Lâm vẫn thường gọi Hiển bằng tên như vậy.

Mẩu đối thoại hoàn toàn do tưởng tượng của Hiển dựng lên mà sao Hiển thấy nó hoàn toàn đúng với sự thật, làm như Hiển đã nhập làm một với ông Lâm hồi nào mà không biết.

Chiều hôm đó, Hiển quyết định nói dứt khoát với Lan, ngập ngừng ấp úng, nhưng thà thế còn hơn cứ ấm ức ấp ủ dày vò mãi trong lòng.

Câu hỏi đến thình lình bất ngờ khiến Lan cứ trơ mặt, trố mắt ra nhìn Hiển mà Hiển thì hồi hộp ngất ngư gần như hết thở:

– Lan này... à... Nếu như mà anh đến xin cưới em làm vợ... ừ... à... thì em nghĩ sao?

Im lặng có đến cả giây đồng hồ rồi Lan có vẻ ngạc nhiên hỏi lại:

– Làm vợ? Hỏi Lan làm vợ?

Cả hai lắng nghe âm thanh của tiếng "làm vợ" vang lên qua cái giọng nhạt nhẽo, vô hồn và bỗng thấy tất cả cái vô nghĩa của nó. Giọng của Lan là giọng danh ca, nàng xướng âm giọng nào là tuyệt vời giọng đó... vậy mà... hai tiếng "làm vợ" nói qua miệng Lan nghe nó hờ hững, lững lờ khiến Hiển cảm thấy mình bẽ bàng quá. Rất nhanh, Hiển xoay chuyển tình thế:

– Anh hỏi đùa, Lan đừng để ý, chúng ta nói sang chuyện khác vui hơn.

Nhưng từ đó, hai người có vẻ mất tự nhiên, Lan im lặng ngồi ăn và Hiển thì tránh không dám đường hoàng say đắm ngắm Lan như những lần trước nữa. Có lẽ nào bấy lâu nay giữa Hiển với Lan chỉ có một thứ tình tuy thắm thiết mà nhạt phèo như canh thiếu muối là cái

tình bạn? Không, Hiển đâu định chỉ chọn Lan làm bạn của mình. Chàng yêu chiều, suy nghĩ, mơ mộng đủ thứ về cuộc đời của chàng với Lan sau này mà.

Còn Lan? Hóa ra bấy lâu nay Lan chỉ coi Hiển như một chàng kép hờ, đóng vai người tình tới đâu hay tới đó, bất thình lình màn hạ, cởi áo lột mũ ra là *hết tuồng* sao? Bao nhiêu thương yêu, hờn giận, nghi ngờ, khổ sở dày vò Hiển. Nhưng vốn bản tính cương quyết và nhất định không dễ dàng đầu hàng những việc khó như một người đàn ông đầy nam tính, Hiển ngạc nhiên mà thấy mình bỗng hứng khởi lên trong cuộc chạy đua kỳ lạ này. Không như những trường hợp bình thường khác phải chạy đua với những kẻ tình địch học giỏi hơn, có *job* tốt hơn, có xe *sport* đắt tiền hơn, dường như Lan không mấy chú ý về mấy chuyện đó, Hiển đang rán hết gân sức để chạy đua với một ông bố của người tình mình! Dù sao thì tự ái của một người đàn ông, một người đàn ông trẻ đầy nhiệt huyết, tương lai rực rỡ không cho phép Hiển chịu thua cái ông già gân kia! Nhưng mà... chuyện đời rắc rối quá, nếu quả thật vì yêu Lan mà mình chịu khó thì có lý, đằng này nếu chỉ vì ghét ông già mà mình hăng tiết vịt lên thì chỉ có chuốc nợ vào thân. Hiển tự hẹn với mình, hãy để đó, hôm nào thư thả nghĩ lại xem mình có thích Lan như xưa nay mình vẫn nghĩ không, hay chỉ vì tự ái hão mà mình quyết theo cho được, ôi, đàn ông với đàn bà vốn đã rắc rối rồi, giờ lại thêm một "cụ" đàn ông vô nữa, mệt muốn chết! Cơn hứng khởi hăng hái của một tay đua sắp bước lên xe ngồi vào vô lăng đạp máy bỗng xẹp xuống như bong bóng xì hơi, Hiển lắc đầu, thảo nào người ta bảo ái tình như cơn bịnh ho lao, thời kỳ thứ nhất chỉ mới húng hắng ho là tình yêu lai rai, người bệnh bỗng thanh bai xanh mướt và đẹp lên dị thường, thời kỳ thứ hai, lủng phổi, thứ ba, ho ra máu và cuối cùng thời kỳ thứ tư, phổi bỗng nhiên thành sẹo, người khỏe khoắn mạnh mẽ và tỉnh táo hẳn ra. Hiển cắn răng tự nhủ: Thế nào rồi mình cũng phải đến thời kỳ thứ tư chớ, bao nhiêu công việc tràn ngập bề bộn ở sở, ở nhà đang chờ mình kia mà!

Phần hai

Để đối kháng với cái ông già xuất sắc mà gàn dở và lập dị kia,

Hiển hoảng hốt nhận ra rằng mình đã bắt đầu lây cái bệnh kỳ dị của ông ta lúc nào không hay. Coi kìa, sao mình lại làm một cái chuyện điên rồ như tối hôm qua mình vừa làm?

Trong quyết tâm "thi đua" với ông già, Hiển đã ngỏ lời mời ông bà Lâm cùng với Hiển, Lan đi xem phim rồi đi ăn, sau đó, Hiển sẽ nhất quyết thưa chuyện của mình với Lan cho hai ông bà quyết định. Hiển chỉ xin làm dám hỏi rồi chờ một năm nữa khi Lan ra trường sẽ xin cưới. Hiển ở đây một thân một mình, chỉ có một bà cô họ ở tiểu bang khác, khi nào xong việc chỉ mời một tiếng thì cô sẽ sang ngay. Bằng trực giác, Hiển tin là không có gì trở ngại về phía Lan. Lan trong sáng, thông minh, ngây thơ và ham học, cô nàng chỉ là một cái phóng ảnh nhạt nhòa của ông bố, chứ quả tình cá tính thực sự của một người đàn bà con gái chưa được phát triển đầy đủ đúng mức nơi Lan. Lan sẽ thực sự trở về với Lan khi Lan được làm vợ, làm mẹ và Hiển sẽ khuyến khích hỗ trợ Lan về mặt ấy. Chàng biết mình hơn Lan đến sáu tuổi, số tuổi ấy cộng với kinh nghiệm lăn lộn tự lập, tự rèn luyện mình từ chuyến ra khơi tách khỏi gia đình anh em cha mẹ để một thân một mình "nên người" nơi xứ lạ, quê người, bằng từng ấy thứ sẽ giúp Hiển đem lại hạnh phúc cho mình và cho Lan. Vấn đề bây giờ là phải sớm tách Lan ra khỏi ông bố độc đáo kia.

Dù sao thì Hiển cũng thầm cám ơn những khó khăn trong cuộc tình của mình. Có lẽ nhờ đó mà Hiển được soi rọi nhiều điều trước kia Hiển không bao giờ thấy vì chẳng bao giờ lưu tâm đến. Cả gia đình anh chị em Hiển đều đã thản nhiên coi như những việc rất bình thường phải xảy ra chẳng hạn như buổi trưa cả nhà phải nhón gót giữ gìn đi gượng nhẹ để giữ yên giấc ngủ trưa cho ba trong khi mẹ cặm cụi xào nấu, dọn dẹp, lục đục rửa dọn chén bát trong bếp. Mẹ tắm rửa, rồi vừa chải đầu vừa dặn Hiển khi nào ba dậy thì rót nước chanh trong tủ lạnh thêm hai viên đá, nước mẹ đã pha sẵn theo cái phân lượng cho vừa miệng ba, chiều đi học về, thức ăn đã nấu sẵn, hột vịt kho thịt chấm với dưa giá (mẹ hay có kiểu nói bất chấp văn phạm như vậy), canh khổ qua hầm chỉ cần hâm lại cho nóng, con Ái về sớm sẽ bắc nồi cơm lên bếp dầu cho lẹ, lấy hai đốt tay mà đo nước, liệu hồn nấu cơm

nhão thì sẽ nghe "ổng" chửi cả tuần... Mẹ có gian hàng bán áo quần trẻ con hùn hạp với người em, cô em coi hàng buổi sáng, mẹ Hiển coi buổi chiều cho đến tối. Nói theo kiểu Mỹ thì mẹ một *job*, ba một *job* nhưng có điều Hiển không biết lợi tức thực sự ai nhiều hơn ai. Chủ nhật ba thay đồ đi đánh banh, quần soọc, áo thun trắng có con cá sấu lội qua, vợt *tennis* màu gỗ nhạt, trông ba trẻ trung tươi tắn gọn ghẽ. Tối lại, ba đi uống rượu với mấy người bạn có khi kéo họ về nhà nói đủ thứ chuyện, chính trị, thời sự, văn học nghệ thuật. Mẹ có ở nhà thì chỉ ra chào khách rót nước mà chẳng bao giờ tham dự. Sách báo của ba như một thứ kho tàng quốc cấm, bọn anh em Hiển và cả mẹ nữa chả bao giờ được sờ đến trừ khi ba gọi lên sai Hiển quét bụi và chỉ cho Hiển sắp đặt lại theo thứ tự ông muốn.

Nhưng không phải mẹ Hiển là một người đàn bà thất học mù chữ nên không được sờ đến sách vở của ba! Lúc nhỏ Hiển vẫn thường nhờ mẹ dò bài và cả những bài học thuộc lòng bằng tiếng Anh, mẹ không biết và Hiển thì vừa nhõng nhẽo vừa muốn khoe tài đã bắt mẹ dò, mẹ cũng vui vẻ ngồi lại giúp Hiển cho đến khuya.

Sang đến đây rồi, và khi đã ra trường đi làm việc nhìn ngó những gia đình bạn bè Mỹ cũng như Việt, Hiển mới ngạc nhiên bàng hoàng tự hỏi: Không hiểu sống như những bà mẹ ở đất nước mình có phải là một đời sống hoàn toàn gương mẫu và đầy đủ trọn vẹn không? Câu hỏi ấy từ lâu Hiển đã không trả lời được và bỏ quên, tuần trước đột nhiên trở về với Hiển chỉ vì... bà Lâm, mẹ của Lan. Hiển sững sờ khi nhớ lại là hình như Lan đã rất ít khoe khoang về mẹ hơn là bố của mình. Hoặc đôi khi, có phải dường như Lan ngụ ý chê bai mẹ, có không, khi Lan bảo:

– Anh Hiển xem Lan mặc cái *skirt* này có được không? Mẹ bảo váy ngắn quá nhưng bố nói người Lan nhỏ thó mặc như vậy rất gọn, rất xinh.

Hiển im lặng không nói gì.

Lựa chọn mãi, Hiển quyết định mời cả nhà đi xem phim Hamlet. Trong bữa ăn sau đó, ông Lâm như mọi lần, vui vẻ, sắc bén, nói nhiều

hơn ăn và Hiển đoán như mọi lần thế nào ông cũng kiếm ra những lời nhận xét độc đáo:

– Hamlet giả điên đã tài mà người tài tử thủ diễn mới là xuất sắc. Hamlet điên trước mắt bà mẹ, ông chú và quần thần nhưng Hamlet tỉnh táo sáng suốt tính toán tinh khôn trước mắt khán giả ngay cả trong những lúc điên nhất của chàng, thật là tuyệt vời...

Bà Lâm có khuôn mặt thanh tú nhưng đôi mắt nhìn có vẻ hơi mệt mỏi không hiểu vì lẽ gì.

Hiển gợi chuyện:

– Thưa bác, bác xem phim có được không?

Bà Lâm trả lời nhỏ nhẹ nhưng thản nhiên:

– Phim hay nhưng có điều đối thoại, bác nghe không hết được. Chỉ thấy tội tội thương thương hai người đàn bà.

Mọi người nín lặng dè dặt. Hiển cảm thấy dường như ông Lâm đang lo lắng sợ vợ nói hớ điều gì, Lan thì tròn mắt nhìn mẹ và Hiển thì mơ hồ chưa hiểu hết ý bà.

Nhưng không ai nối tiếp hay hỏi một câu nào về ý kiến của bà Lâm, mọi người im lặng ngồi ăn.

Lúc ra xe, Lan ngồi xe của Hiển, hai vợ chồng ông Lâm đi xe khác, lần đầu tiên Lan có vẻ trầm ngâm:

– Mẹ không thích coi những loại phim này. Có lẽ những loại này chỉ hợp với bố. Có phim Quỳnh Dao mẹ xem thích hơn vì nó... giản dị thoải mái hơn.

Hình như Lan có vẻ hơi ngập ngừng một chút:

– Lan biết, có nhiều khi Lan làm anh khó chịu vì có lẽ Lan... độc lập quá, tự tin quá. Lan không muốn sống đời như mẹ, như một thứ cây tầm gởi quấn vào một thân cây khác. Trầu quấn xung quanh cau, không có trầu leo, cau vẫn sống xanh mướt mượt mà, nhưng trầu mà không có cau... đời trầu không thể tự sống được... Bố không thể nói chuyện như tri âm tri kỷ với mẹ, bố lại chỉ có một mình em, nhiều khi Lan thấy anh có vẻ bực mình với bố nhưng Lan đi lấy chồng thì bố cũng khá buồn đó chứ!

Hiển chặn Lan lại vì thấy đây là lúc thuận lợi nhất để bày tỏ ý kiến của mình về một vấn đề mà lâu nay Hiển vẫn nghiền ngẫm:

– Em nói không đúng. Bố đã lựa chọn mẹ, thời đại của bố mẹ đâu còn là cái thời môn đăng hộ đối hay cha mẹ đặt đâu con ngồi đó nữa. Mẹ đã yêu bố bằng cái tình yêu tuyệt đối, sùng thượng như một tín đồ yêu Chúa kính Phật, vì không hiểu được hết, nên tình yêu lại càng mang vẻ bí mật thiêng liêng. Đó là cách sống của những người đàn ông thuộc thế hệ trước đã chọn lựa, đã sống và đã hưởng thụ quá nhiều đặc ân dành riêng cho đàn ông, như bố em, như bố anh. Đàn ông thế hệ anh, không chọn lựa những điều giống như vậy... Anh thích Lan vì Lan thông minh, độc lập, không phải chỉ có ý kiến của anh là đủ để quyết đoán mọi việc trong nhà, chúng ta dựa vào nhau để sống, Lan nhạy cảm, giàu lòng thương người như tất cả những ưu điểm của đàn bà, bất cứ người đàn ông nào cũng cần những điều đó.

Hiển nói câu cuối cùng khách quan và quyết liệt:

– Lan đi lấy chồng, Hiển nói thêm, không bắt buộc là Lan phải lấy anh, nhưng nếu Lan đi lấy chồng, có lẽ bố sẽ thấy cần ở mẹ nhiều hơn và có thể nhờ đó mẹ sẽ cảm thấy vai trò làm vợ của mình phát triển trọn vẹn hơn.

Hiển kịp dừng lại khi thấy Lan mặt mày thất sắc như vừa bị ai lăng mạ.

Đoạn kết

Chắc bạn đọc đến đây sẽ tự hỏi:

– Thế nào, nhà văn có cho họ lấy nhau không? Cô Lan đã chịu tách rời khỏi cái ông bố xuất sắc kia chưa? Bà Lâm có rán lên để khỏi trọn đời làm một thứ cây tầm gửi trong khi lòng yêu thương tuyệt đối, sự hy sinh kính trọng dành cho chồng đã không được gia đình và xã hội đền đáp và đánh giá đúng mức?

Bên cạnh đó, có thể có những câu hỏi phụ: Nhà văn cần nói rõ thêm cái *job* của Hiển đang làm là cái *job* gì? Kỹ sư, bác sĩ hay tiến sĩ thì mình phải chua vài chữ tắt phía trước như K.S., B.S., T.S. hay nếu trọng bằng cấp khoa bảng theo lối người Việt ở Mỹ thì nên thêm phía

sau những tên Lâm, tên Lan, tên Hiển những B.A., M.A. hay Ph.D. như thời thượng hiện nay của cộng đồng ta. Tôi thường được đọc những dòng cáo phó hay lời chúc mừng tân hôn theo kiểu sau đây:

Vừa được tin
ông bà Nguyễn văn X làm lễ thành hôn cho con là:
Nguyễn văn Y, B.S.
đẹp duyên cùng cô
Lê thị Thu Thủy

(Cô dâu không có chữ tắt đứng kèm trông lạnh lẽo làm sao!)

Cáo phó thì sau tên người chết chỉ có một dòng, là một loạt hàng chục tên con, cháu, dâu, rể, chất đầy những B.A., B.S., M.A... (Người nào không có chữ tắt rán chịu khó đứng run một mình).

Những câu hỏi nhỏ có thể tiếp tục: Lợi tức hằng năm bao nhiêu, nhà có mấy phòng ngủ, có gửi tiền về cho bố mẹ ở Việt nam không?

Nhưng tiến bộ và hợp thời trang nhất là khi có người đề nghị: Nhà văn nên cho Hiển đá Lan một phát lăn đùng ngã ngửa rồi Hiển xách *samsonite* lên tàu Pan Am đông tuốt về Việt nam nghỉ hè hai tuần, chỉ cần với giá hai chục đô Mỹ là chàng có thể ngủ ngay với con gái rượu (trinh trắng một trăm phần trăm) của ông giáo sư thầy dạy học cũ của mình, tội gì mà ở đây vật vã đau khổ tưởng tượng với hai bố con cái anh già Lâm lưu đạn kia.

Nhiều câu hỏi và nhiều đề nghị hấp dẫn quá bỗng nhiên làm tác giả bị rối trí dữ dội. Thế mới biết *lập thân tối hạ thị văn chương* hay *văn chương dị họa* thì cũng gần gần như thế.

Và lo sợ rằng rối trí quá có thể khiến mình bị tẩu hỏa nhập ma chăng nên đành bắt chước truyện Tàu, hạ bút:

XIN ĐÓN XEM HỒI SAU SẼ RÕ. □

LA TOÀN VINH

chiều trên phố đường young

*

Chiều ở phố
bên trời cô độc
tháng ba vẫn còn dấu tích những ngày đông
tôi trở lại đây biết bao lần
cũng con đường thăm thẳm
bóng đổ về tha phương
những tà áo phất phơ màu thi vị
trên phố đường Young
chiều rất mực yêu thương như nỗi nhớ thời hoang sơ
cơn rét dài, đổi lấy vị men cay
sao em còn ẩn nấp đâu đây?
trong mê cung cửa đóng then cài
áo quần vất vả hớ hênh

chiều trở lại
như bao lần trở lại
đêm qua đêm những bóng dáng chập chờn
ánh đèn đêm không soi mãi xót xa
tôi thét gọi
kiếp nhân sinh trần trụi
Chiều ở phố
phơi trần cô độc
tiếng nhạc nào thay nỗi cảm thông?
đêm Bắc Mỹ không màu
miên man trau chuốt bên những túi Mỹ kim
bên những nụ cười vô thức
bất chợt bóng dáng vô thường
Trên phố đường Young
chiều rất mực yêu thương
bên niềm cô liêu da diết
em ngụy trang cho cuộc đời
một hương vị
một tiết điệu thần tiên
một đôi mắt trữ tình
Tôi lặng nhìn bầu trời đầy sao
bên bóng nhân sinh mập mờ
hôm nay
còn một người cô độc.

KHÁNH TRƯỜNG

đêm ngày một cõi

*

Hoan đặt chiếc ly không xuống mặt bàn ngổn ngang vỏ chai.

"Mình về."

"Dạ, anh về."

"Không, chúng ta cùng về."

Cô gái nhìn Hoan vẻ hơi ngạc nhiên.

"Em với anh?"

"Ừ, chúng ta. Đêm nay em thuộc về anh."

"Đâu có ngang xương vậy được. Phải xin phép chị Tư."

"Thì xin phép..."

Cô gái đứng dậy, lách mình giữa hai dãy bàn đầy khách, hướng về phía người đàn bà có vẻ mặt lúc nào cũng như đang ngái ngủ ngồi trên chiếc ghế cao chỗ quầy rượu. Hoan theo sau, cố thu gọn người, nhưng đến giữa phòng chàng vẫn sơ ý vung tay làm rơi chiếc bóp đặt chênh vênh trên góc một mặt bàn. Hoan cúi lượm, khi ngẩng lên chợt bắt gặp ánh mắt lạnh lùng của chủ nhân món đồ. Hoan nhẹ nhàng để chiếc bóp đúng vị trí cũ.

"Xin lỗi..."

Cô gái không trả lời, mặt khó đăm đăm. Hoan hơi ngượng. Máu giang hồ chợt trỗi dậy. Chàng khom người ngang tầm cô gái.

"Em đẹp, đừng nhăn nhó thế, xấu đi."

Và quay về phía người khách ngồi chung bàn với cô ta, cà khịa.

"Phải không ông bạn?"

"Ông bạn" tuổi tác đã cao, muốn yên thân nên vội nhoẻn miệng cười. Hoan chẳng còn lý do gây hấn, xoay người bước đi.

"Bộ anh khoái sinh sự lắm hả?" Cô gái hỏi.

Hoan nhún vai.

"Bày đặt đấy mà, cho đỡ buồn."

"Nhỡ gặp thứ thiệt, đánh nhau thì sao?"

"Càng vui. Con bé nào thế?"

"Đồng nghiệp của em."

"Sao lối vậy? Có ngày ăn đòn."

"Thôi đi ông, hung hăng vừa vừa chứ."

Hoan leo ngồi trên chiếc ghế cao rút thuốc châm hút. Cô gái đứng cạnh, quàng tay ôm ngang lưng chàng, chồm người về phía người đàn bà.

"Chị Tư, hôm nay em về sớm..."

"Mới mười hai giờ mà."

Cô gái chưa kịp trả lời Hoan đã nhanh nhẹn vất lên mặt quầy tờ giấy trăm.

"Bồi thường thiệt hại."

Người đàn bà nhìn Hoan vui vẻ.

"Nói thế chứ cũng sắp đến giờ đóng cửa. Hai người cứ tự nhiên."

Bà ta vơ vội tờ bạc thẩy vào hộc, quay qua cô gái.

"Mai đến không?"

"Chưa biết, chị Hai. Mai, ba mươi rồi."

Hoan khoác tay cô gái bước ra. Đèn tối nhờ, chỉ vừa đủ nhìn thấy lối đi. Gã đàn ông ngồi ủ rũ trên chiếc ghế đẩu ngẩng đầu nhìn hai người, hấn chậm chạp đứng dậy, đưa tay đẩy nhẹ cánh cửa gỗ. Hoan cảm thấy hơi nóng bên ngoài phả vào mặt, dù đã khuya. Cuối năm nhưng khí hậu vẫn oi bức như giữa mùa hè, cái nóng thường kéo dài dai dẳng đến gần sáng. Cái nóng khiến những đêm cúp điện, Hoan phải mang chiếc giường xếp ra đặt ngoài hành lang để tránh cảm giác ngột ngạt trong căn phòng nhỏ. Hơi nóng đặc quánh trong không khí,

bám trên da thịt, mồ hôi tươm nhớp nháp khắp thân thể. Hoan nằm vật vã xoay trở đủ mọi tư thế, hai mắt nhắm mà thần trí dật dờ nửa tỉnh nửa mê. Nhiều đêm trằn trọc đến hai ba giờ sáng vẫn chưa yên giấc. Không ngủ được, đầu óc dễ suy nghĩ bậy bạ, đòi hỏi xác thịt có cơ hội bột phát. Rút kinh nghiệm, bữa nào cúp điện Hoan thường la cà ở các quán rượu tới tận khuya, khi trở về không bao giờ chàng quên mang theo một "cái gối ôm".

Chiếc taxi trờ tới khi hai người vừa ra đến lề đường. Hoan đưa cô gái lên xe.

Đêm sâu. Phố xá vắn người, mặt lộ trở nên rộng thênh thang. Rác, giấy vụn bị gió cuốn giạt vào lề trắng xóa. Chiếc taxi chạy chậm giữa hai hàng kiền kiền giao lá trên cao như trôi giữa dòng kinh. Thỉnh thoảng sau những gốc cây, bọn gái ăn sương váy ngắn đến bẹn đứng lấp lo đón khách. Trước kia Hoan vẫn thường bắt mấy em thợ chọi này về giải quyết qua đêm, nhưng từ bữa được một em cấp giấy giới thiệu cho vào Trung tâm Bài Trừ Hoa Liễu nghỉ phép, Hoan cạch, xoay qua các nàng chiêu đãi. Dĩ nhiên có tăng thêm phần tốn kém, nhưng tiền nào của đó, mức độ an toàn tốt hơn nhiều.

Cô gái ngồi bên ngáp ngắn ngáp dài. Hoan choàng tay qua vai cô ta,

"Em buồn ngủ?"

"Dạ, em không quen uống rượu."

"Bia mà, giã ngay thôi."

Hoan lòn tay vào áo cô gái, vày vò trái vú mềm. Cô ta thun người.

"Nhột cm... Bác tài chiếu tướng kìa."

"Bác ấy chẳng thèm nhìn đâu..."

Hoan vừa nói vừa tiếp tục thả lỏng bàn tay. Cô gái không còn phản đối, rúc rích cười. Chiếc xe vòng qua bùng binh C.R., chạy ngang công viên, trực chỉ hướng bờ sông rồi dừng lại trước một cao ốc.

"Đến rồi cô cậu." Bác tài cất tiếng.

Hoan trả tiền, dìu cô gái lên thang lầu.

"Anh ở một mình?" Cô gái hỏi lúc vừa bước chân vào phòng.

"Không một mình thì với ai?"

"Ừ nhỉ."

Chợt thấy sự ngớ ngẩn trong câu hỏi của mình, cô gái vớt vát.

"Các ông độc thân vẫn thường chung phòng cho có bạn, đỡ buồn."

"Anh ghét chung đụng... Em tắm đi."

Trong lúc đợi cô gái tắm, Hoan ngồi đọc vẩn vơ những mục lỉnh kỉnh ở trang trong một tờ báo cũ, cách giải đáp huề vốn của mục gỡ rối tơ lòng khiến chàng bật cười. Sống nhiều năm trong nghề viết lách, Hoan chẳng lạ gì trò nhảm nhí này. Nào mấy ai vô công rỗi nghề ngồi còng lưng viết ra giấy những tâm sự lòng thòng thảm thiết thế kia? Chín mươi chín phẩy chín phần trăm các lời vấn đáp đều là sáng tác của bọn đực rựa (nhưng bao giờ cũng giả dạng nữ lưu bằng những bút hiệu nghe rất thơ mộng trữ tình). Điều khá mai mỉa, mấy anh nhà báo hạng bét này thường đa số ngửi không được, nhân dáng cũng như cuộc sống tình cảm hoàn toàn dưới trung bình, thậm chí có anh chưa từng một lần trong đời được cái hân hạnh nắm tay vuốt tóc đàn bà con gái! Nắm tay vuốt tóc thôi, chứ đừng nói chi đến chuyện yêu đương thắm thiết, chuyện nửa đường đứt gánh, chuyện trái ngang phụ rẫy... hầu có được chút kinh nghiệm bản thân để khuyên răn dạy dỗ người! Vậy mà ba chuyện tào lao đó lại rất đắt khách, nhất là bên cạnh trò gỡ rối còn có thêm mục tử vi Đông Tây nữa thì ăn trùm. Tử vi Đông Tây! Lại cũng chẳng có chiêm tinh gia, tướng số gia nào phụ trách cả, lại cũng chỉ một anh ký giả hạng cá kèo nào đó giả dạng. Mỗi tuần, anh ta tương đại mười hai lời đoán... mò. Tinh ý chút xíu, sẽ thấy tất cả đều rập theo một công thức bất di: Vô đề, *có kẻ tiểu nhân ám hại, công việc làm ăn gặp đôi điều trở ngại, người yêu giận dỗi, đi đường cẩn thận coi chừng tai nạn*... Kết luận, *nhờ quới nhơn phù trợ, nhờ phúc đức ông bà, mọi chuyện rồi cũng xuôi chèo mát mái, hết cơn bỉ cực đến hồi thái lai*... Đọc xong mấy lời tiền hung hậu kiết này, bảo đảm anh (hay chị) nhất định thơ thới hân hoan. Về sau, bọn phụ trách mục Tử Vi thấy viết nhăng viết cuội mãi vẫn chỉ chừng đó chuyện, thêm tốn công mệt óc,

bèn nghĩ ra cách tiết kiệm sức lao động rất hiệu quả: Chịu khó bỏ chút ít thời giờ, thu nhặt tất cả mọi lời giải đoán trên mọi tờ báo, rồi cứ thế mà "xào".

Cô gái từ buồng tắm bước ra, cô quấn quanh người chiếc khăn lông ngắn, chỉ đủ che phần giữa của thân thể. Vừa giũ giũ mái tóc, cô ta vừa chặc lưỡi.

"Mới tắm xong mà vẫn nóng chịu không thấu."

"Nóng thật."

Hoan đứng dậy đến mở rộng thêm hai cánh cửa sổ. Dộng cơ xích lô máy gầm rú dưới lòng đường, Hoan nhìn xuống, trong lòng xe một cặp trai gái quấn siết lấy nhau, anh đàn ông gần như leo hẳn lên người chị đàn bà, bất kể bác tài xế ngồi lênh khênh trên cao có nhìn thấy cảnh mê tơi hấp dẫn bên dưới hay không, cặp tình nhân thả cửa hôn hít sờ soạng, thực thi đúng đắn câu "hữu mục vô nhân". Chiếc xe vụt qua, nhanh chóng mất hút vào bóng đêm.

Khi Hoan trở lại giường thì cô gái đã vất chiếc khăn lông xuống sàn nhà từ bao giờ. Cô ta nằm ngửa tênh hênh trong tư thế chờ đợi. Ánh sáng đèn đường hắt qua khung cửa sổ, tráng trên thân thể cô gái một lớp kem mịn, màu da như trắng hơn, những đường nét cũng trở nên thanh tú, gợi tình. Hoan cúi xuống hôn môi cô gái. Cô ta vòng hai cánh tay trên lưng Hoan, ướn người hôn trả. Hai người rời nhau, cô gái nói.

"Anh tắm đi."

Hoan gật đầu đi vào buồng tắm. Nước mát lạnh giúp cơn váng vất trong đầu chàng tan nhanh. Nửa năm trở lại đây tửu lượng Hoan xem ra có chiều hướng đi xuống. Tuổi tác chăng? Ba mươi tuổi, cái tuổi vẫn được xem như "chín tới" nhất ở một người đàn ông, vậy mà Hoan lại trở nên dễ nóng giận, mau chán, thường xuyên bất mãn trước mọi vấn đề. Chắc chắn nguyên nhân không đến từ tuổi tác. Phải có một điều gì không ổn đang ngự trị trong nội tâm chàng. Điều gì? Hoan suy nghĩ mãi vẫn chưa tìm ra căn nguyên. Phải chăng cuộc sống bấp bênh chẳng có ngày mai? Phải chăng cái vực tối cô đơn mãi tăng trưởng

không ngừng? Phải chăng niềm tự tin ở tài năng mỗi ngày mỗi mòn mỏi trước thực tế chẳng thể phủ nhận? Phải chăng những thú vui phóng đãng, buông thả từ bao năm nay, như một chất cường toan, hủy hoại dần thể lực? Hoan đứng yên dưới vòi sen, nhắm mắt đón nhận từng sợi nước mát lạnh rưới đều trên hai vai, chảy phủ khắp thân thể. Chàng tỉnh hẳn. Khi Hoan định tắt nước, thôi tắm, thì cô gái cũng vừa lên tiếng gọi. Hoan với tay lấy chiếc khăn lông, lau khô người, bước ra.

"Xong rồi, cô bé."

Chàng chậm chạp đến cạnh giường. Cô gái xoay người lăn một vòng vào sát tường, chừa một khoảng nệm rộng. Hoan nằm xuống. Cô gái với tay qua vuốt ve khuôn ngực trần của Hoan, bàn tay táy máy bò chậm từ ngực đến phần hạ thể. Da thịt cô gái hâm hấp nóng. Bàn tay cô ta mềm mại uyển chuyển. Hoan xoay nghiêng. Mùi thuốc gội đầu từ mái tóc rậm tỏa ra đầy ngập khứu giác. Hoan kéo khuôn mặt cô gái lại gần, nhìn thấy hai đóm sáng lấp lánh trong đôi mắt ngước lên tình tứ.

"Yêu em đi." Cô gái thì thầm.

"Yêu anh đi." Hoan trả lời.

Cô gái cười khúc khích.

"Lười đến thế cơ à?"

Nhưng cũng trườn người lên, mái tóc thơm phủ kín trên mặt Hoan, mái tóc di chuyển xuống ngực, xuống sâu hơn...

Hoan vừa ân ái với cô gái vừa nghĩ đến những việc phải làm, ngày mai. Bỗng nhiên chàng nhớ đến hình ảnh đứa con hoang của Gide. Đứa con sau thời gian dài lang bạt, một ngày cảm thấy mỏi mệt, hắn trở về. Những tưởng sẽ bắt gặp đôi mắt xót xa của mẹ, bao lời chì chiết của cha... Nhưng không, "Bay đâu, hãy lấy rượu ngon, hãy mổ dê béo, hãy bày tiệc linh đình chào đón con ta, đứa con tưởng đã mất nay vừa tìm lại được." Hoan cũng nhớ đến đoạn cuối câu chuyện. Trong đêm tối, hai anh em – đứa con hoang và thằng em trai – nằm bên nhau. Đứa con hoang kể cho em nghe về những dặm trường hắn đã đi qua, những cảnh thổ hắn đã đặt chân đến, những lạ lùng, bất ngờ, tủi nhục, vui

sướng hắn đã nếm trải... Lời kể của thằng anh khích động giấc mộng phiêu lưu của đứa em. Để rồi, đêm sắp tàn, tiếng gà eo óc xóm xa... Đứa con hoang trở dậy, đốt đèn soi đường cho thằng em thực hiện cái công việc hắn từng làm, và thất bại. "Thôi em đi nhé, và chớ trở về." Lời nhắn nhủ đứa em ruột thịt hay cái khát vọng vẫn còn cháy bỏng trong lòng, chưa chịu ngủ yên? Câu chuyện Hoan đã đọc thuở còn trung học vẫn hiện về hầu như không sót lần nào, vào những lúc năm cùng tháng tận. Như đứa con hoang của Gide, ngày mai Hoan cũng sẽ trở về, cũng sẽ gặp anh gặp em, gặp cha gặp mẹ, khác chăng sẽ chẳng có rượu ngon, dê béo, mà chắn chắn chỉ là đôi mắt dò hỏi kín đáo của mẹ, lời chất vấn nghiêm khắc của cha, *Anh làm gì một năm nay?* Rồi lại cái lắc đầu ngao ngán, *Lông bông mãi, thật chẳng ra làm sao...*

Sau cơn hoan lạc, Hoan nhanh chóng chìm vào giấc ngủ. Cô gái nằm một lúc, ngồi dậy đi vào phòng tắm. Khi cô ta trở ra, tiếng ngáy của Hoan đã đều đều một nhịp say. Cô gái vẫn nghĩ, đối với bọn đàn ông, không có thứ thuốc ngủ nào hiệu nghiệm cho bằng một quả làm tình. Sau trận mây mưa, chân khí hao tổn, thân xác anh nào cũng đòi hỏi bù đắp. Một giấc ngủ say, đó là nhu cầu tất yếu nhất. Cô gái định nằm xuống, chợt nhìn thấy cái ví da rơi trên nền gạch, bên dưới chiếc quần Tây vắt cẩu thả chỗ cái ghế mây kê sát vách tường. Cô gái bước đến, cầm lên. Không đừng được tò mò, cô ta vừa liếc mắt về phía Hoan vừa vội vàng mở bung chiếc ví. Một xấp tiền dày cộm xổ tung, rơi vung vãi trên sàn nhà. Cô gái luống cuống cúi xuống nhặt nhanh những tờ bạc. Không kịp sắp xếp lại cho ngay ngắn, cô ta vơ xấp bạc nhét vội vào xách tay của mình rồi hấp tấp mặc quần áo, mở nhẹ cửa lỉnh ra ngoài, xuống đường. Trong ngực cô ta, nhịp tim đập thình thịch. Cô gái đi như chạy ra khỏi khu *building*. Một chiếc xích lô máy giảm tốc độ tấp vào lề. Cô gái nhanh nhẹn bước lên, ngắn gọn ra lệnh.

"Xa cảng."

"Ba mươi đồng."

"Nhiêu cũng được, chạy gấp giùm."

"Giờ này chưa có hãng nào bán vé đâu, cô chẳng cần gì phải gấp."

Cô gái không trả lời. Chiếc xe chuyển bánh vút nhanh về hướng xa cảng. Cảm giác sợ hãi dần tan, cô gái thấy lòng mừng khấp khởi. Ba mươi tết, những tưởng năm nay sẽ không thể về quê thăm gia đình được. Ai ngờ. Phải, ai ngờ. Mình gặp hên. Cô gái tuy có hơi ây náy cho gã đàn ông, nhưng cô tự vỗ về, trông cách tiêu pha hào phóng, chắn chắn anh ta chẳng phải dân khố rách áo ôm. Cô gái nghĩ đến xấp tiền, dễ chừng cũng trên dưới hai mươi nghìn. Lớn thật. Nhưng – cô gái tự trấn an – chỉ lớn với mình thôi, với anh ta, chắc chẳng quan trọng. Cô gái hình dung cảnh người đàn ông sáng mai thức dậy, phát hiện ra sự vắng mặt của cô, phát hiện thêm xấp tiền không cánh mà bay, có lẽ anh ta sẽ vung chân đá chiếc ghế mây, hoặc sẽ ném mạnh cái ví vào góc tường, hoặc sẽ dang tay đấm vào cánh cửa phòng, và nhất định sẽ văng tục một thôi một hồi... Rồi thôi, rồi lại mặc quần áo xuống phố, vào ngân hàng, rút mớ tiền mới, lững thững thả đến Bona, ngồi xuống chiếc bàn quen thuộc, gọi xong ly cà phê, hất hàm hỏi thằng bạn vừa mới đến.

"Ê, mầy biết con Tuyết?"

"Tuyết nào?"

"Con nhỏ mắt lá răm làm ở bar Y."

Thằng bạn có thể sẽ trả lời biết, có thể sẽ lắc đầu.

"Không. Này, sao mặt mũi táo bón thế? Chuyện gì?"

"Khốn nạn, tối hôm qua con nhỏ nâng nhẹ của tao mất hai mươi mấy thiên."

"Trong trường hợp nào? Kể nghe."

Anh ta kể. Thằng bạn nghe xong cười rống.

"Sướng con cu mù con mắt. Đáng đời."

Cô gái cũng bật cười, cái cảnh dở khóc dở cười cô vừa tưởng tượng khiến lương tâm cô tạm yên ổn. Cô gái hình dung tiếp khuôn mặt rạng rỡ của mẹ khi cô đưa cho bà xấp tiền.

"Ở đâu nhiều vậy?"

"Dạ, con để dành..."

"Nếu con không về, mẹ chẳng mua sắm nổi cái gì. Nhưng sao con không về sớm sớm vài ngày? Ba mươi rồi."

"Dạ, công việc bề bộn quá mẹ ơi."

"Có cực lắm không con?"

"Dạ... Ông chủ cũng dễ dãi, chẳng đến nỗi nào."

"Ừ, mẹ mừng."

Và thở dài, tiếp.

"Cả nhà chỉ trông mong vào con. Ba mấy thế kia, mấy đứa em thì nhỏ dại..."

Mẹ mừng! Cô gái thở dài. Trong đầu mẹ, nàng vẫn là cô thư ký rất được việc của một hãng xưởng bề thế tại Sàigòn. Mẹ mừng! Cô gái tự hỏi mẹ sẽ còn mừng đến bao giờ? Mỗi ngày cô mỗi thấy mình chìm sâu hơn vào bệ rạc. Rồi sẽ đến một lúc nào đó chút lòng thương nhỏ nhoi của cô dành cho gia đình cũng sẽ rệu rã. Thực tế cay nghiệt đã bào mòn dần chút lương năng còn sót lại, rất mong manh, trong tâm hồn cô. Trách nhiệm với chính bản thân, cô còn chưa giữ được, làm sao giữ tròn trách nhiệm với gia đình? Cô gái nghĩ đến người cha bê tha, đắm chìm triền miên trong men rượu. Ông không làm được bất cứ chuyện gì ngoài chuyện khảo tiền người vợ khốn khổ để đổi lấy chất nước dục nhờ cay xé độc hại, triền miên từ ngày này qua ngày khác. Cô mong cho cha chết. Cha chết, may ra mẹ đỡ khổ hơn, may ra cô thoát được cảnh sống hiện tại. Cô gái nhớ đến thằng con trai của "người bà con xa". Nhớ cái đêm hắn mò vào buồng dụ hoặc cô. Nhớ cái đau cắt ruột của lần thất tiết. Nhớ những lời đường mật hắn rót vào tai cô. Nhớ sự cả tin của mình trước bùa phép của một thằng con trai thành thị khôn lỏi. Nhớ "người bà con xa" đã khám phá ra chuyện gian díu vụng trộm. Để rồi cô đã phải dứt áo ra đi, đau đớn, tủi nhục, trước đôi mắt đứng dưng của thằng con trai. Lần đầu tiên trong đời, cô gái hiểu được lòng dạ bọn đàn ông. Rồi cuộc sống, như cuồng lưu, cuốn cô trôi băng không thể cưỡng chống vào vũng lầy dọa lạc.

Chiếc xích lô bỏ cô gái xuống sân xa cảng đang còn thiêm thiếp. Trước các quầy bán vé, lổn ngổn những thúng mủng hàng hóa và trên

những chiếc chiếu nhỏ, hành khách đang yên giấc. Cô gái ngồi xuống băng ghế trống. Dưới chân cô, một thằng bé lăn ra khỏi vòng tay mẹ, nằm dạng chân ngủ mê mệt. Cái áo thằng bé đang mặc tốc lên, để lộ khoảng bụng no căng với chiếc rốn lồi dị hợm. Cô gái không cảm thấy buồn ngủ, dù gần như trọn đêm chưa chợp mắt được một phút.

Đêm đã chuyển sang ngày mới từ lâu. Những ngọn đèn vàng cạch chung quanh khu xa cảng hắt xuống mặt nhựa một thứ ánh sáng tù mù hiu hắt. Cô gái ôm chiếc xách tay trong lòng, kiên nhẫn ngồi chờ sinh hoạt thức giấc. Trong đầu cô, hình ảnh của mẹ, của cha, của những đứa em và hình ảnh người đàn ông say ngủ sau cuộc làm tình trộn lẫn vào nhau, rời rạc, chắp vá.

*

Hoan giật mình thức giấc. Tiếng xe chạy dưới đường lôi chàng ra khỏi giấc ngủ.

Cô gái bỏ đi từ bao giờ. Nhanh chóng, Hoan phát hiện xấp tiền đã biến mất. Đúng như cô gái mường tượng, Hoan tức giận đá chiếc ghế mây lăn long lóc. Chàng vừa văng tục luốn miệng vừa chạy bổ xuống cầu thang, phóng ra hè đường. Phố xá vẫn chưa thực sự vào nhịp, các cửa tiệm vẫn còn đóng im ỉm. Mặt lộ vắng trở nên rộng thênh thang. Hoan hết nhìn ngược lại nhìn xuôi. Bóng chim tăm cá mịt mù! Em chơi trội thế này, ác quá! Hoan tiếp tục lôi tam tứ đại cô gái ra chà xát kỹ lưỡng mà lòng chẳng nhẹ đi một ly. Chợt nhìn xuống, Hoan nhận ra không có tí quần áo nào dính trên thân thể ngoài cái xì-líp nhỏ xíu nổi cộm phần hạ bộ thô tục. Chàng vội vàng quay lưng trở về phòng, nằm vật ra giường thở hắt từng cơn. Ba mươi tết! Dự tính sáng nay sẽ về thăm gia đình đành gác lại, chẳng biết đến bao giờ. Lời hứa với đứa em gái cũng coi như... theo gió bay đi! *Anh về ăn tết kỳ này nhớ cho em ít tiền mua cái xe đạp. Từ nhà đến trường những ba cây số, mỗi ngày hai bận đi bộ muốn rã đôi chân. Anh nhớ nhé, bớt tiêu pha giúp em. Anh hứa đi....* Hoan hứa, rất thành thật, Hoan hứa, và chạy đôn chạy đáo từ tòa soạn này qua toà soạn khác, gặp hết ông chủ bút này đến ông chủ bút khác, uốn ba tấc lưỡi, "Sang năm, tôi sẽ viết cho ông cái

phơi-dơ-tông, bảo đảm hết xẩy". "Thôi đi, lúc nào cũng lằng nhằng tư duy với khắc khoải. Chuyện cậu viết nhức đầu bỏ xừ." "Không, lần này nhất định mê ly rùng rợn từng trang." "Viết nổi không? Các cậu ưa có cái tật làm cho chữ nghĩa câu kéo tối mù. Độc giả chẳng nhá nổi đâu. Muốn *chở* gì thì *chở*, phải trong sáng rành mạch mới ăn tiền." "Ông khinh tôi vừa vừa chứ, ba cái chuyện lẩm nhẩm máu dổ đầu rơi, lâm ly bi đát đó ngoáy một cái có ngay vài mươi trang." "Chắc chứ?" "Chắc." "Thôi được, tôi sẽ dành cho cậu mỗi tuần ba chục nghìn chữ." "Tốt lắm. Này... a-văng chút đỉnh tiêu tết..." Hoan đi rã giò, ghé trên hai chục tờ báo, chỗ nào cũng bổn cũ soạn lại: Mê ly, rùng rợn, hết sẩy... Có anh vừa thấy Hoan mở miệng đã lắc đầu quầy quậy, tìm lời từ chối khéo léo. Có thằng nghe xong màn quảng cáo, gật đầu bằng lòng, nhưng đến mục a-văng, lại lắc đầu cật lực. Có đứa đốp chát thẳng thừng: Tin mấy cha cũng chẳng khác bao nhiêu tin mấy mợ đồng cô, mấy thằng cốt cậu, chắc nhất, tiền trao cháo múc cho nó an tâm. Hoan cảm thấy tủi nhục, nghề buôn văn bán chữ thời nào cũng vậy, chẳng thể nuôi ấm bản thân. Nhưng đã lỡ hứa với cô em, không làm tròn lời hứa còn ra thể thống gì? Đành ngậm bồ hòn làm ngọt, tiếp tục du thuyết. Cuối cùng rồi Hoan cũng xoáy được ngót hai mươi lăm thiên. Cầm mớ tiền trong tay, Hoan vừa mừng vừa lo. Mừng, năm nay Hoan sẽ áo gấm về làng, mẹ chàng hẳn cười rất tươi, cha chàng hẳn hết lắc đầu ngao ngán, và nhất là cô em gái, hẳn sướng lịm người. Lo, hai mươi lăm thiên, tính cho sâu sát cũng trên dưới sáu cái phơi-dơ-tông! Chữ nghĩa của chàng có dâu lắm thế? Vả, dẫu có cũng chưa chắc đã viết nổi! Nhưng mà... Mặc mẹ mấy anh chủ bút, mặc mẹ mê ly với rùng rợn... Từ từ rồi giải quyết cũng xong. Không xong, ì ra, làm gì được nhau? Hoan đổ liều, cố quên cái viễn tượng chẳng mấy tươi đẹp của tương lai. Chuyện quan trọng hiện tại là sử dụng thế nào cho hợp lý món tiền vừa xoáy được. Chàng tính toán cẩn thận: Bỏ ra năm thiên chi tiêu lặt vặt, kể cả mục xả xui cuối năm. Số còn lại ngày mai mua cho cô em gái chiếc xe đạp, mua cho mẹ xấp vải the, mua cho cha bộ cờ tướng quân ngà... Vậy mà, bây giờ... Hoan thở dài ngửa mặt nhìn trần phòng. Mẹ, khốn nạn thật. Con điếm chết toi chơi ác không

thể tưởng. Hoan nghĩ đến những ngày sắp tới, mùng năm ngày tết, chẳng lẽ vác mặt đi ăn bóng ăn gió bè bạn? Chẳng lẽ nằm dài người trong phòng, ép bụng xuống chiếu nhịn đói?

Dưới đường, xe cộ đã tấp nập. Ngày cuối năm, thiên hạ hối hả đi mua sắm lần chót. Hoan ngóc dậy, mặc quần áo thất thểu rời căn phòng độc thân chó chết. Đi đâu bây giờ? Nhưng chẳng lẽ nằm mãi trong bốn vách tường ám bụi để nhẩn nha gặm nhấm nỗi sầu đời?

Thang lầu ngập ngụa rác, khoảng trống lưng chừng thang, chỗ góc tường, mùi nước tiểu lưu cửu bốc mùi khai nồng nặc. Một vũng trơn nhớt dưới chân làm Hoan lảo đảo suýt trượt ngã nếu không níu kịp lan can. Chàng định chửi thề nhưng dừng lại kịp. Chính mình, những đêm về khuya, lúc hồn xác chìm đắm trong cơn say bí tỉ, cũng vẫn thường dừng lại chỗ này, gác tay lên mặt tường ngổn ngang những bộ phận sinh dục đàn ông, đàn bà được biểu thị bằng các hình vẽ vụng về hoặc bằng chữ viết, cúi đầu nhìn vòi nước tưới vào vách, chạy ngoằn ngèo trên nền xi-măng, bò xuống từng bực cấp ra đến tận hè đường... Nhiều lần như vậy, chàng nghiệm thấy, chưa có một khoái lạc nào ngang bằng với cái giây phút thần tiên đó. Đời sống, ước mơ, tham vọng, bon chen, tị hiềm... Tất cả theo dòng nước khai nồng bốc men tuôn ra, khiến thể xác, tâm hồn chợt nhẹ tênh bay bổng, kể cả đoạn đời tám năm khó nhọc mải mê tìm kiếm chút hư danh cũng trở nên vô nghĩa đến tội nghiệp.

Tám năm! Kể từ lúc bước chân ra khỏi nhà, Hoan đã mang theo trong lòng một núi hoài bão. Những cuốn sách đã đọc; những tinh hoa của tư tưởng, của văn chương; những giai thoại về nếp sống khoáng đạt, bất cần, ngông nghênh của các tiền bối, đã như chất ma túy ăn sâu trong tủy máu. Hoan hăng say sáng tác, Hoan tự tin ở khả năng thiên phú của mình... Rồi sẽ có lúc mình nổi tiếng, tên tuổi sẽ được nhắc đến, tác phẩm sẽ lưu danh kim cổ... Ngày tháng qua đi, Hoan cố phấn đấu để bò dần từ một anh thầy cò lên ký giả hạng B, rồi C, rồi tác phẩm đầu tay... Hoan nghĩ, nó sẽ như một trái "bom", nổ tung tóe trên chiến trường chữ nghĩa. Nhưng chờ mãi, trái "bom" tịt ngòi, rơi hẳng vào lãng quên. Như thế, đã tám năm! Chẳng có gì hết, chẳng là

cái gì hết. Cuộc đời vẫn chảy xuôi lạnh lùng, Hoan đang bước vào tuổi trung niên. Có trễ quá chăng khi cho đến lúc này Hoan mới vỡ ra cái sự thật buồn bã này: Văn chương, thi ca, nghệ thuật sẽ chỉ là những thứ áo giấy trang sức rẻ tiền, nếu kẻ tạo ra nó chưa thể hủy diệt được cái tôi kệch cỡm của chính mình.

Xuống đến đường, mũi Hoan tràn ngập mùi thơm của nước lèo tỏa ra từ chiếc xe phở chỗ góc tường ngân hàng Việt-nam Thương tín, cạnh tòa cao ốc. Lão chủ vừa nhìn thấy Hoan đã vội cười rất tươi.

"Thầy nhà văn làm tô phở cho ấm bụng."

Không nửa xu dính túi. Hoan định lắc đầu. Nhưng bụng chàng bỗng sôi ùng ục. Một đêm thức khuya, thêm trận làm tình chí chát. Hoan đói cồn cào. Chàng đánh liều ngồi xuống chiếc ghế đẩu.

"Năm nay thầy nhà văn không về thăm nhà?"

"À... À... Chưa biết."

"Con gái tui đọc truyện của thầy, mê lắm. Nó bảo hôm nào thầy ra sách mới cho nó một quyển có chữ ký mần kỷ niệm."

"Có phải cái cô để tóc thề, người thâm thấp, vẫn thường giúp ông bưng phở?"

"Dạ, con gái đầu của tôi đấy."

Hoan ngao ngán. Thói thường, mấy cô mê văn chương chữ nghĩa đều... chán mớ đời. Điển hình như cô con gái ông hàng phở. Người ngợm như chị nạ dòng, thấp lủn đủn, mặt đầy mụn, chân tay u nần cục mịch, mắt liếc ngang liếc dọc trông vừa dâm vừa gian chịu không thấu. Tuy nhiên, để lấy lòng khổ chủ, Hoan cố vén môi cười thật tươi.

"Nhất định có sách mới tôi sẽ tặng cô ấy một bản quý. À, sao hôm nay không thấy cô ấy?"

"Dạ, ba mươi tết rồi, con nhỏ ở nhà phụ mẹ thu vén nhà cửa."

Ông hàng phở đẩy đến trước mặt Hoan tô phở bốc khói nghi ngút. Chàng cúi xuống, vừa ăn vừa lo. Ăn xong, phải nói với lão chủ thế nào đây? Dù gì, mình cũng là "thầy nhà văn", chẳng lẽ năm cùng tháng tận lại đi ký sổ? Nhưng liệu còn cách nào khác nữa không?

Hoan với hết những sợi phở cuối cùng, húp thêm lưng tô nước lèo, rồi đẩy cái bát ra xa. Chàng đứng lên, cố bình thản đưa tay rút cây tăm ngậm miệng, vòng tay ra sau móc bóp. Dù những ngón tay đã chạm vào lớp da mềm của chiếc bóp nhưng Hoan vẫn bật kêu.

"Ồ, cái bóp. Dâu rồi nhỉ?"

"Thầy có bỏ quên trên phòng không?"

"Chẳng biết, tối qua đi nhảy về tôi hơi say. Để tôi lên xem lại. Lát nữa xuống thanh toán nhé?"

"Dạ, không sao thầy nhà văn."

"Nhỡ mất thật, năm hết tết đến, thiếu nợ coi soi đặng. Ngân hàng cũng đã đóng cửa phải chờ qua mùng ba mới rút tiền được. Thế này thì phiền quá."

"Có là bao, thầy nhà văn. Tui cũng chẳng kiêng cữ đâu, bao giờ thầy cho cũng được."

"Để tôi lên tìm cái bóp."

"Dạ, thầy lên. Mong thầy đừng gặp xui. Tiền bạc chẳng kể, mất hết giấy tờ phiền phức mất công lắm."

Hoan thở phào nhẹ nhõm. Chàng trở về phòng, để nguyên quần áo nằm dài ra giường. Buổi sáng coi như tạm ổn. Còn trưa nay, chiều nay, và những ngày kế tiếp? Quả là xui tận mạng. *Tiên sư cha con đượi khốn kiếp*. Hoan lại văng tục, giận dữ. □

Tìm Đọc:

NGÀY QUANH QUẨN

Trần Long Hồ

MINH VĂN xuất bản

PHẠM VIỆT CƯỜNG

đi vào

*

nhau.
Khởi đầu ký tức chung duy nhất
của con quái thú hai đầu
những phút giây của chúng ta
biến thành vết chàm không phai
trên khuôn mặt thiên thu
già nua và non trẻ

đi vào
nhau.
phá vỡ sự lẻ loi trinh bạch
để hữu hình và tiếng động
xâm thực những giấc mơ buồn xám ngắt
khi chúng ta nằm xuống cùng nhau
ép sát giữa ngực tôi và em
là ngọn lửa ấm khát vọng
lay lắt xua đi
bóng tối những nỗi đau và cái chết
mà chúng ta đã từng biết

đi vào
nhau.
hơi thở em ào chảy trong những mạch máu
âm u của tôi
nối kết những mẩu độc thoại
về tiếc nhớ và sợ hãi
mà không cắt nghĩa được điều gì
Khoảng cách giữa tôi và em
là phương trình bất hạnh
của quá khứ và kỷ niệm

đi vào
nhau.
giữa vương quốc mênh mông của quên lãng.
Cô đơn

VẠN GIẢ

nguyên vẹn

*

Còn nỗi đau nhắc ta hiện diện
Vàng đá phai từ buổi khởi đầu
Tình kề cận cũng là miên viễn
Bởi con đường hun hút đêm sâu

Con lốc dữ xô người trôi dạt
Đẩy đưa hoài đến tận nơi đâu
Rồi chưa chi thêm ta hữu lạc
Nên kiếp này khó gặp lại nhau

Đời thất tán, thiên đường bỏ ngỏ
Người dặm ngàn ngóng kẻ chân mây
Những tang tóc tiếp dòng lửa đỏ
Quê hương đau, da thịt đọa đày

Từ chia cách ước mong hạnh ngộ
Câu thủy chung gầy guộc hình hài
Đường trở về biết là gian khổ
Còn tấm lòng nguyên vẹn không phai

TRẦN VĂN TÍCH

thương xác cùng ông tường vũ anh thy

Trên *Văn Học* số 64, ông Tường Vũ Anh Thy đã có một số nhận xét về bài *Mảnh quần hồng hoen ố rượu rơi* của tôi. Hôm nay tôi xin được trần tình cùng ông vài lời.

1. Ông Tường Vũ Anh Thy cho rằng tôi dùng từ "không ổn". Thực ra chuyện dùng từ thuộc phạm vi bút pháp, tùy thuộc vào phong cách. Tôi thường cố gắng chọn một văn từ thích hợp cho từng bài hay từng loại bài. Loạt bài viết về Đông y Đông dược đăng trên *Bách Khoa* trước năm 1975 ở quốc nội đã khiến họa sĩ Tạ Tỵ tưởng tôi là một "ông già" (1). Hai bài viết về tỉnh Quảng trị đã làm cho một vị nữ độc giả, bà Dương thị, có ý kiến: "Tôi nghĩ (Trần văn Tích) đã viết bằng cả lòng yêu thương, nhớ nhung" (2). Bài góp ý với luật sư Hoàng Cơ Thụy về bộ *Việt sử khảo luận* đăng trên *Văn Học* số 49 được bậc trưởng thượng họ Hoàng ban khen là "lời lẽ luôn luôn trang nhã" (3). Trên *Văn Học* số 34, mục *Thư tòa soạn*, bài *Diện mạo bộ Y tông Tâm lĩnh* của tôi bị phê bình chung (cùng với các bài khác trong cùng số) là "có phần hơi nặng nề khô khan", v.v...

Dĩ nhiên tôi có thể viết bài *Mảnh quần hồng...* theo một văn phong "nặng nề khô khan", tôi có thể sử dụng toàn những "từ thuộc bộ môn biên khảo" (dẫu rằng tôi không rõ có thể có một sự phân loại từ vựng minh bạch như vậy hay không). Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là tôi không xem tất cả các bài viết của tôi đều là bài biên khảo, và trong số này có cả bài *Mảnh quần hồng...* Quả là nhóm chủ biên *Văn Học* có xếp bài đó vào loại biên khảo ở trang bìa hai. Nhưng đó là quyền của quý vị ấy. Phần tôi, tôi nghĩ đối với một bài mà phủ trùm lên đầu nó là một đáy quần đàn bà, mà ở đoạn gần cuối chỉ toàn là cơ quan sinh dục; thì, đối với một bài như vậy, nếu bắt tôi cứ phải viết "nặng nề khô khan",

cấm không được sử dụng những từ không "thuộc bộ môn biên khảo" thì, nếu bắt tôi phải làm như thế, e rằng xử ức tôi quá. Vậy ra tôi không được phép viết "rất hay, rất 'đạt', rất trẻ" hay sao? Tôi rất tiếc là văn từ của tôi đã làm ông Tường Vũ Anh Thy phiền lòng, nhưng xin độc giả khoan dung cho tôi được lựa chọn bút pháp để trình bày những vấn đề mình muốn trình bày. Tôi nhắc lại một lần nữa là nếu cứ nhất định đóng gông tôi vào cái gông phong cách "nặng nề khô khan" thì tội nghiệp cho tôi lắm. Và có lẽ cũng tội nghiệp cho cả người đọc nữa. Khi viết về lịch sử, điều quan trọng là những nét cơ bản của nhân vật, của sự kiện cần được tôn trọng; không thể gán chuyện của nhân vật lịch sử này sang cho nhân vật lịch sử khác, chẳng hạn. Điều đó tôi đã làm vì sử học là một bộ môn thuộc phạm vi khoa học đòi hỏi tính chính xác tuyệt đối. Nhưng khi trình bày lịch sử trên một tạp chí văn học thì tôi không thể không vận dụng cá tính tư duy sáng tạo, năng khiếu điều khiển chữ nghĩa.

2. Vì tôi chỉ ghi một dòng về vụ vua Trần Dụ Tông thông dâm với chị ruột nên ông Tường Vũ Anh Thy trách là "trích dẫn lịch sử quá cô đọng". Nhưng, ở đây, cũng lại vấn đề đặt ra là tôi đã **chỉ làm công việc liệt kê, đan cử** các trường hợp thông dâm, hiếp dâm, loạn dâm, cưỡng dâm, tư thông, cướp vợ, tiền dâm hậu thú ở đời Trần, chứ **không chủ trương tường thuật tất cả chi tiết** trong tất cả các trường hợp. Tôi nghĩ đây là quyền tối thiểu của bất cứ người viết nào. Nếu có độc giả "hoang mang" thì độc giả đó chỉ có cách tìm hiểu thêm.

Ông Tường Vũ Anh Thy đã trích dẫn *Toàn Thư* để bổ túc chi tiết về chuyện Trâu Canh chữa bệnh cho vua Dụ Tông. Thực ra *Toàn Thư* ghi chả lấy gì làm nhiều về vụ này. Vũ Phương Đề trong *Công dư tiệp ký* dành cả một chương sách (*Huyệt tại thiềm thừ ảnh, bạc nghệ nhân đắc nhập vương cung*) để tường thuật lại câu chuyện liên hệ. Chẳng lẽ tôi phải chép y cả chương sách đó cho khỏi "cô đọng"? Ông Tường Vũ Anh Thy sẽ nghĩ thế nào nếu có người trách tôi sao không "đi vào chi tiết" các câu chuyện (ví dụ):

a) Hồ Quí Ly kết hôn với Công chúa Huy Ninh, là một câu chuyện đẫm sắc văn học qua câu thần cú (cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng):

Quảng hàn cung lý nhất chi mai

hoặc

b) Quận chúa Ả Kim say tiếng hát trước khi mê tấm thân Hà Ô Lôi mà *Lĩnh Nam chích quái* kể khá dài dòng?

Và rồi cứ theo cái đà đó thì hóa ra tôi sẽ giành "job" của ông Nguyễn Đức Lập và bài của tôi sẽ giành chỗ của *Phong vũ tiêu tiêu, lôi vũ động* hay sao?

Không ai trong chúng ta biết được hết mọi chuyện, nhưng đó không phải là lý do để chúng ta "hoang mang", dẫu cho chúng ta là trẻ hay già.

3. Ở đoạn cuối bài viết, ông Tường Vũ Anh Thy đề cập đến vụ Việt cộng đang chủ xướng phong trào phê bình lịch sử theo chiều hướng "vạch trần tất cả những xấu xa". Nếu ông chỉ cho đăng chuyện đó trên *Văn Học* như một thông tin thì sẽ rất bổ ích cho tôi, vì tôi chưa được biết. Tuy nhiên, ông lại đem chuyện đó ra kể nhân dịp ông có ý kiến về bài viết của tôi. Một cung cách liên hội như vậy khiến tôi thấy vui vui.

Thông thường tôi phải chuẩn bị ít nhất một năm cho mỗi đề tài muốn khai thác. Tôi nhẩn nha gom góp tư liệu, sắp xếp các phần trong bài định viết rồi khi thấy tạm đủ tư liệu mới bắt đầu cầm bút. Theo lề lối đó tôi viết xong *Mảnh quần hồng...* và gởi cho *Văn Học* ngày 13 tháng 03 năm 1991. Vào hai thời điểm tôi bắt đầu chuẩn bị cho bài *Mảnh quần hồng...* và gởi bài cho *Văn Học* chắc chắn Vixi chưa có chủ trương "phê bình lịch sử" (vì đây là "một nhu cầu mới", theo ông Tường Vũ Anh Thy). Vậy nhóm Chủ biên cũng như cá nhân tôi làm thế nào tiên đoán được chủ trương của giặc? Ngày 29 tháng 07 năm 1990, ông Nguyễn Hữu Nghĩa, chủ trương *Làng Văn* và *Văn Xã*, yêu cầu tôi góp bài cho một số *Văn Xã* có chủ đề ca dao. Tôi quyết định viết về hát ru em. Ngày 16 tháng 03 năm 1991 tôi hoàn tất và gởi đi. Đến nay, bài Hát ru vẫn chưa đăng. Có lẽ đến mùa đông 1991 mới đăng. Giả dụ như lúc đó Việt cộng lại chủ trương đề cao hát ru để... ru ngủ đồng bào thì tôi có thể làm gì khi bỗng dưng đối diện với "ẩn ý

chính trị" này của chúng? Lập trường của tôi trong vấn đề này rất đơn giản: Việt cộng làm gì là chuyện của chúng nó, tôi viết về gì là việc của tôi. Tôi thấy chẳng cần phải quá sợ bóng sợ gió, tôi lại càng không thể cứ ngồi mà đoán mò xem giặc sẽ dở trò gì.

4. Tôi không hề cảm thấy bị ông Tường Vũ Anh Thy "đả kích". Trái lại, tôi rất cảm kích vì tấc lòng tri ngộ ông dành cho tôi từ khi tôi chập chững viết lách cho đến tận bây giờ. Tôi biết rằng tôi học chưa đến đâu, tôi biết rằng tôi rất hay phạm sai lầm. Và tôi rất vui mừng được ông Tường Vũ Anh Thy – cũng như các độc giả khác – cho biết ý kiến, cảm nghĩ của mình về những gì tôi viết. Tôi càng vui mừng hơn vì ông Tường Vũ Anh Thy hành văn hòa nhã, không hề nặng lời. Như tôi đã có nhiều dịp thấy trên các tạp chí, nguyệt san, tuần báo, v.v... của cộng đồng chúng ta.

5. Cũng do cái học hạn chế nên tôi không biết gì về thao tác "gài kim trong người để yếm"; do đó rất ân hận không thể giải thích cho ông Tường Vũ Anh Thy. Tôi chỉ biết thủ thuật lưu kim trong châm khoa.

6. Đối với một vài luận điểm của ông Tường Vũ Anh Thy, tôi không thể có ý kiến vì không rõ tác giả muốn nói gì. Tỉ như:

a) Một mặt ông cho rằng "phong tục thì khó phê phán"; mặt khác, ông lại đan cử dài dòng những lời "phê bình khá kỹ" của Ngô Thì Sỹ trong *Việt sử tiêu án* đối với phong tục triều Trần;

b) Sau khi khẳng định như đinh đóng cột rằng tôi "không cố ý khen chê lịch sử", ông nhắc nhở tôi "những chuyện lịch sử không bao giờ đơn giản để ta có thể phê phán vội vã", ông "thưa rằng: nếu đã phê bình lịch sử, xin (...)". Thành ra đọc ông, tôi không rõ là theo ý ông, tôi có phê bình hay không phê bình lịch sử. □

---

(1) Tạ Tỵ – *Những khuôn mặt văn nghệ đi qua đời tôi* I Hồi ký, trang 282.

(2) *Làng Văn* số 69, tháng 05–90, trang 105.

(3) Hoàng Cơ Thụy – *Việt sử khảo luận* Tập 7. Phần Phụ lục.

HOÀNG SỬ MAI

GÓP Ý VỚI ÔNG TƯỜNG VŨ ANH THY

*

1.

Trong tạp chí *Văn Học* số 64, ông Tường Vũ Anh Thy, nhân phê bình bài *Mảnh quần hồng hoen ố rượu rơi*, cho rằng tác giả Trần Văn Tích đã có một thái độ buông thả, "*có thể gọi là cợt nhã*".

Từ điểm này, ông Anh Thy viết tiếp: "*Những từ* 'ác ôn', 'tài ba hơn', 'đáng nghi', 'đầy nhóc' *và nhiều nữa sau này không phải là từ thuộc bộ môn biên khảo*".

Các bộ môn khoa học nhân văn như sử ký, triết học, tâm lý, văn chương... không hề có một phương pháp biên khảo nào nhất định. Nếu có một khuôn mẫu, theo tôi, phần lớn chỉ dựa vào quan điểm. Hơn một thế kỷ rưỡi qua, khi Marx hệ thống hóa các tư tưởng xã hội thành một chủ nghĩa, các người Mác-xít thường hay nhìn các bộ môn nói trên qua lăng kính của duy vật sử quan, và cố gắng cho đó là khoa học. Nhưng điều này, không nhất thiết những người không Cộng sản phải nhìn vấn đề cùng một khuôn mẫu nói trên.

Việc ông Anh Thy yêu các danh nhân lịch sử đến độ thánh hóa, và gìn giữ sự thánh hóa này trong khuôn phép đạo đức là một điều... "cũng tốt thôi". Đó cũng là quyền của bất cứ ai. Thi sĩ, có thể thánh hóa các đối tượng cụ thể của mình, như người đẹp, mảnh trăng... để thăng hoa trong một cõi riêng mình. Nhưng khi muốn áp đặt sự thánh hóa này thành một mẫu mực cho người khác, tôi e rằng, việc nói trên trở thành cuồng tín.

Bỏ qua chuyện có đồng ý với ông Trần Văn Tích hay không, tôi mượn ý một câu nổi tiếng của Voltaire, cách đây hơn hai thế kỷ, chẳng thà tôi ủng hộ sự tự do "biên khảo" của ông Trần Văn Tích còn hơn là được ông Tường Vũ Anh Thy bao cấp luân lý.

Thật sự, khi đọc nhan đề là *Mảnh quần hồng hoen ố rượu rơi*, độc giả chắc đều hiểu là đã bước vào vườn chơi riêng của ông Trần Văn Tích. Nó có thể cợt nhã. Nhưng những cụm từ được ông Anh Thy trích dẫn trên, chỉ là phương tiện để diễn đạt ý tưởng, và nếu tự đứng một mình, khó mà có thể gán cho nó một ý nghĩa cợt nhã. Trong khi đó, khi viết về Trần Quốc Tuấn, người duy nhất của Việt sử được dân tộc phong là "Đức Thánh Trần", ông Anh Thy cũng dùng những từ như "chàng", "nàng", là những từ chỉ mới thông dụng từ hơn nửa thế kỷ nay. Hoặc trong phần trích dẫn *Việt Sử Tiêu Án* mà ông Anh Thy nêu ra, cũng có những chữ như "dâm loạn", "tư thông", "dâm ô", "dâm bôn"... không lẽ chúng ta, lại nghiêm mặt đòi sử gia Ngô Thì Sỹ phải cắt bỏ!

Nhưng phần quan trọng ở đây, lý do chính khi phải viết bài này, là khi ủng hộ quyền tự do của ông Trần Văn Tích, tôi cũng không hề có ý chống đối việc phê bình, dù trên phương diện đạo đức của ông Anh Thy. Tôi chỉ muốn nói, khi cho rằng có một số từ không được dùng trong phương pháp biên khảo, điều này không những vô lý mà có thể sẽ trở thành trở ngại cho công việc biên khảo và phổ biến. Từ vựng Việt vốn không giàu có gì, các công trình biên khảo của người Việt hải ngoại vốn đã hiếm, những khuôn mẫu mà sự cắt bỏ, chỉ có thể làm cả hai nghèo đi.

2.

Về đời Trần, một triều đại khá đặc biệt của lịch sử Việt–nam, ông Anh Thy viết:

"*Đời Trần, vua khuyến khích việc hôn thú trong họ hàng gia tộc* (Toàn Thư) *coi như phong tục người Đại Việt. Phong tục này, phần nào có ý khác với Trung–hoa, tỏ ra không chịu lệ thuộc Tàu. Đã là phong tục thì khó phê phán*".

Triều đại nhà Trần đã để lại cho chúng ta những sự kiện oanh liệt như Hội nghị Diên-hồng, ba lần phá quân Mông-cổ, vì nước quên thù nhà của Trần Hưng Đạo... Truyền thống dân tộc chúng ta là tinh thần độc lập mà chủ yếu là chống những âm mưu thôn tính của người Trung-hoa. Nhưng có nhất thiết vì tinh thần "tỏ ra không chịu lệ thuộc Tàu", mà triều đại nhà Trần đã "khuyến khích việc hôn thú trong họ hàng gia tộc" hay không?

Giải thích như trên, theo tôi, đã quá tiêu cực, thụ động, khác hẳn với phong cách của triều đại nhà Trần. Có phải vì tinh thần chống Tàu, nên nhà Trần phải làm khác những điều mà người Tàu làm để chứng tỏ tinh thần độc lập của mình?

Thêm nữa, là ở các triều đại quân chủ, bất cứ nơi đâu và thời nào, việc truyền ngôi cho con cháu giữ gìn quyền lực trong một dòng họ là việc quan trọng hàng đầu. Họ Trần vì thông gia với nhà Lý nên đã nắm đầu quyền lực và cuối cùng là soán đoạt ngôi vua. Có thể kinh nghiệm bản thân như thế, nên nhà Trần đã khuyến khích việc lấy nhau giữa dòng họ để bảo đảm quyền lực khỏi bị san sẻ ra ngoài.

Chuyện này, chỉ xảy ra đặc biệt ở dòng họ Trần mà thôi, không nhất thiết gọi đó là phong tục, vì phong tục là một điều phải có tính phổ biến ở dân gian.

Hầu hết các dân tộc còn tồn tại trên thế giới, đều không có phong tục lấy lẫn nhau trong dòng họ. Có thể nhân loại nói chung đều có một kinh nghiệm như thế, là lấy nhau như vậy, con cháu rất yếu đuối. Điều này đã được môn di truyền học chứng minh. Các dòng họ quân chủ Âu-châu, đặc biệt ở Anh, đã thường lấy lẫn nhau trong nhiều thế kỷ trước, vì không muốn kết hôn với thứ dân, nên con trai dòng họ này thường bệnh hoạn, đặc biệt hay mắc bệnh hoại huyết không thể chữa được. Gần hơn cả là đứa con trai duy nhất của vua Nicolas II nước Nga, có liên hệ với Anh hoàng, cũng mắc bệnh như thế, đưa đến việc tin dùng vào Rapustin, như một tên phù thủy, để tên này chuyên quyền, làm hỗn loạn, suy yếu và cuối cùng là sự sụp đổ của triều đình Nga hoàng năm 1917.

3.

Trong phần viết về vua Dụ Tông, lên ngôi năm 1341, mất năm 1357, ông Anh Thy đã trích nguyên một đoạn văn trong *Toàn Thư*, việc Hoàng tử Hạo, tức vua Dụ Tông sau này, ban đêm đi chơi hồ Tây bị chết đuối, nhờ thầy thuốc Trâu Canh dùng kim châm nên được cứu thoát nhưng nhà vua lại bị bệnh liệt dương. Mãi 12 năm sau, tức 1341, vua lại được Trâu Canh dùng châm cứu, thuốc và mẹo chữa khỏi bệnh này. Trong *Toàn Thư*, thuốc là Dương khởi thạch, còn mẹo là thông dâm với chị ruột là Công chúa Thiên Ninh.

Mặc dù thường tự hào nước Việt có bốn, năm ngàn năm lịch sử, nhưng nhìn lại, nước Việt ta không có truyền thống viết sử. Quyển sử đầu tiên do chính người Việt-nam viết, nếu tôi nhớ không lầm, được viết bởi Lê Văn Hưu ở đời Trần, thế kỷ 13. Lịch sử của chúng ta có nhiều huyền thoại, truyền thuyết hoặc những câu chuyện, mà một đầu óc có kiến thức khoa học bình thường bây giờ khó có thể tin đó là dữ kiện. Chúng ta có thể tin vào huyền thoại, truyền thuyết nhưng đó chỉ là niềm tự tin và tự hào. Chúng ta cũng có thể dựa vào những điều trên để tìm hiểu tâm thức cộng đồng dân tộc, nhưng không nhất thiết phải tìm cách chứng minh thành sự kiện nếu không có thêm khoa khảo cổ hoặc những tài liệu khác làm căn cứ. Bà Nữ Oa ở Trung-quốc, Âu Cơ và Lạc Long Quân ở Việt-nam, Nữ thần Thái Dương ở Nhật-bản là những huyền thoại nuôi tâm thức cộng đồng mỗi dân tộc, là một niềm tin nhiều hơn là sự việc.

Từ chuyện Trâu Canh là một thầy thuốc Đông y, chữa bệnh liệt dương cho vua Dụ Tông bằng châm cứu và mẹo, ông Anh Thy lại suy luận theo kiến thức "y tà học", mà ông cũng xác nhận là truyền thuyết, để cho vua Dụ Tông uống thuốc Dương khởi thạch pha với mật người bán nam bán nữ, là một việc móc nối hai mệnh đề đều không có một cơ sở lý luận nào liên hệ với nhau.

Ông Anh Thy cũng trích từ *Toàn Thư*: "*Mùa thu, tháng bảy, nước to. Có người con gái ở Thiên-cương, Nghệ-an biến thành con trai*". Câu

này, ông đã đi xa hơn, để cho rằng người này là người bán nam bán nữ, bị giết để vua Dụ Tông ăn mật.

Chuyện thông dâm với chị ruột theo sách *Toàn Thư* là một dữ kiện. Dựa vào sách y tà học để cho vua Dụ Tông ăn mật người đã là một giả thuyết. Rồi cho rằng người con gái biến thành con trai ở Nghệ-an là nạn nhân bị ăn mật thì trở thành một sự tưởng tượng, nếu nói trên phương diện luận lý, và là một lời kết tội hoàn toàn vô căn cứ, nếu trên phương diện luật pháp. Cả hai vế trong *Toàn Thư* có một khoảng cách khá xa, ngoại trừ sự liên hệ duy nhất là chuyện người con gái biến thành con trai và việc chữa khỏi bệnh vua Dụ Tông xảy ra cùng năm Tân Mão (1351). Khoảng cách khá xa này chắc cũng phải bằng Nghệ-an ra Hà-nội, nếu so với phương tiện di chuyển cách đây hơn 6 thế kỷ.

4.

Khi bước sang đến phần phê bình về dụng ý của ông Trần Văn Tích, ông Anh Thy cho rằng khi đưa những dữ kiện dâm ô của những nhân vật nổi tiếng lịch sử, rồi nói bằng giọng cợt nhã, đã gây hoang mang cho giới độc giả trẻ. Ông Anh Thy lại nhảy qua việc cho rằng hiện thời chính quyền Cộng sản Việt-nam cũng đang làm những chuyện nói xấu lịch sử, "*vạch trần tất cả những xấu xa trong lịch sử... hay hạ thấp lịch sử xuống cho bằng họ. Ai cũng xấu, cũng có lỗi lầm chứ không riêng gì đảng. Vậy sự trách cứ hận thù của dân sẽ giảm đi. Và đảng sẽ trơ tráo nhận lỗi mà vẫn cầm quyền*".

Sự so sánh nào cũng có thể khập khiễng, nhưng việc ông Anh Thy so sánh như trên, đã hầu như một lời buộc tội. Lần này nguy hiểm hơn, vì nó có tính chính trị thời thượng, một đặc tính của tinh thần chống Cộng vô tội vạ. Dây có phải là một sự so sánh có dụng ý, ông Trần Văn Tích đang làm những chuyện chính quyền Hà-nội đang làm?

Một là, về mặt lý luận, những người ở hải ngoại (theo tôi biết cả hai ông Trần Văn Tích và Anh Thy đều ở nước ngoài) làm những điều giống như chính quyền Hà-nội đang làm, có nhất thiết phải bị mang ra so sánh? Chính quyền Hà-Hà-nội, từ trước đến giờ hay ca tụng

vua Hùng Vương, những người ở hải ngoại cũng hay làm kỷ niệm quốc tổ Hùng Vương, có nhất nhất nghi ngờ đây là theo đúng đường lối chính sách của đảng, hay làm lợi cho Cộng sản hay không. Hoặc phủ nhận chế độ Hà-nội, có nhất thiết những người chống Cộng phải làm ngược lại những điều chế độ này đang làm hay không?

Hai là, khi nói đến phong trào viết về những xấu xa của lịch sử tại Việt nam, ông Anh Thy không đưa ra những dữ kiện để bảo vệ cho nhận định của mình. Theo tôi, những quyển sách về lịch sử xuất bản dưới chế độ xã hội chủ nghĩa cũng không hoàn toàn nhất quán với nhau từ trước đến giờ. Bởi vì, nếu theo sử quan của những người Mác-xít, thì lịch sử của thời phong kiến luôn luôn có những giới hạn của nó, dù có những anh hùng, những người yêu nước, nhưng cũng nằm trong hàng rào của tư tưởng Nho giáo và giai cấp phong kiến. Nhưng thật ra, sự phát triển và lớn mạnh của phong trào Cộng sản tại Việt nam từ 1930 đến 1945 thì lại chủ yếu dựa trên tinh thần yêu nước, nên rất nhiều danh nhân lịch sử đã được họ thánh hóa. Sự thánh hóa này càng rầm rộ từ năm 1979, khi có trận chiến Việt Hoa bùng nổ. Đây là khoảng thời gian mà chính quyền Hà-nội đã xuất bản những quyển sách sử nhiều nhất, như các quyển sách về Hai Bà Trưng, Thơ Văn Lý Trần, Nguyễn Trãi, Quang Trung, các sách khảo cổ... Cũng chính vì những điều trên, nên họ đã có những lúng túng trên mặt lý luận. Sau này, một câu khẩu hiệu thường được lập lại khá nhiều là "yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa" chứng tỏ sự lấn cấn và khác biệt khá bất thường của sự bao cấp muốn đồng hóa hai vế trên.

Chỉ có một sự thánh hóa, mà cho tới giờ phút này, đảng Cộng sản Việt-nam vẫn cố muốn bảo vệ tới cùng là hình ảnh ông Hồ Chí Minh. Động tới sự thánh hóa này, hầu như là ra mặt chống đảng. Bởi thế một số các văn nghệ sĩ, trí thức tại Việt-nam đã tìm cách hạ bệ một số hình ảnh thần tượng xuống, theo tôi, như sự đánh thức những não trạng thánh hóa một chiều của đảng viên lẫn quần chúng.

Trong tạp chí Sông Hương, số 35, xuân năm 1989, xuất bản tại Huế, có một bài của ông Trần Quốc Vượng, giáo sư Sử học tại Đại học Tổng Hợp Hà-nội, có viết một bài về vua Quang Trung, cho rằng

vị vua này không hoàn toàn tốt đẹp, có tinh thần đổi mới như mọi người thường nghĩ. Tôi không đánh giá bài này như một bài chống đảng hay phản kháng, nhưng ít ra nó cũng chứng tỏ lối suy nghĩ độc lập với những lề thói thông thường. Đặc biệt hơn nữa là truyện ngắn *Phẩm Tiết* của Nguyễn Huy Thiệp, đã cho vua Quang Trung có những thói thông tục như tham vặt, háo sắc, hoặc đối đáp bằng một số ngôn ngữ thô lậu. Truyện ngắn này đã gây tranh luận khá sôi nổi tại Việt nam, giữa hai bên, một bên bênh vực cho rằng đó là quyền sáng tạo của nghệ sĩ, và bên lên án cho là nói xấu lịch sử. Nhưng những người chống Nguyễn Huy Thiệp, thường chỉ vì lý do muốn bảo vệ sự thánh hóa của họ, và sợ rằng chuyện này đã hàm ý chỉ tới nhân vật Hồ Chí Minh. Cả hai bên, không ai cho là Nguyễn Huy Thiệp, người viết thông tục về vua Quang Trung, lại theo phe chính quyền.

Thời kỳ chính quyền Hà-nội kiểm soát tư tưởng, phát biểu hoặc sáng tạo của mọi người đã qua. Tôi nghĩ hiện tượng nhiều ý kiến khác nhau về lịch sử hoặc các vấn đề khác tại Việt-nam là một hệ quả đương nhiên ngoài vòng chủ động của đảng. Không hề có một luận cứ hoặc bằng chứng nào cho rằng đó là đường lối chủ trương của đảng.

5.

Vài năm trở lại đây, có một hiện tượng phổ biến một số các tác phẩm trong nước ra ngoài. Một phần lớn các tác phẩm này, có chọn lọc, được xếp loại "văn học phản kháng", độc giả tại hải ngoại, ngày càng quen thuộc với một số các cây bút tại quê nhà, thậm chí của các đảng viên Cộng sản. Việc xuất hiện này, đã gây ra những cuộc tranh luận, đôi khi khá gay go và đưa tới cả chuyện hiềm khích cá nhân.

Ông Anh Thy, trong bài nói trên cũng đã bất ngờ nhảy vào đề cập vấn đề trên. Ông viết:

"Hiện nay, phong trào tự do phê bình lịch sử mới thực sự bùng nổ dưới nhiều trạng thái và bộ môn nghệ thuật khác nhau, chứ không hẳn chỉ là 'phong trào văn chương phản kháng' như nhiều người ở hải ngoại đã và đang đặt ra để tranh cãi".

Khi nhìn lại một sinh hoạt văn học của một nhóm, một thời, một

địa phương, người ta có thể nhìn thấy một khuynh hướng nào đó. Khuynh hướng này thường được hệ thống hóa, để dễ dàng hơn cho việc đánh giá, tiếp thu văn học. Thí dụ văn học lãng mạn, xã hội, tả chân, hiện sinh, v.v... Sự đánh giá này, có thể chỉ bằng cảm tính, chủ quan hay quan điểm chính trị đi nữa, thì nó cũng là quyền tự do của người phê bình. Điểm quan trọng là làm sao sự phê bình có sức thuyết phục, để có nhiều người đồng thuận.

Việc tranh cãi về văn học phản kháng, nếu xét trong quyển *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương*, là một quyển sách dày nhất về việc này, có những phần khác nhau của văn học như lý luận, phê bình, kịch nghệ, phim ảnh và đông đảo nhất là sáng tác văn nghệ. Nhưng những người tham dự vào việc tranh cãi, họ cũng chỉ tranh cãi trong phạm vi nội dung của nó. Những người ủng hộ cho rằng đó là phản kháng thật. Những người chống đối cho rằng phản kháng cuội, hoặc phản kháng từ đầu gối trở xuống. Một số người ở Việt-nam, lập trường chung chung, không ra mặt ủng hộ hay chống đối thì chỉ cho đó là văn học cải cách hoặc văn học đổi mới (ngôn ngữ của đảng). Mặc dù những đánh giá này khác biệt đến đâu đi nữa, nhưng tất cả đều đồng ý một chuyện là những Nguyễn Huy Thiệp, Trần Mạnh Hảo, Dương Thu Hương, Nguyễn Duy... và những tác phẩm của họ là những sự kiện có thật, người và việc có thật, chỉ khác biệt ở chỗ nội dung mà thôi.

Đồng ý hay không đồng ý là một chuyện khác, nhưng không ai quay lưng đi, phủ nhận sự hiện hữu của các tác phẩm này, và cho rằng đó chỉ là sự đặt để ra để tranh cãi. □

Đón Đọc:

TỜ MỘNG RÁCH RỒI

Tập truyện Hồ Đình Nghiêm

Tân Thư & Thời Văn xuất bản

THƯ TÍN

Anh Nguyễn Minh Huấn (Penn.): Rất cảm động khi đọc thư anh. Có lẽ phần thưởng quí báu nhất dành cho anh em Văn Học là được đọc những lá thư nhiệt tình chia sẻ những cảm nghĩ của mình từ xa gửi về như lá thư của anh. Đã gửi báo số 64 đến địa chỉ mới. Chúc anh sớm định cư trên xứ người. Thân.

Anh ViVi Võ Hùng Kiệt (Canada): Cảm ơn lắm lắm về mối thịnh tình. Anh em bên đó, tuy đất trời lạnh lẽo, nhưng lại có vẻ đầm ấm nhỉ? Vẫn nhớ lời anh Hoàng Xuân Sơn, chỉ có cái chất văn nghệ "ròng" mới giữ anh em mình lại mãi mà thôi. Đã chuyển lời thăm hỏi của anh đến Khánh Trường. Khánh Trường thì lúc nào cũng chỉ có màn cười trừ. Thân.

Chị Phạm Thị Ngọc (Texas): Mong sớm thấy tác phẩm của chị ra mắt độc giả. Tờ *Thế Hệ* do chị và các anh em trẻ dưới đó chủ trương, tuy là tờ báo của thanh niên sinh viên nhưng bài vở rất giá trị, cùng với tờ *Ngàn Phương* ở miền Đông và tờ *Non Sông* ở miền Tây, là những tiếng nói nhiệt tình của thế hệ trẻ Việt-nam nặng tình với quê hương dân tộc. *Văn Học* hứa sẽ giúp, trong khả năng của mình, giới thiệu tờ *Thế Hệ* đến độc giả khắp nơi. Thân.

Anh Lê Tất Luyện (Pháp): Đã nhận được "món quà" anh nhờ anh Phạm Duy đem về. Một lần nữa, lại như nắng hạn gặp mưa rào. Cứ tưởng ngắc ngoải đến nơi thì lại nhận được "quà" của anh. Như anh biết, việc thu tiền các đại lý bán báo ở xa là việc làm hết sức khó khăn. Cho đến nay, *Văn Học* vẫn chưa có được một hệ thống đại diện hữu hiệu ở các địa phương, mà độc giả thì trải ra khắp năm châu. Rốt cuộc, lại phải nhờ vào sự trợ giúp của những thân hữu như anh. Thân.

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp ông bà họa sĩ Thái Tuấn
báo tin lễ thành hôn của ái nữ là cô:
MARIE NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN
đẹp duyên cùng cậu
LA THANH HUY
Hôn lễ cử hành vào ngày 29 tháng 6 năm 1991 tại
St. Pryve - St. Mesmin, Pháp quốc
Thành thật góp vui cùng anh chị Thái Tuấn và chúc cô dâu chú rể
trăm năm hạnh phúc

●

Mai Thảo - Văn
Trịnh Y Thư, Cao Xuân Huy, Khánh Trường - Văn Học

CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp báo tin bạn văn:
Nhà thơ NGUYỄN HẢI HÀ
kết duyên cùng cô
NGUYỄN THỊ HƯỜNG
Hôn lễ cử hành vào ngày 6 tháng 7 năm 1991 tại
Westminster, CA, USA
Chúc mừng hai bạn trăm năm hạnh phúc và sớm có "tác phẩm"

●

Ban chủ biên Văn Học và Thân hữu

TRÂM ANH - THE PERFECT BRIDE

(714) 638-8209

(714) 373-1345

13802 Brookhurst # 1A Garden Grove CA 92643 USA
(đối diện Target, cạnh Rainbow Donut)

•

CHUYÊN BÁN và CHO THUÊ ÁO CƯỚI với các hãng nổi tiếng như ILLISA, MARY, ALFRED ANGELO và TUXEDO với CHRISTIAN DIOR, PIERRE CARDIN, AFTER SIX...
Ngoài ra chúng tôi còn bán sỉ các áo cưới và áo phù dâu, dạ hội nổi tiếng đẹp nhập cảng từ Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan...
Nhận cung cấp sỉ đồ cưới cho các tiệm đồ cưới trong vùng và gửi hàng đi khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, Canada bằng UPS

•

GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG, TIẾP ĐÃI NỒNG HẬU

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

• bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
• bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM
thứ bảy: 9 AM - 1 PM
Tel: **(714) 641-0263**
Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

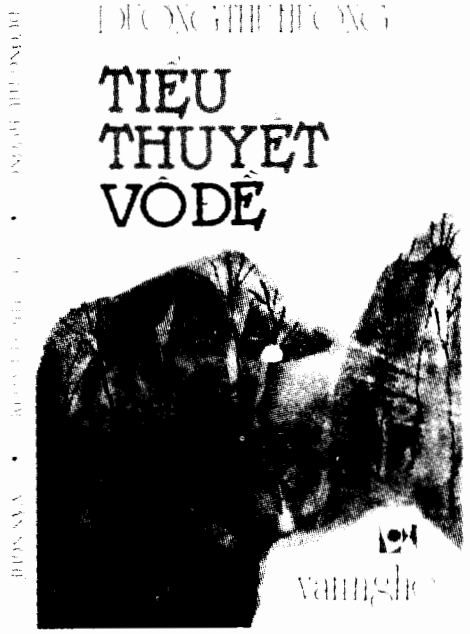

DƯƠNG THU HƯƠNG

Từ *Bên kia bờ ảo vọng*, *Những thiên đường mù* đến các bài tham luận sắc bén đanh thép...

Mời bạn đọc tác phẩm mới nhất cùng một tác giả: *Tiểu thuyết vô đề*. Bản thảo vừa đến Pháp ba ngày là DƯƠNG THU HƯƠNG bị cộng sản bắt.

Một tác phẩm vừa mạnh bạo gân guốc vừa lãng mạn thơ mộng, do nhà VĂN NGHỆ xuất bản. 250 trang. Giá 12MK (ngoài nước Mỹ 13MK)

Sách đã bán ở các nhà sách hoặc

VĂN NGHỆ
P.O. box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

TÂN THƯ & THỜI VĂN
13081 Hope St. Garden Grove, CA 92683
Điện thoại: (714) 537-2468

•

Sắp Phát Hành

TỜ MỘNG RÁCH RỒI
Tập truyện HỒ ĐÌNH NGHIÊM

CHỖ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG
Tập truyện KHÁNH TRƯỜNG

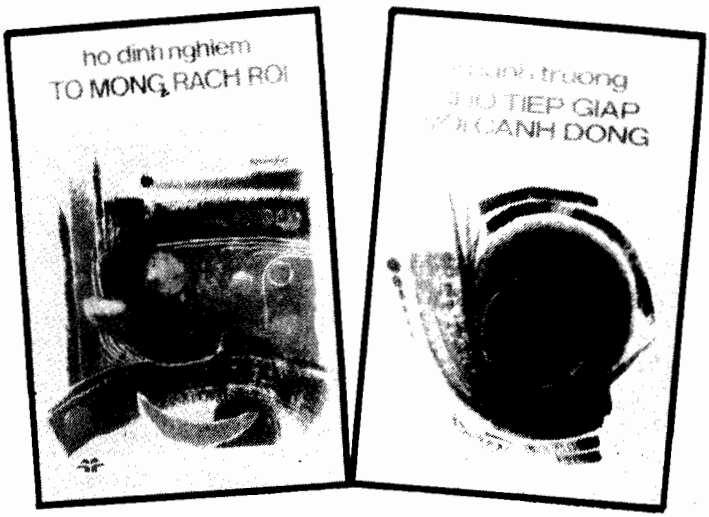

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.

Phone: (714) 527-5761

Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

SÁCH SẼ IN 1991

- **VÀI CHÚ GIẢI VỀ THIỀN ĐỐN NGỘ** — **8.00MK**
  Nguyên Giác Phan Tấn Hải
- **TIỂU THUYẾT VÔ ĐỀ** — **12.00MK**
  Tác phẩm mới nhất của Dương Thu Hương
- **VĂN HỌC VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ CỘNG SẢN 45-90** — **16.00MK**
  Nguyễn Hưng Quốc
- **LỊCH SỬ VĂN MINH TRUNG QUỐC** — **13.00MK**
  Will Durant – Nguyễn Hiến Lê dịch
- **HỒI KÍ TẬP II** — **14.00MK**
  Nguyễn Hiến Lê

TỔNG PHÁT HÀNH

Nhà xuất bản AN TIÊM:

- **ĐỌC KINH** — **6.00MK**
  Vũ Khắc Khoan
- **HOÀNG TỬ BÉ** — **6.00MK**
  Le Petit Prince của Saint Exupéry
  Bùi Giáng dịch
- **MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC** — **6.00MK**
  Bùi Giáng dịch
- **TỪ CHỐN LƯU ĐÀY** — **13.00MK**
  của Hoàng Nguyên Nhuận
- **NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG** — **15.00MK**
  Hermann Hesse – Trí Hải, Vĩnh Bách và Lan Nhã dịch
- **THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI** — **6.00MK**
  Rainer Maria Rilke – Phạm Công Thiện dịch
- **SÔNG CÔN MÙA LŨ TẬP I, II, III, IV** **(18, 20, 20, 20MK mỗi tập)**
  Trường thiên tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Mộng Giác
- **LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM** — **15.00MK**
  Tạ Chí Đại Trường
- **THƠ TAGORE (Lời dâng, Tâm Tình Hiến Dâng)** — **8.00MK**
  Đỗ Khánh Hoan dịch

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

văn nghệ
P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

Giá: 3$50